

Quỳnh Dao

Chuyện Đời Tôi



WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

QUỲNH DAO

Chuyện Đời Tôi

Đôi lời cùng bạn đọc

Ngày 9 tháng 4 năm 1988, tôi bay từ Đài Loan đến Bắc Kinh, mở đầu chuyến thăm cố quốc đầu tiên của tôi, sau ba mươi chín năm trời xa cách.

Qua chuyến đi này, tôi đã viết một cuốn sách lấy tên là "Tình quê hương không bao giờ dứt", tưởng đã nói đủ cảm xúc và những gì đã trải qua trong cuộc hành trình này, nên tôi không nhắc lại.

Thời gian ở Bắc Kinh, có nhiều bạn bè và độc giả đến thăm tôi, mang theo các tác phẩm Quỳnh Dao và các bài viết về Quỳnh Dao do các nhà xuất bản ở đây ấn hành. Tôi vội lấy đọc mới biết rằng những gì hơn nửa đời người mà tôi đã làm, đã trải, đều được sách vở và báo chí ở đây nhắc đến, trong đó có nhiều vụ việc mà ngay chính bản thân tôi cũng không biết nữa. Tôi cứ đọc và càng đọc càng thấy mình xao xuyến, xúc động. Thì ra, ở đất liền, tôi có biết bao người bạn tốt, hằng quan tâm, theo dõi bước đi của mình. Tôi nghĩ, sau khi trở lại Đài Loan, thế nào tôi cũng viết một cuốn sách nói thật về cuộc đời mình để sớm gởi đến bạn đọc. Nguyên vọng này luôn đeo bám tôi, sau khi tôi đã về nhà, nhưng viết thế nào cho đúng là tôi trong đời thật, quả hết sức khó! Người trong gương là tôi mà không phải là tôi; dưới con mắt người đời là tôi mà cũng không phải tôi, sau này số phận dong dẫu thế nào, tôi nào biết được, còn trước mắt, với tôi, vẫn là cuộc thăm dò, tìm kiếm, thử nghiệm vô tận... Thôi thì, điều có thể nói ra được là tất cả những gì đã đi qua đời mình vậy!

Đời tôi đã đi qua như thế nào? Thật lạ lùng, dẫu bụi thời gian che phủ, trước mắt tôi lúc nào cũng hiện ra rõ mồn một biết bao giông tố bão bùng, biết bao cuộc tan hợp đầm đầy nước mắt, tình yêu và lòng căm giận, khổ đau và cái chết rập rình suốt những năm tháng dài lưu lạc. Đã là con người, ai cũng có niềm vui và nỗi buồn, tôi cũng vậy, nhưng lại ở mức độ hết sức đậm đặc. Có thể nói quá khứ đời tôi là dòng hợp lưu của mồ hôi và

nước mắt, cuồng vọng và nỗi đau, đoàn tUSBCP5@? p□ cô đơn và giầy dụa, mâu thuẫn và day dứt, lỗi lầm và ân hận... Cứ vậy, tôi nhớ lại và sắp xếp mọi chuyện và ngỡ rằng đều là chuyện trong mơ, không phải của chính bản thân mình. Dù sao công việc cũng đã xong, tôi xin gửi đến bạn đọc những người bạn lúc nào cũng giành cho tôi sự quan tâm và lòng yêu mến chân tình.

QUYỀN DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 1

Chào đời

Chuyện đời tôi bắt đầu từ trước khi tôi chào đời. Tôi xin kể về ba mẹ tôi trước.

Ba tôi tên Trần Chí Bình, quê nội ở Hành Dương tỉnh Hồ Nam, trưởng thành ở Bắc Kinh.

Mẹ tôi là Viễn Hành Như, quê nội ở Vũ Tiến, Tỉnh Giang Tô, cũng trưởng thành ở Bắc Kinh.

Bắc Kinh, có thể coi đây là quê hương thứ hai của ba mẹ tôi, hai người lớn lên ở đây, gặp nhau ở đây, yêu nhau ở đây, rồi cưới nhau cũng ở đây. Chuyện của hai người từ lúc gặp nhau cho đến khi nên vợ nên chồng, mang đầy chất lãng mạn và thần kỳ. Hồi ấy, mẹ tôi học ở

trường nữ trung học Lương Cát, ba tôi dạy tại trường này, lúc đầu chỉ là quan hệ thầy trò. Nghe đâu cuộc hạnh ngộ giữa hai người phải đấu tranh dằn vặt dữ dội, vì mẹ tôi vốn là tiểu thư đài các của một gia đình quyền quý, gia giáo. Còn ba tôi chỉ là chàng trai độc thân ở Bắc Kinh, cuộc sống có phần phóng khoáng và không rõ gốc gác của ba tôi, ông ngoại rất đần đo chuyện hôn nhân của mẹ tôi. Ở tít tận Hồ Nam, ông nội biết chuyện, lập

tức viết một thư rõ dài cho ông ngoại đề cầu hôn cho con trai. Nghe đâu, ông ngoại vừa đọc xong thư này liền đắc ý, thốt lên:

- Hồ phụ sanh hồ tử! Văn chương bố hay thế này thì nhất định con không kém được. Thế là ba mẹ tôi cưới nhau. Năm ấy, ba tôi hai mươi bảy tuổi, mẹ tôi vừa tròn hai mươi. Hồi còn trẻ, tính cách mẹ tôi mạnh mẽ, hiếu thắng, sức học cũng khá. Lấy chồng xong, bà không chịu bỏ học, nên vào trường nghệ thuật chuyên nghiệp Bắc Kinh, bắt đầu học vẽ.

Thực ra, các môn cầm, kỳ, thi, họa thuộc giáo trình bắt buộc của gia đình được mẹ học liên tục ngay từ bé. Mẹ tôi rất đam mê hội họa và thơ phú.

Bao nhiêu việc xảy ra trước và sau khi tôi ra đời, tôi chỉ có thể bắt đầu bằng hai chữ "nghe nói" mà thôi.

Nghe nói, khi ba mẹ cưới nhau, có kèm theo điều kiện: Cưới thì cưới, không được bỏ học! Cho nên mẹ tôi chưa muốn làm mẹ, bà còn tiếp tục đi học. Nhưng nguyện vọng của mẹ không đạt được, lấy chồng chẳng bao lâu thì có thai! (Đó không phải là tôi). Nghe nói, lúc đó mẹ buồn lắm, một mực muốn phá thai. Nhưng hồi đó, những hành vi và tư tưởng như vậy là vô đạo đức, rất hoang đường, không thể chấp nhận được. Mẹ mang cái thai đầu tiên và phải nghỉ học, đầy sầu muộn.

Có một hôm, không biết vì lẽ gì, ba mẹ cãi nhau đến mức "kinh thiên động địa".

Trong cơn giận dữ mẹ đòi bỏ nhà ra đi. Thế là bà dùng dùng chạy vô buồng ngủ xách rương quần áo lao ra. Thật rủi ro, ngay đêm hôm ấy mẹ bị sảy thai, cái thai đã có hình hài bé trai, năm tháng tuổi! Ba tôi buồn thương nuôi tiếc vô cùng. Ba khóc thâu đêm suốt sáng trước di ảnh của bà nội tôi.

Sau khi anh tôi mất, mẹ tôi lại tiếp tục đi học, nhưng chẳng được bao lâu, thế sự lại thay đổi. Ba mẹ đành rời Bắc Kinh, nơi đã sống nhiều năm tháng để về Thành Đô thuộc Tứ Xuyên. Đó cũng là lúc tôi và đứa em trai song sinh ra đời.

Về hai chị em tôi cũng có lắm chuyện đáng nói. Người ta kể rằng: Khi mẹ tôi biết mình có thai lần nữa thì rất hoảng.

Bà chưa chuẩn bị để làm mẹ, lại đang chuẩn bị đi học tiếp! Một lần bà đòi đi bệnh viện nạo thai, bác sĩ đành an ủi:

- Đừng vội, đừng vội, thai của chị hơi lớn, có vẻ không bình thường, để tôi chụp X quang xem sao!

Cái mà X quang chụp được, thì ra là song thai, nằm khoanh trong bụng mẹ, một cái nằm xuôi, một cái nằm ngược, trong rõ mồn một. Bác sĩ không kiềm nổi vui mừng:

- Bà sẽ sanh đôi đấy!

Nghe nói, khi nhìn phim chụp, thiên chức người mẹ bỗng bùng dậy mãnh liệt trong lòng mẹ, bà yêu quý vô ngần bào thai này. Trở về nhà, bà hồi hả báo tin vui cho mọi người và bắt đầu chuẩn bị mọi thứ, từ áo quần, chăn đắp, gối trẻ con, nhất nhất đều mỗi thứ một cặp. Bà nói với dì cậu của tôi:

- Chị sẽ sanh một lúc hai đứa con gái giống hệt hai nàng công chúa tuyệt xinh đẹp, chị sẽ làm cho chúng giống nhau từ kiểu tết đuôi sam, kết bướm, mặc váy lụa... rồi đưa chúng nó dạo khắp các vườn hoa...

Mẹ tôi mơ màng bao chuyện đẹp. Hồi đó mẹ tôi còn rất trẻ mà! Nhưng, cái tin mẹ tôi sanh đôi đã làm xôn xao cả dòng họ Viễn. Hồi đó, ông ngoại, bà ngoại đều ở Bắc Kinh. Có mấy cậu và mấy dì đã lần lượt dời đi Tứ Xuyên. Ba mẹ tôi cùng cậu năm, dì ba của tôi thuê chung một căn nhà ở hẻm Bao Bó, phố Thử Miệt của Thành Đô. Trước khi tôi chào đời, mợ và các dì đều giúp mẹ chuẩn bị đồ đạc chờ đón chúng tôi, cái gì cũng màu hồng phớt, toàn đồ con gái. Mẹ tôi quả quyết bảo:

- Chị thích hai đứa con gái, không thích hai đứa con trai đâu, con gái dễ sửa soạn!

"Nhất định" chị phải đẻ một cặp con gái!

Mẹ tôi mạnh mẽ và tự tin như vậy đó, không ai dám nói khác ý bà, mặc dù khả năng sanh con trai cũng lớn lắm. Còn ba tôi thì ngược lại, hình như ba muốn sanh con trai. Thứ nhất, ba còn giữ tập tục cũ, thứ hai nữa cũng tại ba còn day dứt nỗi đau mất đi đứa con trai đầu lòng. Nhưng trước mong muốn mãnh liệt của mẹ, ba không dám nói gì, vì sợ nói ra mẹ lại nổi cơn tam bành như lần trước, chạy vào buồng ngủ bê rương bê hòm.

Thế rồi, tám giờ tối ngày 19 tháng tư năm một ngàn chín trăm ba mươi tám, mẹ bắt đầu trở dạ, tại bệnh viện Nhân Tế ở Thành Đô.

Lẽ ra còn nửa tháng nữa mới sanh, nhưng bào thai trong bụng mẹ quậy dữ dội, cứ đòi ra sớm.

Quá một giờ sáng ngày hai mươi tháng tư, tôi chào đời trước. Nằm trên giường sanh, mẹ tôi rặn muốn đứt cả hơi, tôi mới lọt lòng. Câu đầu tiên mẹ là:

- Con trai hay con gái?

- Con gái! Bác sĩ bảo.

Mẹ tôi mừng quá! Thế là có hai đứa con gái sanh đôi rồi.

Bà yên tâm thiu thiu ngủ, quên khuấy trong bụng vẫn còn một đứa nữa. Bác sĩ lại tiếp tục cổ vũ giục giã, mãi hai giờ đồng hồ mẹ mới sanh nốt đứa thứ hai.

Khi bác sĩ reo lên:

- Con trai!

Bà thất kinh, suýt nữa ngất xỉu. Em trai da đen, tôi da trắng. Em trai đầu to, tôi đầu nhỏ, em trai chân mày rậm mắt to, tôi mũi nhỏ, miệng nhỏ. Không những hai đứa tôi không giống hệt nhau mà còn chẳng có cái gì giống nhau cả, đã vậy lại một trai một gái! Vì là sanh chưa đủ ngày, nên lọt lòng ra, tôi và em trai đều xanh xao gầy guộc, tôi chỉ có một kí lô tám, em trai nặng hơn chút đỉnh, cũng chỉ được hai kí lô ba. Càng nhìn hai đứa tôi, mẹ tôi càng thất vọng. Bác sĩ đành động viên, an ủi:

- Đừng buồn, chúng nó gầy bé vậy chứ không sao, nhất là cháu trai, đại khái là nuôi được, còn cháu gái ấy, thì...

Ý bác sĩ nói là, con gái trên đời này đâu có thiếu, không có cũng chẳng sao! Thế là tình mẫu tử nơi mẹ bỗng dâng lên mãnh liệt. Mẹ làm sao có thể bỏ rơi đứa con gái yêu quý? Gì thì gì, mẹ sẽ nuôi cho nó lớn! Nghĩ vậy, mẹ quên hết mọi thất vọng, chỉ còn nghĩ cách làm sao nuôi lớn hai đứa con không may vì sanh non mà xanh gầy.

Còn ba tôi, khi biết mình có cả con trai và con gái thì sung sướng hết chỗ nói! Sau này vợ tôi kể, lúc nào ba tôi cũng nhắc đi nhắc lại:

- Trước kia tôi mất đứa con trai, bây giờ chẳng phải nó đã về lại là gì?

Câu nói ấy kể cũng hơi huyền hoặc, làm như em trai của tôi bây giờ chính là người anh bất hạnh của tôi nằm nào đâu thai trở lại vậy. Song, nếu như thế gian này có chuyện cải tử hoàn sinh, thì biết chừng đâu người em trai song sinh của tôi lại cũng chính là người anh kia cũng nên, đồ ai biết được?

Thế đấy, chuyện chào đời của hai chị em tôi ít nhiều cũng mang màu sắc thần kỳ.

Ba tôi bận rộn lo đặt tên cho chúng tôi. Vì đẻ sinh đôi nên ba quyết đặt tên chúng tôi bằng chữ ghép. Lại nữa, ba mẹ quen nhau ở trường nữ trung học Lương Cát nên đặt tên cho con gái là "Song Cát", con trai là "Song Ngọc". Hai tên này khi đọc lên đều hơi tréo miệng, nên đặt thêm cho hai nữ danh, tôi là Phượng Hoàng, em trai là Kỳ Lân.

Thế là, ngay tức khắc, trong nhà tôi có đủ cả Phượng Lân Lân. Có điều hai sinh vật bé bỏng này chẳng biết một chút gì về sự có mặt của mình giữa cõi nhân gian rắc rối và

giữa cái thời đại đầy rẫy khó khăn. Trước niềm vui vô bờ bến vì một lúc có được hai đứa con, ba mẹ tôi tạm quên nỗi nhọc nhằn trong cuộc sống và bóng tối của chiến tranh bao phủ, chỉ toàn tâm toàn ý lo nuôi nấng chúng tôi. Cũng do sanh non tháng, nên chúng tôi vừa lọt lòng mẹ, được nuôi theo một chế độ đặc biệt. Nhất là tôi, không những không biết bú sữa, lại còn phải nuôi trong lồng kính hai mươi mấy ngày. Trong suốt hai mươi mấy ngày đó, mẹ lo tìm chọn vú nuôi, cho dù thương hai đứa con đến mấy đi nữa cũng không thể cùng một lúc cho bú được cả hai. Sau hai mươi ngày, mẹ đưa hai đứa ra viện, đưa cả vú nuôi của tôi về nhà. Vú nuôi họ Khu, được chọn trong số hơn một trăm người đến xin việc. Hôm tôi và Kỳ Lân đầy tháng, ba tôi bắt bông kem hình búp bê trên bánh bông lan gọi đến bạn bè. Có một bác lấy chồng đã lâu mà chưa có con, ăn một hơi sáu chiếc bánh như vậy, để hưởng phúc bình của mẹ. Ba tôi hả hê mãn nguyện, cao hứng viết một bài thơ được cả nhà thích thú nhớ mãi tới giờ:

*"Một nam một nữ cùng sinh hạ,
Rượu mừng chưa nhắm đã say lòng
Mai này, hai đứa xây gia thất
Được chúc cha rồi, thêm chúc ông!"*

hết: [Chương 1](#)

QUYÊN DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 2

Trước bốn tuổi

Ở tuổi con nít tôi chẳng nhớ được gì. Mọi chuyện đều nghe kể lại. Lúc nhỏ, tôi là đứa bé trầm lặng, hay ý lại, thích nghe người lớn kể chuyện. Theo ba mẹ kể lại, lúc nhỏ tôi

rất ngoan nhưng hay xấu hổ, sợ gặp người lạ, hễ trong nhà có khách, thì tôi trốn biệt. Thử phân tích, tôi thấy thời thơ ấu mình rất tự ti.

Nói về tính tự ti, tôi cảm thấy ba tiếng ấy cứ đeo bám đời tôi mãi cho đến giờ, khiến tôi có cảm giác cứ nhúng tay làm việc gì, tôi luôn bị sai lầm.

Tuổi niên thiếu của tôi không được đẹp như mẹ hy vọng, tôi kém xa nàng công chúa tuyệt một trời một vực. Mắt tôi không được to, mũi không được thẳng, chỉ có cái miệng là may ra còn coi được. Có lẽ đó là cái may của tôi để mẹ khoe với mọi người:

- Mấy người có thấy không? Miệng con Phụng Hoàng nhỏ đến mức nhét cái núm vú cũng không vào!

Mẹ nói vậy kể cũng hơi khoa trương một chút, vì tôi không biết nút núm vú mà chỉ bú bằng ống hút, gần hai tháng trời.

Tôi sanh ra vốn không được đẹp, tôi cảm thấy mình có điều không phải với mẹ, vì không trở thành niềm kiêu hãnh của mẹ. Còn một điều làm tôi rất buồn phiền là phía trên gò má phải của tôi có một cái bớt rất lớn. Hồi nhỏ, mỗi lần đi hoặc mợ ẵm tôi thường nói:

- Eo ôi, trên mặt có cái bớt to quá, lớn lên ế chồng mất thôi.

Sau này, lúc tôi lên sáu, tôi theo ba mẹ trốn lính Nhật. Có lần, cả nhà đi xe hơi chạy than qua đoạn đèo núi hiểm trở, có biệt danh là "cua bảy mươi hai", về hướng Quý Châu. Đang chạy, ai dè qua cua, xe thắng gấp, khiến cánh cửa bật tung, hất tôi xuống đường. Ba mẹ hết hồn, tưởng tôi không chết thì cũng bị thương nặng. Xe dừng lại, mọi người nhào tới, ngạc nhiên thấy tôi đang ngồi khóc dưới vách núi, khắp người chỉ trầy xước chút đỉnh, chỉ sống mũi là bị một vết thương lớn. Đang đi lánh nạn, lại ở nơi hoang dã làm gì có bệnh viện, tìm đâu ra thuốc. Mẹ tôi đành lấy bột kem đánh răng rắc lên vết thương để tiêu độc. Từ đó, trên mũi tôi bị thêm một cái sẹo. Người thân trong nhà lại càng thương cảm tôi hơn:

- Eo ơi, eo ơi, trên mặt có bớt, trên mũi có sẹo, mai mốt lớn lên có ma nào thèm, ế chồng mất thôi!

Lúc nhỏ, điều tôi lo nhất là bị ế chồng. Tôi bi quan vô cùng (về sau, cái sẹo trên mũi cứ mờ dần theo thời gian rồi mất tiêu không thấy nữa, nỗi âu lo còn lại là cái bớt trên mặt, nên đến lúc hai mươi tuổi, tôi học được cách hóa trang làm mờ nó đi. Mãi đến giờ, mỗi khi có ai chụp hình, thì tôi có thói quen giấu nó đi bằng cách quay nửa mặt bên trái về

phía ông kính).

Câu chuyện hơi lạc đề, tôi trở lại trước lúc lên bốn tuổi.

Tuy không phải là một cô bé kiêu diễm, nhưng tôi vẫn là cục cưng của mẹ tôi. Bỏ qua tập tục lúc bấy giờ là trọng nam khinh nữ, tuy đã thuê vú nuôi, nhưng để công bằng mẹ tôi đã đặt thành nếp, cứ mỗi tháng tôi và Kỳ Lân thay phiên nhau bú sữa mẹ một đợt. Mẹ và vú nuôi đổi nhau nuôi hai đứa tôi. Mẹ tôi suy nghĩ cặn kẽ là vậy, ai dè nuôi được sáu tháng, tôi đã biết nhận dạng, lại đang phiên bú sữa của vú nuôi, tôi không chịu đổi sữa nữa, do vậy, vú nuôi cho tôi bú đến lớn, Kỳ Lân thì bú sữa mẹ cho đến khi mẹ dứt sữa. Trước lúc lên bốn tuổi, điều duy nhất tôi còn nhớ là vú nuôi. Và vú nuôi cũng thương tôi như con đẻ của mình. Mỗi lần tôi và Kỳ Lân đánh lộn, vú nuôi cứ quát lên:

- Kỳ Lân sai rồi, Kỳ Lân đánh Phụng Hoàng trước!

Cứ thế, Kỳ Lân bị mẹ đánh đòn. Tôi được tiếng là con bé "ngoan" cũng chính từ miệng vú nuôi nói ra với mọi người.

Tôi và Kỳ Lân được hai tuổi, thì mẹ lại có mang. Lúc này mẹ tôi đã hiểu và cũng đã thích nghi với thiên chức làm mẹ, nên bà yên tâm chờ đón một đứa bé nữa chào đời. Tôi và Kỳ Lân đều đã biết nói, biết gọi mẹ mẹ, ba ba. Khi được hai tuổi rưỡi, mẹ tôi bị cảm phải nằm liệt giường. Tôi thường lân la bên giường mẹ, những lúc đó mẹ lấy cuốn giáo khoa thư của ba, chỉ tay lên hai chữ "quốc văn" dạy tôi nhận mặt chữ, sau này nghe mẹ nói lại, tôi đã nhận được hai chữ quốc văn từ hồi đó. Kể cũng hơi quá, nhưng chính mẹ nói vậy thì tôi cũng nghe vậy.

Mùa thu năm 1940, em trai thứ ba của tôi là Xảo Tam ra đời. Tên Xảo Tam cũng là do ba đặt. Tên Tam, vì em là đứa con thứ ba trong nhà, lại sanh đúng ngày mười ba tháng tám dương lịch. Âm lịch là mồng mười tháng bảy, cũng vừa đúng là sau ba ngày nếu so với dương lịch. Di và cậu của tôi cho rằng cái tên đó nghe có vẻ con gái quá. Ở tí tị Hò Nam, ông nội tôi cho biết được gia đình có thêm một cậu cháu trai nữa thì mừng vô kể. Năm ấy cuộc chiến tranh chống Nhật đã bước sang năm thứ tư, cả nước ai cũng ngóng chờ ngày thắng lợi. Ông nội gửi thư đặt tên cho em trai thứ ba là "Đào Thắng" cái tên này nghe oai phong như một quân nhân. Từ đó, em tôi có đến hai tên: Đào Thắng và Xảo Tam.

Bé Tam cân được ba kí lô tám, tròn trịa, bụ bẫm, mặt mày khôi ngô, tuấn tú, ai ai cũng thích. Phải nói, tôi và Kỳ Lân kém xa em. Vì Xảo Tam vừa lọt lòng nên ba mẹ

chăm sóc hết sức kỹ lưỡng. Tôi và Kỳ Lân trở thành người giúp việc vặt cho vú nuôi. Lúc này, chúng tôi đã biết tự mở cửa đi chơi, ra sân ngắm hoa quì, ra ngõ mua bánh ăn. Thường là ăn xong, không biết trả tiền, chỉ còn cách quẹt quẹt miệng rồi chạy vô nhà. Nghe mẹ năm của tôi sau này nói lại:

- Thằng bán bánh kia cũng là con nít, mới tám chín tuổi, không dám đòi tiền, nó đành theo các cháu đến ngồi trên bậc cửa chờ, chờ mãi, cho đến khi có người lớn đi vào, mới năn nỉ nói:

- Hai chị em sanh đôi nó ăn bánh của con!

Cho đến bây giờ, mỗi lần nhớ Thành Đô, tôi nhớ đến mùi bánh nướng bán trước cửa nhà, nhớ cuộc chia tay đầm đầy nước mắt của mẹ với vú nuôi. Hai người cứ ôm lấy nhau, không thể nào rút ra được.

Lúc chia tay vú nuôi, tôi vừa đúng bốn tuổi.

Chiến tranh chống Nhật đang vào thời kỳ ác liệt, khói lửa bao trùm. Nhưng Tứ Xuyên còn được trời che chở, coi như hậu phương lớn, nên người các tỉnh nườm nượp kéo về, mỗi ngày thêm đông đúc. Ở đây cả nhà tôi đến Thành Đô từ trước, sống tạm ổn định, lý ra, ở luôn tại đây cũng được. Nếu gia đình tôi đừng bỏ Thành Đô ra đi thì làm sao có cảnh sinh ly tử biệt, vui buồn lẫn lộn. Sau này chúng tôi xa Thành Đô năm 1942, về quê hương Hồ Nam đoàn tụ với ông nội, và chính cuộc đoàn tụ này mới cuốn hút cả nhà tôi vào những tháng ngày khói lửa chiến tranh bao trùm trời đất.

Nguyên là, khi tôi và Kỳ Lân vừa lên bốn thì em trai út cũng lên hai, đời sống ở Thành Đô mỗi ngày một đắt đỏ, vật giá leo thang. Ba tôi lúc đó làm giáo viên chủ nhiệm Đại Học Quang Hoa, vừa dạy ở Đại Học Quang Hoa vừa dạy học ở Đại Học Hoa Tây, tuy được mấy suất lương liền vẫn không đủ duy trì cuộc sống một gia đình, năm miệng ăn. Đúng vào dịp ấy, ông nội nhớ cháu nội yêu quý chưa được gặp mặt. Ông cứ viết thư ba lần bảy lượt cho ba mẹ, thôi thúc ba mẹ sớm sắp xếp về thăm quê hương Hồ Nam để ông cháu gặp nhau, có lấy một ngày sum họp. Ba mẹ phân tích, suy ngẫm, nào chiến tranh kháng Nhật quyết không thể lan tới Hồ Nam, nào vật giá ở Thành Đô mắc mớ, và quan trọng nhất là lời khẩn cầu của ông nội, chuyển cả nhà về Hồ Nam!

Tôi không thể chia tay với vú nuôi. Tôi nhớ là vú nuôi ẵm tôi, khóc vật vã. Nghe nói tôi cũng khóc dút hơi, quần chặt lấy mẹ hỏi:

- Tại sao chúng ta không để vú đi cùng? Tại sao phải chia tay vú? Con không muốn xa

vú đâu. Chúng ta đưa vú cùng đi!

Đương nhiên là chúng tôi không thể nào đưa vú nuôi cùng đi được. Thế rồi khóc, khóc và khóc... khóc liên mấy ngày trời, rồi cuộc rồi cũng đến lúc chia tay vú nuôi. Ấy là lần đầu tiên trong đời, tôi hiểu được thế nào là "biệt ly", và đó cũng là ký ức sớm nhất in đậm vào tuổi thơ của tôi. Mẹ nói, những ngày liền sau đó, cứ nửa đêm là tôi tỉnh dậy khóc, mần mò tìm vú nuôi.

hết: [Chương 2](#)

QUYỀN DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 3

Ông nội và "Lan Chi Đường"

Trong ấn tượng của tôi, ông nội là một cụ già rất oai nghiêm, đầy phí phách.

Ông nội tên Trần Mặc Tây, có năm anh em, đều ở Lan Chi Đường là nhà thờ họ thuộc Trấn Tra Giang, huyện Hành Dương.

Ông nội rất có tiếng tăm ở quê nhà, ông từng theo Tôn Trung Sơn, du học Nhật Bản, tham gia Bắc phạt, dấu chân in khắp đông, tây, nam, bắc. Thời trai trẻ, ông nội sống rất phong lưu. Ông có vợ lớn ở quê, lại cưới thêm bà nội ở Nam Kinh. Nghe nói, bà nội tôi không biết gì về chuyện ông nội tôi đã lập gia đình, cho đến khi ông đưa bà về thăm xứ sở, bà mới phát hiện ra chuyện ấy, hóa ra mình không phải là vợ cả. Bà nội tôi nổi cơn lôi đình, kiên quyết không chịu về với ông nội, bèn đưa ba tôi và người bác ruột của tôi đến Bắc Kinh ở. Cũng nhờ đức tính cương quyết của bà nội mà ba tôi mới trưởng thành ở Bắc Kinh, mới gặp mẹ tôi, sanh ra bấy nhóc chúng tôi.

Khi cả nhà chuyển đến Hồ Nam thì bà nội tôi và bà vợ cả của ông tôi đều qua đời. Ông nội lại ở với một bà di để kết bạn tuổi già. Vì thế, bên cạnh Lan Chi Đường, lại xây một ngôi nhà nhỏ để ông ở với di. Người nhà họ Trần ở Lan Chi Đường đều gọi ngôi nhà này là Tân Thất.

Chúng tôi vừa về đến quê hương, cả Lan Chi Đường xôn xao hẳn lên. Mọi người đổ xô lại thăm ba tôi, người nhà lần đầu tiên về thăm quê, xem nàng dâu mới nói rất tiếng Bắc Kinh, tò mò xem cặp song sinh chúng tôi và bé Xảo Tam. (Tuồng cũng cần nói thêm, nghe nói bé Tam luôn gặp điều may, được ông nội hết sức chiều chuộng. Tuy túi áo ông nội luôn có tấm hình của nó, mỗi khi rảnh rỗi ông lại lấy ra ngắm, ngắm một hồi lại mỉm

cười. Gặp lúc không vui ông cũng lấy ảnh của nó ra ngắm, rồi đắc ý nói:

- Có đứa cháu nội thế này thì còn buồn nỗi gì!

Thực sự cả nhà chúng tôi đã trở thành khách quý của Lan Chi Đường. Suốt ngày ông nội dắt chúng tôi đi bái kiến khắp nơi, từ các chú, các bác, các cô, các thím. Ông bắt chúng tôi nhất loạt phải lạy. Tôi, Kỳ Lân và bé Tam như ba cái máy, cứ lạy loạn xạ. Tôi cũng không biết trong dòng họ mình sao mà lắm người bễ trên đến thế! Mãi về sau tôi mới rõ, ông nội tuy là trưởng tộc họ Trần, nhưng bà vợ chánh không có con trai, chỉ sanh toàn là con gái. Ba tôi là đứa con trai được sinh hạ khi ông nội bốn mươi tuổi, cho nên những người đồng hàng với chúng tôi ở Lan Chi Đường đều lớn hơn chúng tôi.

Quan niệm thừa ấu thơ của tôi về Lan Chi Đường rất ngộ nghĩnh, sao mà lắm trại, lắm vườn, lắm sân làm vậy, có lần tôi và các em trai chơi trò trốn tìm, và lục lọi mọi chốn, ba mẹ tìm không ra chúng tôi. Ông tôi nuông chiều ba đứa cháu nội hết chỗ chê. Hồi nhỏ, Kỳ Lân có cái đầu to, tôi và em trai út hay cười trêu nó:

Đầu to, đầu to

Trời mưa không lo che dù đội nón...

Ông nội khen khuôn mặt chữ điền và vành tai to của Kỳ Lân, bảo rằng tương lai của nó có phước. Bé Tam thì rất tinh khôn, miệng có duyên lại hay nói chuyện. Chúng tôi mới về quê, cùng ở chung với ông nội trong Tân Thất, ông nội thường mua bánh kẹo cho chúng tôi ăn, nhưng lại sợ chúng tôi ăn nhiều quá nên đặt hộp bánh trên giá cao, để chúng tôi không chồm tới. Một hôm, ông nội bước vào phát hiện bé Tam xuống nhà bếp lấy trộm đường cát, nó ăn thế nào để đường dính đầy mặt như vừa mọc râu bạc. Chưa đủ, nó còn trèo lên cái ghế cao, đưa tay khều hộp bánh. Thấy vậy, sợ nó giựt mình té, ông nội không dám la, chỉ đằng hắng một tiếng. Nghe nói, bé Tam ngoái đầu lại thấy ông, chẳng đỏ mặt tía tai tí nào mà còn nói tí lia:

- Ông ơi, con trèo lấy bánh cho ông ăn nhen!

Nghe vậy, ông nội ung bụng lắm, càng thương bé Tam hơn. Còn tôi, tôi là cháu nội gái duy nhất của ông (bác tôi cũng chỉ sinh được hai trai, không có con gái), tính tình trầm lặng, lại thường hay đi theo ông đi thăm bạn bè, ở đâu cũng không quậy phá. Do vậy, tuy là con gái, nhưng ông vẫn coi tôi là hạt ngọc trên lòng bàn tay. Chỉ cái bốt trên mặt tôi, ông nội bảo chẳng nhằm nhò gì, chẳng ảnh hưởng gì đến dung nhan cháu gái cưng của ông.

Được đoàn tụ với ông nội, cuộc sống hàng ngày của chúng tôi rất thoải mái. Ông có người giúp việc tên là Hoàng Tài Dư, một mực trung thành với ông. Lúc rảnh rỗi, Hoàng Tài Dư hay dẫn chúng tôi dạo chơi trên núi sau nhà, nếu nhớ không nhầm thì tôi thích nhất trò nhặt quả thông trong rừng. Hồi đó tôi cũng chẳng có đồ chơi, ngoài mấy quả thông, lá tre, cỏ đuôi chó...

Ở đây chẳng bao lâu, ba theo ông nội đi dạy học ở trường Trung học Nam Hoa, cả mẹ tôi cũng dạy môn quốc văn ở trường này. Thế là, cả nhà năm người với ông nội đều phải dời đến ở trong khu gia đình của trường, nằm trong thung lũng núi Hành Sơn. Phong cảnh ở đây tuyệt đẹp.

Ở Hồ Nam là chặng thời gian tuổi thơ của tôi được sống những ngày hạnh phúc nhất. Trong sân vườn Lan Chi Đường, tôi được ấm áp trong tình thương của người lớn. Trên ngọn núi sau nhà, tôi nhặt được trái thông và tìm ra cái loại tổ chim. Trong vườn trường Trung học Nam Hoa, tôi biết thả diều và nhận mặt chữ ô vuông... Nhưng, vui chơi với cảnh đẹp thiên nhiên chưa được bao nhiêu, thì khói lửa chiến tranh đã dần dần tràn đến Hồ Nam. Không khí trong trường mỗi ngày một căng thẳng, nụ cười vắng bóng trên khuôn mặt người lớn, thay vào đó là bao nỗi lo âu. Ông nội và ba mẹ lại thường ngồi lại bàn tính chuyện, gương mặt ai nấy đầy vẻ ưu tư.

Ấy là năm 1944, chiến tranh Trung Nhật bao trùm cả Trung Quốc. Khi tôi mới bắt đầu hiểu sơ sơ về nhân tình thế thái, thì cũng là lúc tuổi thơ của tôi lại bị ngọn lửa của chiến tranh cuốn đi. Mọi niềm vui thú và hạnh phúc chỉ qua một đêm tan tành ra mây khói.

Sau này, những gì xảy ra ở thời niên thiếu, tôi đều ghi lại trong cuốn sách "Những ngày lưu lạc".

hết: [Chương 3](#)

QUYỀN DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 4

Cờ đuôi nheo

Trí nhớ của trẻ con kể cũng kỳ, chúng có thể quên hết những chuyện rất quan trọng, nhưng lại nhớ như in những chuyện vặt vãnh, bé tí ti như hạt mè, hạt đậu. Trong ký ức tôi, ấn tượng đầu tiên có liên quan đến chiến tranh là một lá cờ đuôi nheo.

Cờ đuôi nheo là của người đồng nghiệp với ba tặng cho tôi.

Một hôm, nhà trường mở hội thể thao, những lá cờ đuôi nheo nhiều màu sắc bay phất phới trên sân bãi đầy nắng. Tôi thích mê thích mê, quần quít lấy mẹ, cố vò cho được một lá cờ đuôi nheo. Mẹ tôi không cho, ba tôi càng cuống lên vì sợ tôi quậy phá. Một bạn đồng nghiệp của ba (không còn nhớ họ tên gì, chỉ biết là một bác tốt bụng) lấy xuống một lá cờ đuôi nheo đi tới nói với tôi:

- Con múa một bài, bác sẽ cho con một lá cờ.

Lúc nhỏ, tính tôi rụt rè và hay mắc cỡ, bảo tôi múa thật khó, chẳng khác nào bảo tôi bay lên trời. Nhưng lá cờ đuôi nheo mịn màng bóng loáng kia đã làm hoa mắt tôi, khiến tôi không còn biết mắc cỡ là gì nữa, liền múa đại điệu "em bé mệt nhoài" để được nhận lá cờ đuôi nheo.

Ngày hôm sau, cả nhà tôi bán loạn cả lên. Mẹ vừa vùi vãi thu xếp rương hòm, vừa chuyển đồ lên gác kho chứa nông cụ, vì ngại lính Nhật thấy sẽ cướp hết. Tôi lại nghĩ tới lá cờ đuôi nheo, và lo nó bị lính Nhật cướp mất. Nghĩ vậy, tôi cẩn thận đưa lá cờ cho mẹ, nhờ mẹ bỏ vào hòm khóa kỹ lại. Cho đến khi ông Hoàng Tài Dư đem mấy cái hòm đó để trên gác chứa nông cụ, tôi mới thật an tâm, cho đây là nơi an toàn nhất thế giới này. Mẹ cũng bảo, lính Nhật không vào kho chứa nông cụ đâu vì trong đó chỉ chứa đầy trấu.

Đêm ấy tôi đang ngủ ngon lành bỗng bị mẹ gọi giật dậy.

Tôi trở mắt nhìn, thấy ba đang hối hả mặc quần áo cho Kỳ Lân và bé Tam, và liền sau đó, tiếng súng nổ mỗi lúc một dồn dập ở bên ngoài. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy khắp làng lửa cháy ngùn ngụt, inh ỏi tiếng người, tiếng súng, tiếng gà kêu, chó sủa hỗn loạn. Ba mẹ và ông nội kéo ba chị em tôi lại, vừa nói vừa thở dốc:

- Suyt! Không được ồn, phải trốn ngay vào trong núi!

Tôi không hiểu tại sao lại vào trốn trong núi nhưng cũng đã biết là tiếp tục ở đây không ổn nữa rồi. Thế là cả nhà lần trong đêm tối chạy trốn, ba mẹ dìu ông nội, ẵm bé trai út, lôi hai chị em sanh đôi chúng tôi chạy theo, hướng về phía núi.

Trên đường đầy gai và cỏ tạp, chúng tôi bị gai đâm đau lắm nhưng không đứa nào dám khóc. Lăn mò vào được hốc núi, chúng tôi nấp vào giữa những tảng đá lớn, ôm chặt lấy nhau, nhìn ra những ngọn lửa bốc cao, đỏ rực cả bầu trời.

Trời sáng dần, tiếng súng cũng xa dần. Khi bình minh lên, bốn bề yên tĩnh hẳn. Sau đó, nghe tiếng bác Hoàng Tài Dư gọi. Từ chỗ nấp, chúng tôi chạy ra, thấy chúng tôi vô sự, bác vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ. Liền đó, bác miêu tả cho biết: suốt đêm lính Nhật vào làng không cướp đồ đạc của bà con nhưng lại châm lửa thiêu rụi tất cả, trong đó có nhà chúng tôi, giờ này cả làng chỉ còn là bình địa. Lính Nhật đã đốt cháy nhà ở, nhà kho, đốt cháy toàn bộ ruộng hòm, đồ đạc, đốt cháy cả lá cờ đuôi nheo của tôi.

Thế là tôi bị mất lá cờ đuôi nheo thân thiết mất cả niềm vui của tuổi thơ. Trong ký ức của tôi, đây chính là sự bắt đầu một chuỗi dài những nỗi khổ đau.

hết: [Chương 4](#)

QUỖNH DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 5

Trong khe núi

Lính Nhật tràn vào trong làng, đi đến đâu, chúng giết người, phóng lửa đốt sạch mọi thứ tới đó. Xóm làng xơ xác, tiêu điều. Nghe nói, lính Nhật căm nhất là tầng lớp trí thức, hễ bắt được ai biết chữ là chúng giết ngay. Cả nhà chúng tôi, từ ông nội, ba mẹ đều đang dạy học, lại là những phần tử tích cực chống Nhật. Bình thường, trong lớp học, lúc nào ông nội, ba mẹ tôi cũng đều giảng giải cho học sinh về tinh thần dân tộc, giờ đây, đương nhiên họ sẽ là mục tiêu tìm diệt trước tiên của giặc Nhật.

Thực ra, lúc bấy giờ gót giày quân Nhật đã giày xéo khắp nơi, bao mạng người, bất kể già, trẻ, tật nguyên, bất kể người đó là sĩ nông công thương, đều bị chúng giết sạch.

Cả nhà tôi phải trốn mãi trong núi là vì lẽ đó. Tôi nhớ mãi khe núi như nhớ một kỷ niệm mang theo suốt đời.

Khe núi này trước là nguồn suối, bây giờ nước đã cạn. Chúng tôi lấy giấy dầu trải xuống lòng khe, ngồi đầu trần như vậy suốt ba ngày liền. Do lối ra cửa khe thông với một con đường nhỏ dưới núi, nên để khỏi bị lính Nhật phát hiện, Hoàng Tài Dư đã đem nhánh thông bít lại. Trong khi chúng tôi ngồi thu lu trong cái khe núi chật chội đầy bùn đất này, thì Hoàng Tài Dư ngày ngày bắt chấp nguy hiểm luôn đe dọa đến tính mạng, lên vô làng bên kiếm đồ ăn tiếp tế cho gia đình tôi và thông báo tin tức ở bên ngoài. Những mẩu tin ấy càng ngày càng tệ hại vì tôi thấy ba mẹ luôn nhíu mày nghĩ ngợi.

Tôi không nhớ hai ngày đầu chịu đựng như thế nào, chỉ nhớ Kỳ Lân khóc suốt, la đói bụng. Để dỗ dành nó, mẹ lấy xôi chia khóa, kẹp tóc, cái lược con, ống đựng son, cái gương nhỏ... bày ra cho nó chơi. Nó dón tất cả vào một cái túi, xốc kêu lớn cồn nhưng nó

vẫn cứ khóc. Em trai út mới lên bốn tuổi, là cái tuổi không làm sao giảng giải cho nó nghe được. Nó yêu động vật vô cùng, lúc thì nhìn xuống đất tìm bắt châu chấu trong bụi cỏ. Cái hay nhất của nó là thích ngủ, không vừa ý thì khóc, khóc chút xíu rồi ngủ.

Trong ba đứa, tôi là đứa bé lặng nhất, tôi ngồi đó mà đầu óc cứ nghĩ tới lá cờ đuôi nheo. Ngày thứ nhất, cả nhà tôi chỉ ăn hai bát cơm trắng do bác Hoàng Tài Dư đưa tôi, ngày thứ hai cũng vẫn ăn như vậy. Ngày thứ ba, người giúp việc không về, chúng tôi đói cồn cào. Kỳ Lân và em trai út bắt đầu khóc. Tôi nghe ba nói nhỏ với ông nội, sợ có điều không lành đối với bác Hoàng Tài Dư. Thời gian trôi qua, mặt trời từ bên kia chuyển dịch về phía bên này khe núi, đói và khát dày vò, trầm lặng đến như tôi cũng không chịu nổi. Kỳ Lân xấu đói, em trai út kêu khát, tôi cũng bắt đầu thút thít. Cùng lúc, ba chị em tôi làm rối cả lên, ba thì la, ông nội chỉ lắc đầu, mẹ tôi tay trái đỡ em trai út, tay phải đỡ tôi, đỡ dành. Đang lúc đó, có tiếng súng đánh gọn vọng vào khe núi, liền đó một bóng người vụt qua bên ngoài đám thông.

Cả nhà sợ quá, nín cả khóc. Khe núi im phăng phắc. Nhìn qua kẽ hở của những nhánh thông, tôi thấy một bác nông dân bình thường, đôi mắt đỏm máu đang khấp khểnh chạy thoát toán lính Nhật vừa rượt đuổi vừa la hét điên cuồng. Lại một loạt súng nổ, bác nông dân kia ngã xuống. Tôi bàng hoàng, lần đầu tiên tôi hiểu cái chết bất thành linh ập đến là như thế nào, và cũng lần đầu tiên trông thấy máu người vọt ra sau khi bị giết hại.

Mặt mẹ tôi trắng bệch, mẹ ôm chặt lấy Kỳ Lân, lấy tay bịt miệng nó, sợ nó khóc bật thành tiếng, còn em trai út thì rúc đầu vào áo mẹ, sợ phát run lên. Thời gian nặng nề trôi qua lâu như cả thế kỷ, sau đó, từng tên lính Nhật đi qua ngay chỗ mấy nhánh thông che kín miệng khe núi, nhưng không tên nào phát hiện ra chúng tôi.

Trông chừng đám lính Nhật đã đi xa, mẹ thở dài, mặt còn tái nhợt, Kỳ Lân giẫy ra khỏi tay mẹ, ngồi bệt xuống đất thờ dốc, không la đói nữa, em trai út thì ngẩng đầu lên, hai con mắt đen tròn sáng quắc của nó đảo lia đảo lịa, miệng ấp úng khóc không ra tiếng:

- Súng, súng, súng dài... dài... dài lắm!

Mẹ tôi duỗi tay ra định ôm em, nó vẫn ấp a ấp úng:

- Súng, súng, có súng, có súng!

Bất giác, mặt mẹ tôi như ngậy đại, chúng tôi luống cuống ngẩng mặt nhìn lên, mới phát hiện, trên cao, dưới thấp, một trung đội lính Nhật đứng ngoài lối ra khe núi, đang cúi xuống nhìn chúng tôi. Tôi và mấy đứa em dồn lại một cục, dựa sát vào lòng mẹ.

Trong nháy mắt, chúng tôi trong khe núi, bọn Nhật ngoài khe núi nhìn nhau chăm chăm, không bên nào lên tiếng. Sau đó, một tên sĩ quan Nhật đeo kiếng, nhảy vào trong khe núi, cầm súng chĩa vào ông nội, nói bằng tiếng Trung Quốc:

- Đứng dậy cho tao kiểm tra!

Ông nội đứng dậy một cách bất đắc dĩ, tên sĩ quan kia rút hết tiền, danh thiếp, bút máy, huy hiệu nhà trường v. v... trong túi áo của ông ra, để một đồng, nó chỉ lấy tiền, rồi hách dịch lườm ông nội:

- Dạy học hả?

Ông nội không đáp, tên sĩ quan kia cũng không hỏi nữa. Nó quay sang kiểm tra ba tôi, lấy hết tiền trên túi áo của ba. Lúc đó mẹ tôi nhanh trí cúi xuống giấu cái ví tiền vào bụi cỏ, rồi đứng dậy, chủ động vỗ vỗ vào người, cốt để tên Nhật hiểu rằng bộ đồ kiểu Thượng Hải này, chẳng còn chỗ nào để giấu tiền cả.

Tên sĩ quan nọ cầm cái huy hiệu trong nhà trường và danh thiếp lên xem, do dự nhìn ba và nhìn ông nội. Không khí trong khe núi như đông đặc lại, môi mẹ tôi càng lúc càng tái nhợt, bỗng dưng Kỳ Lân lách mình qua khỏi đám người, rần bước tới trước mặt tên sĩ quan Nhật, ngẩng đầu lên, nói rõ từng tiếng một:

- Ông đừng kiểm tra tôi, có gì trên người tôi cho ông hết đó.

Rồi nó rút trong túi ra nào khâu chìa khóa, ống đựng son, lược, kẹp tóc, lại còn có cả mấy viên đá cuội, đưa hết cho tên sĩ quan Nhật hồi hộp theo dõi, liền đó, hấn toác miệng cười hô hô, đám lính Nhật vây quanh cũng cười ầm lên. Trong tiếng cười đang rộ lên đó, tên sĩ quan bước ra khỏi khe núi, xua xua tay về phía đám lính của hắn, ý bảo bỏ đi. Thật hú hồn cho ông nội và ba của tôi. Lúc bọn Nhật đang kéo đi, thì một thằng bự con, cao to, dáng vẻ thô lỗ, kịch cồm bỗng lùi lùi quay lại, hét lên mấy tiếng Nhật, rồi nhanh như cắt, nó nhảy vào khe núi, đi xông xộc lại chỗ mẹ tôi. Chúng tôi ngây người, mẹ tôi hốt hoảng la lên:

- Tôi không có tiền.

Tên lính Nhật banh áo trước ngực ra, mắt long lên sòng sọc nhìn mẹ. Một lát hấn vung cái dùi cui lên, rồi nắm lấy tay mẹ tôi, lôi đi, nói lơ lớ tiếng Trung Quốc:

- Đi theo tao!

Vừa nói, hắn vừa kéo thực mạng mẹ tôi ra ngoài khe núi.

Ba tôi liền xông lại, ôm chặt lấy mẹ, hét lớn vào mặt tên lính Nhật:

- Buông tay ra! Đồ súc vật! Buông tay ra!

Sự việc xảy ra nhanh quá, tôi thấy tên lính Nhật giơ dùi cui nện mạnh vào hông ba tôi, khiến ông ta lão đảo ngã xuống dốc. Ông nội không chịu được cũng xông lên, tên lính Nhật cũng dùng dùi cui đánh ông ngã quỵ. Hắn tiếp tục lúi xềnh xệch mẹ tôi ra ngoài khe núi. Mẹ đưa tay bầu chặt những bụi cỏ hai bên đường, khóc kêu thảm thiết. Thấy ba và ông nội bị đánh, mẹ lại bị lôi đi, cảm giác sợ hãi, phần uất, bất bình cùng lúc dồn lên người tôi, tôi dùng hai tay giữ chặt áo của mẹ, khóc lớn. Đồng thời, Kỳ Lân và em trai út cũng nhào lại, ôm chặt lấy chân mẹ, khóc la xao động cả đất trời:

- Đừng đi mẹ ơi! Đừng đi mẹ ơi!

Chúng tôi khóc, mẹ cũng khóc. Tên lính Nhật dùng tiếng Trung Quốc chửi lại, tiếng khóc thét, tiếng kêu la, tiếng chửi tục vang lên inh ỏi. Nhưng rồi mẹ tôi cứ tuột dần ra khỏi tay chúng tôi, tôi và em càng sợ hãi, càng khóc la thảm thiết hơn. Đúng lúc ấy, viên sĩ quan Nhật đeo kiếng kia hình như cũng động lòng trắc ẩn, y dùng tiếng Nhật hô lên một tiếng gì đó, khiến tên lính lập tức buông tay, hậm hực nhảy ra khỏi khe núi, chuồn thẳng. Chúng tôi kinh hoàng chạy ùa vào lòng mẹ, mẹ đưa tay ôm chầm lấy chúng tôi, khóc nức nở.

Mãi hồi lâu mới phát hiện là số quân lính Nhật kia vẫn chưa đi, còn đứng nhìn chúng tôi chăm chú. Đợi chúng tôi dứt khóc, viên sĩ quan kia lại vào khe núi, kéo em trai út đến bên hắn.

Chúng tôi tưởng hắn muốn bắt em, đều xông lên giữ chặt lấy em, nào ngờ, hắn lấy khăn mùi xoa lau nước mắt cho em, rồi quay lại hỏi mẹ tôi:

- Cháu mấy tuổi?

Mẹ tôi run run đáp:

- Dạ, bốn tuổi!

Viên sĩ quan sầm mặt lại, mắt đăm chiêu nhìn xa xăm, một lát, hắn nói khẽ:

- Con trai tôi cũng lớn bằng nó!

Nói xong, viên sĩ quan quay lưng ra khỏi khe núi, khoát tay cả đám cùng đi, không ngoái đầu trở lại. Chúng tôi chưa kịp hoàn hồn, không thể ngờ là vừa mới trải qua một tai họa khủng khiếp. Lúc đó, tôi không thể hiểu được, thì ra lính Nhật cũng có, có con, khi chúng tàn sát bao người vô tội thì cũng có những tên chưa mất hết tính người. Viên sĩ quan Nhật đeo kiếng kia phải chăng là một kẻ như vậy!

Đang lúc đó, ba và ông nội cũng bò từ dưới dốc lên, cả nhà mừng mừng tủi tủi vì suýt nữa thì cả nhà đã qua bên kia thế giới. Ba mẹ nắm tay nhìn nhau, chưa hết kinh hoàng. Ba chị em tôi ôm ghì lấy ba vừa từ cõi chết trở về. Ông nội nện đầu gậy xuống đất thành thịch nói đĩnh đạc:

- Đất Hồ Nam này không ở được nữa rồi. Ba đã già rồi, không nên làm vương chân con cháu. Các con còn trẻ, không sao, hãy thu xếp đi sớm khỏi đây thôi! Các con lùi về hậu phương, tìm cách đến Tứ Xuyên! Đi đi! Nhất định phải đi đi!

Ba mẹ và ông nội nhìn nhau. Thế là đã rõ, đại nạn đã bày ra trước mắt, chia ly là chuyện quá rõ ràng. Chỉ có điều không ai biết sẽ phải ứng phó với sự thật phũ phàng này như thế nào!

hết: [Chương 5](#)

QUYỀNH DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 6

Trong Chòi Củi

Những việc xảy ra ở hai nơi từ khe núi đến chòi củi, cách nhau mấy ngày hay một tuần lễ, tôi hoàn toàn không nhớ rõ. Trí nhớ của trẻ con thường là chấp vá từng mặt chứ không theo một mạch rõ ràng. Tôi chỉ nhớ những ngày ấy, lính Nhật suốt ngày ruồng bố, cướp bóc, giết người, đốt phá khắp làng quê.

Gia đình tôi hết chạy đàng đông lại sang đàng tây để tránh tai mắt của lính Nhật, vì chúng có thể thả nông dân nhưng sẽ giết sạch những trí thức như ba mẹ tôi.

Mới ra khỏi khe núi chưa được mấy ngày, gia đình tôi gặp lại gia đình người chú. Chú là em của ba, còn trẻ, thím rất đẹp, lanh lợi, hoạt bát. Chú thím mới có đứa con trai một tuổi còn ẵm trong chăn, bụ bẫm, da dẻ hồng hào, mặt mày thanh tú, đáng yêu. Em là cục cưng của chú thím. Những ngày cùng đi, chú thím chăm chút cho em từng li từng tí.

Hôm ấy, chúng tôi ở nhà của một lão nông trước đây từng làm cho ông nội tôi. Bác có ruộng đất, có nông trại, có tấm lòng đôn hậu, chất phác, lương thiện... Địa hình ở đây rất tốt, nhà nằm sâu trong rừng trúc, người ngoài rất khó phát hiện. Hơn nữa, sau lưng nhà bác có cả khu rừng bít bùng chưa khai phá. Nếu quân Nhật phát hiện thì chạy trốn vào rừng sâu, đồ chúng tìm thấy.

Đến nhà bác, chúng tôi mới biết đây là nơi lánh nạn của nhiều trí thức ở gần đó và bà con trong làng. Bác rất nhiệt tình, lại giàu lòng thương người nên không từ chối ai cả. Trong nhà toàn người là người. Đây là điều ba mẹ không lường trước, và bất ngờ hơn là chỗ lánh nạn này đã bị giặc Nhật phát hiện.

Bác nói:

- Suốt ngày hôm qua, có ba tốp quý đến. Tôi đã sớm cắt người gác ở ngoài rừng nên bọn quý chưa đến gần, tôi đã cấp báo cho mọi người trốn vào núi, bọn quý chẳng bắt được người nào!

Bọn quý là "danh hiệu" mà người Hồ Nam giành cho bọn lính Nhật.

Vợ bác là một bà già đảm đang, trung hậu. Hai vợ chồng bác tiếp ông nội và chúng tôi ăn cần niềm nở, bày vẽ chi li cho chúng tôi cách tránh né, cách đi vào núi, cách tìm hang đá và bộng cây v. v... Chúng tôi biết rõ hai bác đã cứu được vô số người, và những người đi lánh nạn khác cũng đã sớm quen thuộc cách tìm đường vào núi.

Hôm ấy đã quá trưa, chúng tôi đi bộ rất lâu mới đến được nhà bác, vừa đói, vừa mệt. Nói chuyện với chúng tôi xong, bác dọn một mâm cơm đầy thức ăn, dọn đĩa mời chúng tôi. Chúng tôi đói đến chóng mặt, ngồi xuống là ra tay liền, nào ngờ, mới cầm đũa thì đã nghe bên ngoài từng tốp người qua lại, la lối ầm ĩ, nháo nhào. Chúng tôi chưa rõ đầu đuôi, bác gái đã lao vô nhà, xua tay, hỏi thúc:

- Lẹ, lẹ! Vào núi! Bọn quý đến! Lẹ lên, lẹ lên!

Ba mẹ bỏ đũa, vội vàng vàng ẵm chúng tôi. Kỳ Lân thì tựa sát vào bàn ăn không chịu xuống, em trai út thì nhét trứng gà rán đầy miệng. Chú thím tôi cũng chạy lại bế xốc em trai tí xiu đang ngủ say định lao ra. Đang khi lộn xộn, ông chủ nhà lại chạy vội vào, nói líu cả lưỡi:

- Không kịp rồi, không kịp lánh vào núi rồi! Bọn quý đến nhanh quá! Tìm chỗ trốn ngay.

Nói nghe dễ quá, nhà bác nhìn đâu cũng trống tuênh toang, nhà tôi lớn bé trẻ già cả thầy chín người, trốn vào chỗ nào cho đủ? Đang do dự thì bác gái lại hét ha hét hải lao vào:

- Bọn quý tới rồi! Lần này chúng nó hung hăng quá, coi chừng chúng đánh hơi biết nhà mình giấu người! Ai nấy đều đã vào núi cả, chỉ còn nhà họ Trần...

Không để nhờ thời gian, bà quyết định đưa chúng tôi vòng ra phía sau nông trại, nhét tất cả vào trong chòi củi. Bà dặn dò:

- Nhớ đừng để có tiếng động!

Nói xong, bà đóng cửa chòi lại, vội vã bước đi.

Chúng tôi dồn ép nhau trong gian chòi nhỏ, ai nấy nhìn nhau, không dám thở mạnh.

Tôi nhớ rõ lúc đó trong tay Kỳ Lân còn cầm chặt đôi đũa, miệng lầu bà lầu bầu:

- Con đói, con muốn ăn cơm!

Mẹ đưa tay bụm miệng Kỳ Lân. Ba định gài cửa thì mới biết chẳng có cửa nẻo gì ra hồn. Hôn nữa, phần trên cửa có một kẽ hở, nhìn từ trong ra có thể thấy rõ cả khoảng trống của trang trại, và nếu từ ngoài trông vào, thì cũng không khó gì mà trông thấy người ở bên trong. Chỗ ẩn thân của chúng tôi đúng là trống lốc! Ba khoát tay ra hiệu mọi người đứng xa cánh cửa, nhưng trời đất! Dồn ép cả hai gia đình trong căn nhà tối tăm này, gió thổi cũng không lọt, còn chỗ nào để mà lùi nữa.

Chúng tôi đứng tựa sát vào đồng củi, trẻ con đều rúc vào lòng mẹ. Chúng tôi đã bắt đầu nghe rõ tiếng lính Nhật trong vườn. Sau tiếng hô lớn và đánh, đám lính lập tức phân tán ra khắp nơi xục xạo, tìm kiếm. Tiếng ghé bàn, tiếng rương tù đồ nhào, tiếng lính Nhật gầm thét và tiếng ông già gào la chen lẫn tiếng gà bay, chó chạy, người kêu, ngựa hí vang dậy đất trời.

Bọn Nhật đã sục sạo gần tới chòi củi... Chúng tôi nghe rõ mồn một tiếng gót giày gỗ lộp cộp trên sân phơi lúa, và cả tiếng kêu cứu của bà chủ nhà:

- Chẳng còn gì nữa mà lòng sục. Gà bị giết hết rồi, chó cũng bị giết hết gì các ông, còn muốn gì nữa...

Bên ngoài rất chộn rộn, nhưng trong chòi củi thì im lặng đến ngột ngạt. Mẹ giữ chặt lấy Kỳ Lân, vì trong chúng tôi, Kỳ Lân là đứa bé hay quật nhất. Nhưng thật bất ngờ, đứa em trai tí hon, con chú thím tôi được quần trong chăn, bỗng dựng khóc thét lên.

Tiếng khóc của bé làm mọi người hết hồn. Thím tôi không biết làm sao, liền mở nút áo cho em bú, để bịt tiếng khóc lại, nào ngờ, bé không chịu bú lại càng khóc dữ dội hơn. Hoảng quá thím lấy tay bụm miệng bé, nhưng khổ nỗi làm sao bụm được tiếng khóc. Mặt bé đỏ như, tiếng khóc càng to. Ông nội lắc đầu thở dài:

- Số trời đã định, cái gì đến thì nó phải đến.

Mặt chú tôi tái nhợt, chú nhìn nhanh khắp người nhà một lượt, cái nhìn ấy bao hàm nhiều ý nghĩa (mãi rất nhiều năm sau này, tôi mới hiểu hết ý nghĩa sâu sắc của cái nhìn ấy). Rồi, nhanh như cắt, chú giằng bé ra khỏi vòng tay mẹ, đưa tay thít chặt cổ bé, bé không thở được, mặt biến sắc. Thím tôi vồ tới giành lại bé, khóc thảm thiết:

- Anh định làm gì? Anh giết chết con sao?

- Phải. Anh phải giết nó! Chú ghen ngào. Có thể chết mình nó, không để chết cả nhà được!

- Anh điên rồi! Anh điên rồi! Anh điên rồi! Thím thều thào, nước mắt ràn rụa nhào

lại giằng lấy bé. Muốn giết nó, anh giết tôi trước đi!

- Em phải rõ chuyện hệ trọng! Chú nghiêm giọng. Anh không thể để con mình làm thiệt mạng của cả hai gia đình! Nhất là làm liên lụy đến cả nhà anh...

- Anh muốn giết nó thì giết tôi trước! Hãy giết tôi trước đi! Thím phát điên lên, đầu tóc rối bời, nước mắt đầm đìa, cổ họng khàn đặc, liều mạng xông vào cướp lấy con, trong lúc chú cứ giằng co giữ em bé cho được. Em bé còn thở, nên tiếng khóc của nó càng to hơn.

Ba nói như nghẹn lại:

- Đủ rồi! Nếu quân Nhật cố tìm chúng ta thì âm ỉ lên thế này, chúng đã phát hiện ra rồi, chú có thể giết cháu cũng chẳng có tác dụng gì!

Đột nhiên, em bé nín bật, chòi cùi lạng thình như tờ. Rồi tiếng giầy ủng nện lộp cộp ngay trước chòi cùi. Mở cửa! Tiếng lính Nhật vang lên. Liền theo đó là tiếng la lớn của bà chủ nhà:

- Trời đất quỷ thần ơi! Nhà xí cũng phải kiểm tra à!

Dứt lời, bà dùng tay đẩy mạnh cửa, nói như thách:

- Kiểm tra đi! Cửa nẻo không cài then thế này mà nào trốn? (đến giờ thì tôi đã hiểu ra, bà đóng kịch hết như một diễn viên thực thụ).

Cửa đã hé ra một khe lớn, tim chúng tôi đập thành thịch, nhưng lạ thay, bọn lính Nhật nói một tràng gì đó, rồi quay đầu bỏ đi. Chúng tôi cũng không thể tin là toán lính Nhật kia bỏ đi thật. Lẽ nào tiếng khóc la của chúng tôi huyền ảo là vậy mà bọn chúng không nghe thấy? Quả là điều không thể tin được.

Ba, ông nội rồi chú thím, đều trở mắt nhìn nhau như không tin với cả chính mình! Sau đó lại vang lên tiếng gà bay, chó sủa, rất may nhờ có lệnh của viên sĩ quan, những tên lính Nhật kia đành bỏ cuộc, lếch thếch cuốn đi.

Mãi hồi lâu, khi bên ngoài hoàn toàn yên lặng, bà chủ nhà lại đẩy cửa bước vào. Bà hồi hộp nói:

- Trời đất ơi! Các anh các chị làm cái giống gì vậy chứ! Trẻ con thì khóc, người lớn thì cãi lộn, tôi thả hết cả một lồng gà to đùng, đuổi cho chúng bay lung tung để át tiếng ồn ào của mấy người đó!

Chúng tôi lại nhìn nhau trân trân rồi nhìn bà, thầm cảm ơn bà. Một tai nạn nữa đã vượt qua, thật hù vía! Tôi còn nhỏ quá không hiểu hết ý nghĩa từ cỗi chết trở về là như

thế nào. Nhưng khi chú tôi biết chắc hiểm nguy đã qua, liền ôm chặt lấy thím tôi, hôn thím tôi như điên như dại, bất chấp mọi người xung quanh rồi nước mắt giàn giụa, chú ôm hôn em bé, đứa bé suýt nữa bị chết oan uổng. Lại cũng lần đầu tiên tôi hiểu tình yêu thương đồng loại thật phức tạp và quý báu biết chừng nào! Nếu bảo tôi là một đứa bé lỗi đời sớm, thì có lẽ là do chính mắt tôi đã từng trải quá nhiều từ khi còn thơ dại.

hết: [Chương 6](#)

QUYỀNH DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 7

Người Trung Quốc

Không hiểu sao, chỉ vài ngày sau thì chúng tôi lại chia tay gia đình chú thím. Ba tôi biết chỗ nhà lão nông dân kia không thể là nơi trốn tránh được, vì cả huyện Hành Dương này hầu như không còn mảnh đất nào yên bình. Tôi nhớ rõ, ba mẹ và ông nội thường bàn bạc thâu đêm suốt sáng cốt tìm cách vượt qua vùng phong tỏa gặt gao của quân Nhật. Rồi cân nhắc, tính toán xem ông nội có nên đi cùng với chúng tôi không, vì ông nội đã gần tám mươi tuổi, làm sao chịu đựng nổi sự vất vả dọc đường? Nhưng nếu để ông nội ở lại vùng chiếm đóng thì không ai yên tâm chút nào.

Suy đi tính lại, cuối cùng ông nội ở lại, chúng tôi ra đi.. Trước hết, chúng tôi đưa ông nội về quê ở Trà Giang. Chúng tôi phải thay hình đổi dạng bằng cách mặc áo quần của gia đình bác nông dân cho để giống như người nhà quê. Nhưng dù ba mẹ có mặc áo cụt vải sô đi nữa thì cái dáng vắn gia nho nhã cộng thêm đôi kiềng cận thị, với cái giọng Bắc Kinh chính cống và phong độ thị thành, khó có thể che mắt được ai. Dầu gì đi nữa, chúng tôi cũng phải rời nhà bác nông dân già, vượt qua vòng nguy hiểm đang bị quân Nhật chiếm đóng để về quê hương.

Ngày hôm ấy thật là một ngày rủi ro!

Ngày hôm ấy là một ngày đầy sóng gió.

Ngày hôm ấy cũng là một ngày ăn sâu vào kí ức của tôi!

Chúng tôi lên đường chưa đầy hai tiếng đồng hồ thì gặp toán lính Nhật đầu tiên.

- Đứng yên! Kiểm tra! Quân Nhật hét.

Chúng tôi đứng khựng lại, có lẽ đây là mấy tiếng Trung Quốc lính Nhật bắt buộc phải

học khi đến Trung Quốc. Mấy lần gặp lính Nhật sau đó, chúng tôi đều nghe câu này.

Tên sĩ quan Nhật dẫn đầu toán lính sai bước đến chỗ chúng tôi, đảo mắt nhìn chúng tôi một lượt từ trên xuống rồi từ dưới lên. Ba mẹ đều im lặng để khỏi lộ tông tích. Tên sĩ quan chỉ vào ông nội, ra lệnh cho một tên lính lục soát. Mắt ông như muốn phóng ra từng tia lửa, nhưng ông đành đứng yên mặc tình cho tên lính Nhật sờ mó khắp người. Coi kiểu cách, tên lính Nhật chủ yếu muốn soát xem có vũ khí, nó vét hết tiền của ông, sau đó lục soát đến ba tôi.

Toán lính Nhật này không làm khó dễ gì, chỉ vét sạch số tiền ông nội và ba mang theo bên người, rồi khoát tay ra hiệu cho chúng tôi đi.

Chúng tôi lặng lẽ bước, ông nội và ba, mẹ đều trầm mặc, lặng thinh làm ba chị em tôi cũng cảm như hén, chẳng dám quấy rầy. Với tâm hồn ấu thơ, chúng tôi cho rằng quân Nhật là một lũ cướp bóc làm người ta hoảng sợ, chứ tôi không thể nào hiểu một cách sâu sắc như ba mẹ tôi, rằng đó là điều tủi nhục, căm hờn của một dân tộc bị dày xéo. (Mãi sau này khi lớn lên, nhớ lại từng chút một sự việc thời đó, tôi mới thấm thía sâu sắc hơn).

Đúng trưa, chúng tôi gặp toán lính Nhật thứ hai.

- Đứng yên! Kiểm tra!

Cũng câu nói ấy, cũng bọn lính Nhật, cũng lục soát theo trình tự ông nội rồi đến ba. Chỉ khác là không tìm thấy tiền bạc trên người ông và ba nữa. Nhưng tên lính Nhật tìm thấy trên người ông nội một tờ giấy viết mười hàng chữ Trung Quốc, hắn ta nhìn nhìn ngó ngó, một hồi, lại nhìn sang ông, sau đó tuồng như không có gì đáng nghi ngờ, hắn bèn rút mẫu giấy đi. Hắn xì xà xì xỏ một lốc, rồi kéo cả lũ đi thẳng. Ba thở dài nhẹ nhõm:

- Ba ơi, cái đó đích thực là bài thơ của ba rồi.

- Không! Ông nội đáp gọn lỏn, rồi cẩn thận vuốt thẳng tờ giấy cất vào túi. (Sau này, tôi mới biết, đó là bài thơ ông nội làm nói về nỗi lòng của một người thương nước thương dân và nguyên rủa vạch trần tội ác quân Nhật. Nếu không may nó rơi vào tay một tên Nhật biết tiếng Trung Quốc, thì mạng sống của ông chắc chắn chẳng còn).

Xế chiều, chúng tôi gặp toán lính Nhật thứ ba.

- Đứng lại! Kiểm tra!

Ba tôi không nhịn được nữa, ba lật hết túi áo, túi quần trong người, rồi giận dữ quát lớn:

- Các ông muốn kiểm tra mấy bận? Mọi thứ đã bị mấy toán trước lấy sạch bách rồi,

bây giờ còn gì mà kiểm với tra!

Hình như tên Nhật này cũng không biết tiếng Trung Quốc, nhưng qua điệu bộ của ba, hẳn hiểu không phải chúng tôi mới bị lính Nhật kiểm tra lần đầu, và nhìn qua dáng bộ bơ phờ, mệt mỏi của người già, con nít trên mình lại chẳng có gì đáng giá để cướp, thế là chúng thả chúng tôi đi.

Chỉ trong một ngày chạm trán ba toán lính Nhật, rõ ràng khắp làng quê đâu đâu cũng có lính Nhật. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn còn may, vì ba toán này chỉ chú ý tiền chứ không chú ý đến người, nên không xảy ra chuyện cướp người đáng sợ như ở khe núi, và cũng không nhận ra người thật sau lớp vỏ nguy trang. Đúng là trong cái bất hạnh vẫn tìm ra điều may mắn. Chiều đến, vừa đói, vừa mệt, vừa khát, lại thêm lúc nào cũng có thể nghe những tiếng "đứng yên, kiểm tra", làm tinh thần căng thẳng, sức lực rã rời. Em trai út bắt đầu khóc, ba chỉ có mỗi việc lẳng lặng cõng em đi. Khi mặt trời lặn, gió đêm từng cơn ulla vào mặt, lúc đó chúng tôi mới phát hiện mình đang đi vào cõi hoang vắng, không người, chỉ có núi đồng trùng điệp, bốn bề hết sức yên tĩnh.

Sau ba lần bị bọn Nhật lục soát căng thẳng thần kinh, giờ đến cái yên lặng khác thường cũng khiến mọi người nom nớp lo sợ, nhất là giữa cảnh núi rừng mông lung, bóng đêm mờ mịt.

Chúng tôi đi một đoạn đường núi nữa, vẫn chẳng gặp người nào, không một ngôi nhà, không một túp lều, ba nghĩ đã lạc đường. Mọi người bàng hoàng, do dự không biết nên tiếng hay lui, lại còn trước mặt không biết có bọn giặc Nhật chiếm đóng hay không? Đang lay hoay nghĩ ngợi, chúng tôi bỗng thấy một bác nông dân từ phía trước đi lại, chẳng khác nào như gặp một người thật thà, đòn gánh bằng tre, vai vác hai cái sọt chồng lên nhau, thông thường loại sọt này dùng để đựng khoai lang hoặc gà vịt.

Ba và ông nội phần khởi ra mặt. Có gì vui hơn gặp đồng bào mình giữa đường vắng rừng hoang và đâu đâu cũng có lính Nhật? Ông nội ngăn bác lại, hồ hởi hỏi:

- Ở đằng đó có bọn lính Nhật không bác?

Bác nông dân trừng mắt nhìn ông nội như không hiểu ông hỏi gì. Người Hồ Nam lâu nay vẫn gọi người Nhật là quỷ. Ba sợ bác kia không hiểu nhầm nên hỏi lại:

- Bác ơi, đằng trước kia là đâu? Chúng tôi đang chạy tránh bọn quỷ, đằng trước mặt có người Nhật không ạ?

Ánh mắt bác nông dân chuyển từ nội sang phía ba, mặt mày tỉnh bơ như không (thật

khác phong cách người Hồ Nam: hồn hậu, ưa kết bạn, dù gặp người lạ cũng cười nói tử tế). Thấy tình hình có vẻ không ổn, ba kéo ông nội, nói:

- Ta đi thôi ba, đừng hỏi bác ấy nữa!

Bác nông dân lập tức hạ đôi sọt xuống, ngăn ba lại, dùng tiếng quốc ngữ chuẩn, nói thật nghiêm:

- Không được đi! Đứng yên kiểm tra!

Ba, mẹ đều đứng như trời trồng, mặt ông nội biến sắc, ba chị em chúng tôi chưa kịp hiểu ra chuyện gì cũng đứng ngây ra nhìn chòng chọc người nông dân kia vì đã rất nhạy cảm với bốn chữ "đứng yên kiểm tra". Trong chốc lát, chúng tôi nhận ra ngay bác nông dân kia cũng cải trang như chúng tôi, bác không phải là nông dân bình thường mà là một trí thức đang làm việc cho Nhật. Đúng thế, bác ta là người Trung Quốc, một người Trung Quốc đáng căm, đáng sợ hơn người Nhật, người Nhật ra trận là vì Thiên Hoàng của họ, còn người Trung Quốc này lại đi đánh người Trung Quốc cho người Nhật. Đây là một tên Hán gian!

Người "nông dân" kia đưa tay chỉ ông nội:

- Ông đứng yên, tôi kiểm tra ông trước!

Lần nào cũng kiểm tra ông nội trước! Ông nội trừng mắt nhìn người "nông dân" kia, rồi ngẩng cao mái đầu bạc phơ, cất giọng đanh thép, quyết liệt:

- Không được! Tôi không cho ông kiểm tra! Người Nhật kiểm tra tôi, tôi đành chịu, còn ông, ông là người Trung Quốc! Không đời nào! Tôi không để cho ông kiểm tra đâu!

Người "nông dân" kia cầm súng lục lên hươu hươu trước mặt ông nội:

- Nghe giọng lưỡi của ông, tôi biết ông là người thế nào, nông dân à? Ông mà là nông dân à? Không cho tôi kiểm tra? Ông giấu gì trên người nào? Hà?

Nét mặt ông nội tôi càng giận dữ, ba mẹ tôi trao đổi nhau bằng ánh mắt, không khí căng thẳng nặng nề, tôi nghĩ tới tờ giấy có viết đầy chữ, nhìn ông nội và ba mẹ, tôi biết, ông nội và ba mẹ đều lo lắng cho tờ giấy kia, một người Trung Quốc, hẳn biết đọc chữ Trung Quốc!

- Ông không được chạm vào người tôi. Ông nội nói nghiêm khắc: -Hôm nay chúng tôi đã bị ba toán lính Nhật khám xét! Tôi không để cho người Trung Quốc khám nữa!

Người "nông dân" kia nổi khùng lên quát:

- Không kiểm tra, cũng được, tôi bắn ông chết ngay lập tức!

Người kia hươ hươ khẩu súng lục. Ông nội ưỡn ngực, đồng dục lên tiếng:

- Ông có bắn chết tôi, tôi cũng không cho ông kiểm tra!

Người "nông dân" gương súng, ba tôi lập tức xông tới, đứng trước mặt ông nội tôi, nói khẩn khoản:

- Ba, để cho ông ấy kiểm tra đi, ba để cho ông kiểm tra đi ba!

- Không được! Ông nội nói đanh thép: -Tao thà chết chứ không để người ấy kiểm tra đâu!

Ông tôi nhìn người "nông dân" kia, nói:

- Ông cứ bắn chết tôi đi, đừng đụng đến con tôi, và các cháu tôi!

- Ông đúng là một ông già cứng đầu. Để coi!

Người "nông dân" kia tiếp tục nói:

- Tôi chỉ cần kiểm tra ông, đâu cần cái mạng của ông, ông coi chuyện kiểm tra còn nặng hơn mạng sống phải không?

- Đúng vậy, ông có thể giết chết tôi, chứ không đụng được vào người tôi! Ông nội lại càng cố chấp hơn: - Ông cứ bắn đi!

Người "nông dân" kia lại giơ súng lên, nghiêm sắc mặt. Xem chừng tính mạng của ông nội đã đến lúc ngàn cân treo sợi tóc, em bé trai tôi òa lên khóc. Tức thì, ba quỳ xuống trước mặt ông, nuốt nước mắt, năn nỉ:

- Ba, để cho ông ta kiểm tra mà, xin ba hãy để cho ông ta kiểm tra!

- Kiểm tra là chết, ông nội hạ giọng: Chi bằng giữ lòng tự tôn tự kính, hãy để ông ấy bắn chết ba đi, các con hãy để ông ấy kiểm tra rồi các con về hậu phương!

Ba ơi, mẹ quỳ xuống trước mặt ông nội nghẹn ngào:

- Nếu chết thì cả nhà cùng chết ba ơi!

- Ông nội đừng chết! Ông nội đừng chết!

Tôi và Kỳ Lân cũng không chịu được, chạy ập tới cùng ba mẹ ôm chầm lấy ông, khóc kêu "ông ơi" "ông ơi". Tiếng khóc của ba chị em tôi thật xao động tim gan, ông nội run run đưa tay đỡ chúng tôi, rồi đứng thẳng, gào lên đồng dục:

- Không kiểm tra! Không kiểm tra! Không kiểm tra!

Trước cảnh ấy, người "nông dân" kia cũng đứng như ngây như dại, nhìn chúng tôi chằm chằm hồi lâu, chẳng nói chẳng rằng. Rồi ông ta bỗng nói thật to, như hét:

- Đừng khóc nữa! Hãy đi nhanh lên!

- Đi? Ba tôi ngó người, đứng dậy, nhìn người "nông dân" kia. Ông không kiểm tra chúng tôi sao?

Người "nông dân" kia nhìn thẳng vào ba tôi, khề lắc đầu, nói khàn khàn:

- Kiểm tra rồi, các ông đi đi thôi!

- Tất cả chứ? Ba không tin hỏi lại.

- Tất cả. Người "nông dân" kia đáp, bồng thờ dài. Ông ta cúi đầu, lấy cây đòn gánh trên tay viết xuống mặt đất dính bùn ba chữ "Người Trung Quốc", rồi chỉ vào bản thân mình và chỉ cả chúng tôi. Tiếp đó, ông ta viết ba chữ "Người Nhật Bản", chỉ về hướng tây bắc, nói nhỏ một câu:

- Hãy đi về hướng đông thôi!

Nói xong, ông vội vàng lấy bàn chân xóa vết tích mấy chữ viết trên mặt đất, vác hai cái sọt lên vai, đi thẳng về phía trước, không ngoái đầu lại.

Mãi hồi lâu, chúng tôi vẫn còn đứng nguyên tại chỗ đó, bao lâu sau, ba mẹ vẫn chưa kịp hoàn hồn. Cuối cùng chúng tôi tiếp tục đi, đi về phía đông. Đêm ấy, chúng tôi nghỉ lại trong một khu rừng nhỏ, không gặp bọn Nhật nữa. Ngày hôm sau, chúng tôi tìm thấy đường đi, trở về quê cũ, đưa ông nội an toàn trở về Lan Chi Đường.

Sau đó rất lâu, tôi còn nhớ rõ ba chữ "Người Trung Quốc" viết trên bùn. Tôi cứ suy ngẫm, đoán đo hoài về người "nông dân" kia là người tốt hay kẻ xấu? Là một tên hán gian? Hay một người Trung Quốc có nhân cách. Tại sao sau cùng ông ấy lại tha cho chúng tôi và còn chỉ cho chúng tôi hướng đi chính xác?

Thế là tôi càng rõ, cho dù là một người "xấu" đi nữa, cũng còn một chút lương tri, cho dù là Hán gian đi nữa, cũng không phải đã hoàn toàn quên được mình là người Trung Quốc.

Quan niệm về quốc gia, dân tộc của chúng tôi được xây dựng dưới hòng súng ấy. Cho nên tôi thường nói, sự giáo dục tuổi thiếu niên ở những người khác là từ nhà trường, còn sự giáo dục ở tuổi thiếu niên của tôi là từ trong chiến tranh.

hết: [Chương 7](#)

QUYỀNH DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 8

Nửa Đêm Vượt Qua Tuyến Lửa

Cuối cùng cái đêm ấy đã đến.

Ba mẹ và ông nội lưu luyến tạm biệt nhau. Bọn trẻ chúng tôi hôn ông nội. Ngoài cửa, màn đêm dày đặc, bầu trời chỉ điểm mấy vì sao và treo lơ lửng mảnh trăng lưỡi liềm lạnh lẽo. Làng xóm đã chìm trong giấc ngủ, không một tiếng gà kêu chó sủa, yên tĩnh đến rợn người.

Ngoài sân, hai người gánh thuê đang đợi, mỗi người gánh hai cái thúng lớn, một thúng đựng toàn áo quần của cả nhà (đồ của bà con nông dân cho để cải trang), còn ba thúng kia chuẩn bị để gánh tôi và hai đứa em trai, từ Hồ Nam đến tận Tứ Xuyên. Chuyến hành trình bất tận này không biết phải đi mất bao lâu. Tuổi thơ ấu chúng tôi nào biết nỗi khổ của chuyến đi này. Gánh trẻ con đi theo là thói quen dân dã.

Từ nhỏ, tôi đã ngồi đủ các loại phương tiện giao thông: nào là kiệu, xe thuyền, nào là xe đẩy tay... Còn ngồi trong thúng có người gánh thì mới là lần đầu. Sự lạ lùng này làm tôi vui đi nỗi buồn từ giã ông nội, nhưng khi nhìn thấy ba mẹ và ông nội tôi mắt ngấn lệ, tay cầm tay nghẹn ngào, tôi mới thấy nao lòng dạ, và đó là lần đầu tiên hiểu ra ý nghĩa của những chữ sinh ly tử biệt.

Chúng tôi xuất phát. Xếp bằng tròn ngồi vào thúng, tôi một đầu, Kỳ Lân một đầu, do một người gánh, còn gánh kia, bé Tam một đầu, một đầu là đồ đoàn hành lý. Chúng tôi đi suốt đêm, phải xuyên qua tuyến lửa quân Nhật, nếu không may bị chúng phát hiện, từ người gánh thuê đến trẻ con đều khó bề trốn thoát. Chị em tôi đã được ba mẹ căn dặn không biết bao nhiêu lần, nào tuyệt đối không được nói chuyện, không được ho, không

được có bất cứ tiếng động nào trên đường đi.... Thực ra chị em tôi đã phát khiếp lên qua mấy bận gặp phải quân Nhật và biết rõ quân Nhật có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Lưỡi lê không còn là đồ chơi, sự sống và cái chết chỉ cách nhau gang tấc, dù ba mẹ không can đảm, chúng tôi cũng không dám hó hé. Mọi người lẩn mò trong đêm tối, không đuốc, không đèn lồng, cũng không có loại đèn bão mà bà con nông dân hay dùng. Ba mẹ, người gánh thuê và cả chúng tôi đều mặc toàn một màu đen.

Không dám đi đường lớn, chúng tôi toàn xuyên đường tắt, và hai người gánh thuê tỏ ra rất thạo đường, biết rõ cả những nơi quân Nhật đồn trú, có lẽ không phải lần đầu họ đưa người lánh nạn qua đây. Ba mẹ tôi thuê họ gánh chúng tôi đi thẳng tới Quảng Tây. Nghe nói, tới Quảng Tây sẽ có xe lửa chở người lánh nạn thẳng tới Quế Lâm. Lộ trình của chúng tôi là đạp xe lửa vượt qua Quảng Tây, xuyên Quế Châu để tới Tứ Xuyên (một sự tính toán hoàn toàn tự nguyện, song chúng tôi nào hay biết, con đường ấy phải đi đặng đặng một năm trời. Cuối cùng rồi cũng đến được Trùng Khánh đúng vào lúc nhà nhà pháo nổ, người hân hoan, phố xá ngập trong biển cờ, mừng kháng chiến thắng lợi!)

Trong màn đêm bao phủ, đoàn người chúng tôi lặng lẽ dò từng bước đi. Đã lâu lắm, chúng tôi không được đi đường lộ, chỉ đi xuyên ruộng, lúa cao tới đầu, tiếng lúa chạm loạt xoạt, thỉnh thoảng dẫm lên những đồng gỗ vụn nghe lạo xạo làm ai nấy giật thót cả người. Kể từ khi rời Hành Dương, tựa hồ chúng tôi đều gặp may, còn cửa ải vượt tuyến lửa đêm nay liệu có thoát vòng nguy hiểm được chăng? Tôi nghĩ, cả ba mẹ tôi cũng chẳng nắm chắc được gì đâu, nhưng có điều là ba mẹ tôi có sẵn quyết tâm và dũng khí.

Những chuyến đi đêm như vậy cũng chỉ có mấy hôm, ban ngày chúng tôi ở trong nhà những bác nông dân tốt bụng, ban đêm lại tiếp tục lên đường. Ngồi trong thúng, chật chội, chân tay chúng tôi như tê cứng lại, nhiều lúc bọn trẻ chúng tôi đòi leo ra đi bộ một chút cho đã. Mừng nhất là đoạn đường này không gặp lính Nhật, nhưng nơi nào chúng tôi đến đều thấy ở đó bị lính Nhật đốt phá sạch bách. Khó quên nhất đối với tôi là hình ảnh bé Quyên.

Nhật được bé Quyên thế nào tôi không nhớ rõ. Hình như chúng tôi lần theo tiếng khóc trong ruộng lúa để tìm thì phải. Tuổi Quyên và tuổi tôi sà sà nhau hoặc Quyên lớn hơn tôi chút ít. Khi ba mẹ tôi ẵm bé dậy trong ruộng lúa, quần áo nó rách nát, mình đầy thương tích. Qua mấy câu hỏi ngắn gọn, chúng tôi biết ba mẹ bé đều bị lính Nhật man rợ sát hại cùng với

đám tay quí dữ. Mình mấy bê bắt bùn đất, bé vừa khóc vừa kể lại chuyện đã qua khiến tôi vô cùng xúc động. Tôi xin mẹ:

- Mẹ ơi, chúng ta đưa bạn ấy cùng đi mẹ nhé!

Bé Quyên nhìn mẹ tôi với đôi mắt khẩn cầu, mãi đến bây giờ, tôi không sao quên được đôi mắt đen nhánh, và chứa chan hy vọng ấy. Mẹ tôi thở dài, không nói một câu, chỉ ôm bé vào lòng, lau sạch mặt mày cho bé rồi kiểm đồ cho bạn ấy ăn. Tôi mừng quýnh sốt sáng nhường chiếc thúng cho bạn ngồi rồi đi bên cạnh, thủ thi nhỏ to để an ủi bạn ấy. Tôi coi bạn là một thành viên trong gia đình và nghĩ rằng bạn mãi mãi ở bên cạnh chúng tôi. Bạn ấy đâu còn gia đình, trong chiến tranh, những đứa trẻ được nhặt về như vậy là chuyện thường tình.

Chỉ qua một đêm, tôi và bé Quyên đã trở thành đôi bạn tốt, thành chị em thân thiện. Chúng tôi vào nhà một bác nông dân. Mẹ tôi tắm rửa và bôi thuốc vào các vết thương trên người bé. Tôi và bạn ấy cùng ngủ chung một giường, tôi ôm lấy Quyên, tựa đầu, tựa vai truyền hơi ấm cho nhau, lịm đi trong giấc ngủ ngon lành.

Đêm hôm ấy, trong giấc ngủ, tôi mơ màng nghe thấy ba mẹ tôi bàn chuyện suốt đêm, dường như cố tìm đường đi nước bước xuyên qua tuyến lửa của quân Nhật để thoát vòng nguy hiểm. Rồi hai người chuyển sang nói chuyện bé Quyên. Bàn bạc thật lâu, nào là nhân tính, hiện thực, kinh tế, tự mình đã khó bảo toàn... Tôi nghe không hiểu, sau đó ngủ thiếp đi.

Đang lúc ngái ngủ, mẹ tôi lay dậy và suyt nhỏ như ra hiệu cho tôi đừng đánh thức bé Quyên. Tôi mắt nhắm mắt mở mặc áo quần, rồi ra khỏi nhà bác nông dân. Trời không trăng sao, tối đen như mực. Cho đến lúc ngồi vào thúng, tôi mới tỉnh người. Tôi vụt đứng dậy, la hoảng:

- Mẹ ơi, ba mẹ quên bé Quyên rồi!

Mẹ tôi ấn tôi ngồi xuống, nói nhỏ nhẹ:

- Phượng Hoàng con, chúng ta không có cách nào đưa Quyên theo được, đường còn dài lắm. Chủ nhà biết cậu của Quyên, mẹ đã gởi lại ít tiền nhờ họ đưa Quyên về nhà người thân, đó là việc duy nhất ba mẹ có thể làm được đó con ạ.

- Nhưng mà, mẹ... bé Quyên tưởng mình sẽ đưa bạn ấy đi cùng! Mẹ cũng đồng ý rồi cơ mà! Tôi cuống cuống nói lớn.

- Con ơi! Mẹ tôi thở dài, nét mặt đầy đau khổ. Con phải hiểu một chút mới được!

Tôi không dám nói gì hơn, ngồi yên trong thúng, tiếp tục đi về phía trước. Thúng lúc lắc, bốn bề lặng tanh. Chúng tôi lội qua con sông nhỏ, băng qua ruộng lúa... Gió đêm lạnh buốt. Tôi nằm khoanh trong thúng, khóc thút thít. Tình cảm trẻ con đến là lạ, khi xa ông nội tôi có khóc đâu, vậy mà xa bé Quyên tôi lại khóc. Tôi khóc lâu lắm, vì tôi nghĩ rằng, khi bé Quyên thức dậy, không thấy chúng tôi, bạn ấy sẽ đau đớn và tuyệt vọng biết đường nào. (Việc có vậy mà mãi nhiều năm sau tôi mới nghiệm ra cái điều bất đắc dĩ vì sao ba mẹ tôi để bé Quyên ở lại. Trong chiến tranh, sự sống và cái chết, đoàn tụ và chia ly vốn có mấy ai tự định đoạt được).

Hừng sáng, chúng tôi vượt qua tuyến lửa.

Đúng trưa, chúng tôi nhìn thấy quân Quốc dân đảng, nhìn thấy Quốc Kỳ, ba mẹ tôi sung sướng quá, tôi tưởng đâu trước mặt đã là con đường rộng thênh thang. Nào ngờ, phía trước còn lắm chông gai, sóng gió.

Dù sao chẳng nữa, chúng tôi cũng đã kết thúc được một chuyến đi đêm, trở lại sinh hoạt bình thường, ngày đi tối nghỉ. Cuộc hành trình dài ngày vẫn tiếp tục. Suốt dọc đường đi, cũng như mãi đến bây giờ, tôi không làm sao quên được Quyên, người bạn gái bé bỏng ấy.

hết: [Chương 8](#)

QUYỀN DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 9

Đại Đội Trưởng họ Tăng

Đại đội trưởng họ Tăng là nhân vật tôi nhớ suốt đời mình. Trong lần chạy nạn đó, số phận đã dong duỗi chúng tôi gặp con người ấy, nếu không lịch sử cả nhà tôi phải viết lại tất cả.

Đại đội trưởng Tăng là con người như thế nào?

Sau khi xuyên qua vòng phong tỏa của quân Nhật, một con đường lớn đã trải ra trước mặt ánh sáng chói chang, từng tốp từng tốp quân Trung Quốc di chuyển xuống phía nam. Chúng tôi không phải trốn chui trốn nhủi quân Nhật nữa, không còn lo bị bắt bớ, giết hại, có trời biết chúng tôi sung sướng dường nào. Những ngày ấy, chúng tôi vẫn được gánh đi dọc chuyến đường sắt Tương Quế hướng về Quảng Tây. Đi chưa được mấy ngày thì sự tình hoàn toàn không giản đơn như chúng tôi tưởng tượng.

Trước hết, dọc tuyến đường, dân lánh nạn thừa thớt, ai cần đi, họ đã đi từ lâu rồi, chỉ còn lại những người không muốn xa rời mảnh ruộng miếng vườn. (Người Hồ Nam rất coi trọng ruộng đồng, không muốn rời quê hương xứ sở). Bọn trẻ chúng tôi thì ngồi trong thúng, người nhà thì ăn mặc chẳng giống ai cả. Thứ đến, chúng tôi đang đuổi theo cuộc đại rút lui trên tuyến đường Tương Quế, các ngã đường có quân Quốc dân Đảng đồn trú đang rút khỏi Hồ Nam, suốt tuyến đường, nào kỵ binh, hậu cần, nào bộ binh, và có cả thương binh, từng tốp từng tốp không biết cơ man nào là người là ngựa. Quân Quốc dân Đảng hành quân rất nhanh, không khỏi làm cản trở bước chân của họ. Cả nhà dìu nhau, đẩy nhau, kéo nhau cùng đi, dần dà rồi tụt sau hàng quân tốp này đi qua, tốp sau dồn lên đẩy bật chúng tôi tụt lại phía sau.

Mẹ tôi từ nhỏ đến lớn chưa đi như vậy bao giờ, chẳng mấy chốc hai bàn chân đều phồng dộp, hai ngày sau, những chỗ phồng bị dập bể, rướm máu phải đau đớn lê từng bước một. Hai người gánh thùng, không muốn gánh tiếp bắt đầu cầu nhàu và xin thoái thác, cha tôi đành năn nỉ họ, tặng thêm tiền công cho họ. Còn bọn trẻ chúng tôi phải "chịu trận" suốt ngày dưới nắng thiêu và gió bụi cũng dần dần đuổi sức. Cứ thế, chúng tôi đi càng lúc càng chậm chạp.

Trong cuộc hành trình gian khổ này, máy bay ném bom của quân Nhật xuất hiện, tiếng gầm rít từ xa đến gần, rồi như xé không khí bay vút qua đầu chúng tôi. Tuy rút lui, nhưng quân Quốc dân Đảng kỷ luật rất nghiêm minh, trên lưng đều ngụy trang bằng rơm rạ, máy bay oanh tạc lượn lại, họ lăn xuống đất, giống như một đám rạ. Máy bay Nhật rất ít ném bom, (phần lớn chúng đi ném bom các thành phố và thị trấn), họa hoằn mới bắn vài loạt, đó là điều đáng sợ và dễ gặp rủi ro.

Nguy cơ ngày một tăng. Vài hôm sau, chúng tôi nhận được tin quân Nhật đang truy kích dọc theo đường sắt Tương Quế, quân Quốc dân đảng được lệnh bảo toàn thực lực, ra rút về Quảng Tây, tránh đụng độ. Thế là tốc độ hành quân càng nhanh, không cách nào khác.

Lính Quốc dân đảng từng xông pha trận mạc, ném đủ mùi gian khổ nên rất bức bối, cáu gắt, khi bị chúng tôi cản trở cuộc hành quân, những lời cộc cằn không ngớt văng ra:

- Tránh ra, tránh ra, nhân dân đừng cản trở đường quân đội.
- Các người không hiểu hay sao? Quân đội từng đánh bao nhiêu trận cho nhân dân, vậy mà các người còn ở đây làm nát hết việc!

Chúng tôi bị xô tới trước rồi đẩy ra sau, thật khốn khổ hết chỗ nói.

Một buổi trưa, máy bay địch lại âm âm bay tới, lính tráng đều nằm xuống, đồ đoàn và ngựa được đưa vào chỗ ẩn nấp. Cả nhà tôi không có chỗ trú ẩn đành phải nép mình bên gốc đại thụ dưới lưng núi, đưa mắt nhìn theo từng chiếc máy bay địch bay vút qua đầu.

Quanh gốc cây, đâu chỉ có người nhà tôi, mà còn có mấy sĩ quan mang theo khí giới nữa. Trong đó có một sĩ quan tay dắt ngựa nhìn chằm chằm vào chúng tôi. Thực tình, tôi chẳng chú ý vị sĩ quan kia bằng chú ngựa nâu cao lớn, đẹp đáng, mũi luôn phun hơi phì phì.

Ba tôi nhìn máy bay địch vút qua, nhìn đoàn quân dày đặc mặt đường, rồi nhìn chúng

tôi, thở dài, nói:

Không biết phải đổi một giá đất đến bao nhiêu.

Trông dáng bộ ba mặc áo nông dân ăn nói bộc bạch, vị sĩ quan kia buộc ngựa vào gốc cây sai bước đến chỗ chúng tôi, nhìn ba tôi, hỏi:

- Các người không phải nông dân bình thường chứ?

Đối với một sĩ quan Trung Quốc, ba không cần che giấu thân phận làm gì, trả lời rất điềm nhiên:

- Tôi là một giáo viên.

- Thầy giáo dạy học? Mắt vị sĩ quan sáng lên, lại nhìn sang phía mẹ tôi: - Bà kia là vợ của ông?

- Vâng, cô ấy cũng là một giáo viên - ba tôi đáp

- Ô! Nét mặt vị sĩ quan đầy vẻ trân trọng, ông ta nhìn ba mẹ rồi nhìn chúng tôi, hỏi ngắn gọn nhưng rành rọt: - Các người muốn đi đâu bây giờ?

- Tứ Xuyên!

- Tứ Xuyên à? Vị sĩ quan như nghe điều gì lạ lùng lắm, liền nói lớn: - Ông có biết đến đó bao nhiêu xa không?

- Tôi biết. Ba tôi đáp lại thản nhiên nhưng kiên quyết. Rồi quê hương, tôi biết con đường này dài lắm, nhưng tôi phải đi, tôi không thể ở lại nơi này để quân Nhật làm ô nhục.

Vị sĩ quan nọ nhìn chăm chăm ba tôi. Lúc này tôi mới để ý tới ông ta, khuôn mặt chữ điền, tai lớn, mắt to, chân mày rậm, thân hình cao lớn, lưng dài vai rộng... diện mạo ông ta cũng như con ngựa kia, hiên ngang, lịch lãm, một quân nhân điển hình, từng xông pha trận mạc. Nhìn ba tôi hồi lâu, ông ta mới hỏi:

- Ông định gánh con đi Tứ Xuyên như thế này à?

- Có xe lửa chở người lánh nạn thì đi xe lửa, không có xe thì đi bộ thôi!

Viên sĩ quan lắc đầu rõ lâu.

- Các người không đi nổi đâu.

- Không đi nổi cũng đi bằng được!

Viên sĩ quan lại cau mày ngờ vực. Ông ta chăm chú quan sát chúng tôi, dường như suy ngẫm điều gì đó liên quan đến chúng tôi rồi đột nhiên nói:

- Người có học thức như mấy người kỳ lạ thật, tôi không được học, bình sinh tôi rất

phục người có học! Thôi thế này nhé, để tôi mách cho các người một con đường. Để các người đi lộn xộn trong hàng quân thể này là không ổn, tôi chú ý đến mấy người lâu rồi, chúng tôi đang rút lui, tinh thần quân đội sa sút, tính khí cộc cằn, sớm muộn gì rồi các người cũng bị đụng chạm. Cách duy nhất bây giờ là các người nên tìm đến bộ đội Quảng Tây, để họ giúp đỡ mấy người đến Quảng Tây vậy, tuyến đường của bộ đội Quảng Tây cùng hướng với mấy người, có quân đội bảo vệ, các người sẽ không bị hà hiếp, cũng không bị tụt hậu, như vậy mới đi đến nơi được!

- Bộ đội Quảng Tây? - Nãy giờ yên lặng, mẹ tôi vụt nói xen vào: - Bộ đội nhiều như thế, làm sao biết cánh nào là bộ đội Quảng Tây, thưa ông?

- Tôi là bộ đội Quảng Tây. Viễn sĩ quan nọ đẩy đẩy cái mũ, nói lớn: - nếu mấy người đồng ý, tôi sẽ đưa mấy người đi Quảng Tây!

Lúc đó, ba mẹ tôi đều đứng ngây người, trao đổi với nhau bằng ánh mắt. Trong thời ly loạn, lòng người khó dò, ba mẹ tôi đứng trước một quyết định, vị sĩ quan này là một người tốt hay người xấu? Trong chốc lát, ba tôi quyết định ngay. Ba đưa tay ra, tự nhiên và thành thật:

- Tôi họ Trần, Trần Chí Bình. Chúng tôi thành tâm tiếp nhận sự giúp đỡ của ngài. Rất cảm kích trước lòng tốt của ngài.

Vị sĩ quan kia chìa tay thô ráp bắt chặt tay ba tôi, lắc mạnh, nói với vẻ đầy hứng khởi:

- Tôi họ Tăng, tên Bru, đại đội trưởng đại đội hậu cần trung đoàn 27!

Đó là đại đội trưởng Tăng. Từ đây, chúng tôi là dân được ông ấy bảo vệ. Đi theo bộ đội của ông ta, ăn quân lương của ông ta, uống nước trong bình tong của ông ta... Đại đội trưởng Tăng làm thay đổi vận mạng cả nhà chúng tôi!

Những ngày đi với đại đội trưởng Tăng là những chuỗi kỷ niệm mãi mãi không bao giờ quên.

hết: [Chương 9](#)

QUYỀN DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 10

Cưỡi Ngựa

Những ngày đi với đại đội trưởng Tăng là những chuỗi kỷ niệm mãi mãi không bao giờ quên.

Đại đội trưởng Tăng thấy chân mẹ tôi lở loét, bước chân bà cũng đã quàng xiên, ông ta liền ra lệnh cho một trung đội trưởng dưới quyền nhường con ngựa của chú ấy cho mẹ tôi. Trung đội trưởng họ Vương, ngoan ngoãn phục tùng. Chú ấy dắt ngựa đến, nhìn thấy con ngựa vừa cao vừa to, hể nó lắc đầu là hơi ở lỗ mũi phun phì phì, móng chân đã bị hư, mẹ tôi lắc đầu nguây nguây, nói:

- Tôi đi bộ! Tôi đi bộ thôi mà!

- Không được! Đại trưởng Tăng nhú mày, nói như ra lệnh, coi mẹ tôi hệt như một quân nhân dưới quyền. Không cưỡi ngựa không được! Lên ngựa!

Mẹ tôi không dám chống lệnh, đành dẫn lòng ngoan ngoãn trèo lên lưng ngựa. Mẹ mới chạm đến yên ngựa, con ngựa kia nhìn ra chủ, hí lớn, làm mẹ tôi sợ quá quay đầu bỏ chạy. Bộ đội thấy vậy không nhin được cười, đại đội trưởng Tăng không cười, nghiêm khắc nhìn mẹ tôi, thế là bà lại ngoan ngoãn bước tới bên cạnh ngựa, được trung đội trưởng Vương đỡ một tay, khó khăn lắm mới trèo được lên yên ngựa. Nhưng mới vừa ngồi thẳng lưng, con ngựa kia lại hí lên một hồi dài, bồm dựng ngược, chân trước đứng thẳng, mẹ sợ quá thét lớn, ôm chặt cổ ngựa, không chịu buông tay. Lúc đó, đại trưởng Tăng cũng không nhin được cười. Ông ta lắc đầu bảo trung đội trưởng Vương đỡ mẹ tôi xuống khỏi lưng ngựa, rồi tự ông ta dắt con ngựa của mình lại, nói gọn tron:

- Đổi ngựa!

Thì ra ngựa của ông rất thuần, mẹ tôi ngồi lên, nó không hề trở chứng. Nhưng bà vẫn phòng ngừa, mặt trắng bệch, thế rồi đại đội trưởng phải cử một binh sĩ đến dắt ngựa và "phụ trách bảo vệ an toàn cho bà Trần! ". Còn ông thì cười con ngựa của trung đội trưởng Vương. Về sau, chúng tôi mới biết, đại đội trưởng Tăng rất yêu quý con ngựa của mình, không bao giờ nhường cho ai.

Cứ như vậy, chúng tôi theo đại đội trưởng Tăng. Hai người gánh đồ vẫn tiếp tục gánh chúng tôi và hành lý. Mỗi lần lên lộ, chúng tôi mới phát hiện ra sự cách biệt rất xa giữa tốc độ hành quân và bước đi chậm chạp của mình, quân đội có thể đi một mạch mấy tiếng đồng hồ không nghỉ, kể cả hành quân đêm. Nửa đêm, bất chợt có thể lên đường. Cứ thế đi được hai hôm, hai người gánh đồ bắt đầu than thở, họ nói với ba tôi là không làm nữa. Ba tôi chỉ biết năn nỉ, hy vọng họ nhẫn nại, gánh tiếp chúng tôi đi, nhưng hai người bắt đầu từ chối quyết liệt. Họ bảo:

- Chúng tôi không đi nữa, chúng tôi phải về nhà! Món tiền này khó nhá lắm, chúng tôi không làm!

Ba tôi nói ngon nói ngọt gì họ cũng không nghe. Đang lúc giằng co, đại đội trưởng Tăng vội bước tới, nói như hét lớn:

- Không làm hả? Ai cho phép mấy người không làm. Đã thỏa thuận đi đến Quảng Tây, chưa đến Quảng Tây, mấy người muốn đổi ý hả?

Hai người gánh đồ thấy đại đội trưởng Tăng dữ dằn phát sợ, không dám nói thêm gì, một trong hai người còn lầu bầu kêu khô, đại đội trưởng Tăng đưa tay vỗ bóp một tiếng lên khẩu súng lục đeo bên hông, nhướn mày hỏi:

- Người nào không muốn làm?

Hai người gánh đồ chẳng ai dám hó hé nửa lời. Ngày hôm đó, chúng tôi vẫn đi tiếp. Chiều tối, dừng lại ăn cơm. Quân đội thì có anh nuôi, chuyên lo cơm nước, bất cứ lúc nào cũng có thể đặt lò làm cơm. Lúc ăn, một người gánh đồ đã để lộ u vai của mình, ba tôi nhìn mới biết trên vai người đó bị bong đi một mảng da lớn và đang rỉ máu. Ba tôi hốt hoảng. Đại đội trưởng Tăng đứng bên cũng nhìn thấy. Khi bộ đội sắp sửa hành quân, đại đội trưởng Tăng dắt lại một con ngựa, nói với ba tôi:

- Ông Trần, ông cho mấy cháu cưỡi ngựa, để bớt nặng cho mấy người kia!

Ba tôi tuân lệnh, không phải vì mình mà là vì mấy người gánh đồ. Thế rồi ba tôi cũng lên lưng ngựa, tôi ngẩng đầu nhìn ba, không mấy tin tưởng ở cái tư thế cưỡi ngựa của

ông. Ông ngồi vắt vẻo, trông chẳng oai vệ tí nào. Đại đội trưởng Tăng ẵm tôi ngồi vào lòng ba, rồi hỏi:

- Được chưa? Ông Trần, ông có biết cưỡi ngựa không đó?

- Yên trí, ba vui vẻ nói: Tôi đâu có như bà xã nhà tôi...

Nói chưa dứt lời, con ngựa nguẩy đầu, hích mông, tôi chỉ còn kịp nghe ba tôi kêu "ôi a" và ôm tôi lăn từ trên lưng ngựa xuống, tôi ré lên, văng ra mặt đất. Sợ quá tôi khóc rống lên, mẹ tôi hốt hoảng ôm chặt tôi, xem tôi bị thương ở chỗ nào. Cũng may, tôi không bị thương, chỉ trầy sơ sơ, ba tôi cũng không việc gì, ba nói như chữa thẹn với đại đội trưởng Tăng:

- Coi bộ con ngựa này nó không có cảm tình với tôi!

Đại đội trưởng Tăng cười ha hả:

- Ông Trần, học hành thì ông giỏi, cưỡi ngựa thì ông chẳng ra gì!

Nói xong, ông quay mình, lên ngựa, nói với tôi:

- Cháu ngồi lên đây với chú!

Tôi lắc đầu lia lịa, quấn chặt vào lòng mẹ. Đại đội trưởng Tăng an ủi:

- Chú không như ba con, chú không để con bị ngã đâu mà lo!

Nói xong ông xuống ngựa, chẳng nói chẳng rằng ôm chặt lấy tôi, rồi nhảy lên lưng ngựa, tôi không còn biết mình lên như thế nào thì đã ngồi lọt thỏm vào lòng ông ta. Ông vòng tay đỡ tôi và hỏi: Thế nào? Chắc chắn chứ?

Tôi chẳng nói chẳng rằng. Ở tuổi ấu thơ, ấn tượng của tôi về ông Tăng khá đậm nét. Đó là một nhân vật đáng kính trọng nhưng cũng đáng sợ, ông ta oai vệ, dũng cảm, thô kệch, táo bạo... Không hỏi tôi gì nữa, ông kéo dây cương, hô lớn:

- Chuẩn bị, xuất phát!

Cả đoàn người ngựa tiến về phía trước. Tôi ngồi vậy, gió núi thổi mát rượi, lưng ngựa nhún từng nhịp một, hai chân duỗi thẳng, so với ngồi bó chân trong thùng thoải mái hơn nhiều. Tại sao Kỳ Lân và bé Tam đều muốn cưỡi ngựa mà ông lại chọn tôi, tôi không hiểu hết ý, và cũng gần như quên mất chuyện ngã ngựa vừa rồi. Tôi ngoảnh đầu nhìn đại đội trưởng Tăng, liền gạt gạt ánh mắt ông, thì ra ông đang cười với tôi!

- Chú có hai đứa con. Ông nói nhỏ nhẹ, chú không có con gái! Chú thích con gái lắm!

Tôi cười, nhưng chẳng nói gì. Tánh tôi lúc nhỏ là vậy, trầm lặng và hay mắc cỡ.

Từ hôm đó trở đi, tôi không ngồi thúng nữa, thật tội nghiệp cho bé Tam và Kỳ Lân! Ai mà biết được chính sự sắp đặt đó đã tạo ra bao nhiêu biến cố giữa tôi và hai em trai tôi.

hết: [Chương 10](#)

QUYỀN DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 11

Đại Phong Áo

Chúng tôi bắt đầu vượt qua Đại Phong Áo!

Đại Phong Áo là tên một ngọn núi. Tên gọi đó đã để lại trong ký ức tôi một ấn tượng vô cùng sâu sắc.

Hồi đó, chúng tôi đã có mặt ở ranh giới Hồ Nam để sửa soạn tiến quân về hướng Quảng Tây. Có mấy con đường lớn có thể đi thoải mái, nhưng lộ trình xa, và quân Nhật có khả năng thọc vào đánh phá từng chặng, rất nguy hiểm. Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng bản đồ, đại đội trưởng Tăng chọn phương án vượt qua "Đại Phong Áo" để đến Quảng Tây.

Quân đội tuy có người dẫn đường nhưng không có kinh nghiệm vượt qua ngọn núi này. Người địa phương cho biết đây là ngọn núi kỳ quái, hoang vu, đầy rắn độc và thú dữ, nói cho cùng, là một ngọn núi chưa từng ai vượt qua.

Nhưng đại đội trưởng Tăng đã quyết định rồi thì không thay đổi nữa. Ông tập trung hết ngựa lại, dẫn đầu đội ngựa đi trước mở đường, bộ binh và khí giới theo sau. Mẹ tôi cũng nhường lại con ngựa đang cưỡi cho một binh sĩ giỏi ngựa đi lên mở đường. Còn tôi, tôi vẫn ngồi trên lưng ngựa cùng đại đội trưởng Tăng, con ngựa đi đầu tiên, tôi thấy kiêu hãnh và phần khởi hân lên, vì không như các em tôi vẫn ngồi khoanh trong thùng. Chẳng những ngồi dàng hoàng, hay chân duỗi thẳng, mà còn là người đi đầu để mở đường nữa chứ!

Nhưng vừa mới lên núi, niềm kiêu hãnh và sự phấn chấn của tôi trong chốc lát đã tan thành mây khói. Núi mọc đầy cỏ dại cao hơn đầu người. Đại đội trưởng Tăng và các

ky sĩ đều mặc quần dài, chân đi ủng, còn tôi mặc quần cụt, hai chân phơi trần, bị cở cửa rớm máu không biết bao nhiêu chỗ, đại đội trưởng Tăng lại lo dẫn đường, không hề để tâm đến cái chuyện vất vả như vậy. Tôi đau đến ứa nước mắt nhưng vẫn cắn răng chịu đựng, không hề nửa lời, người cưỡi trên lưng ngựa không được rơi nước mắt.

Xuất phát từ tờ mờ sáng, tuy nghe nói đường lên núi chỉ có bảy dặm, mà sao đi mấy giờ liền vẫn chưa leo đến đỉnh. Trời nóng như đổ lửa, mồ hôi đổ nhễ nhại, quân phục các chú bộ đội ướt đầm. Trên núi đầy đá dăm và gai góc, không có nguồn nước. Nước trong bình tông mọi người đem theo bên mình đều đã uống cạn. Đường núi càng lúc càng gập ghềnh, hiểm trở, có một binh sĩ đã bị ngã vì say nắng... làm xao động cả hàng quân. Lúc bấy giờ, đại đội trưởng Tăng mới hạ lệnh dừng chân nghỉ tạm.

Ông ôm tôi xuống ngựa, mới ngạc nhiên phát hiện những vết thương cào xước hai giò của tôi. Ông lo lắng hỏi:

- Bị cửa rách thế này sao cháu không nói năng gì cả?

Ông không thể hiểu được rằng, trong cơn mê lúc đó, ông chẳng khác nào một vị thần. Tôi làm sao lại có thể rên rỉ bên cạnh "thần" được? Ông gọi y sĩ đến bôi thuốc, rồi lấy bình tông nước đưa tôi uống. Bình tông nước của ông còn đầy ắp, thì ra dọc đường các binh sĩ đều nốc cạn nước chỉ mình ông chưa uống ngụm nào. Tôi uống hai hớp, nghĩ rằng lúc này nước quý hơn tất cả, nên không dám uống nhiều, rồi trả bình tông lại cho ông. Đại đội trưởng Tăng không uống, lại đưa bình tông cho ba, mẹ và hai em trai tôi, mọi người cũng chỉ uống có vài hớp. Ông lại đưa bình tông cho người lính bị say nắng, đến khi bình tông được trả lại thì chẳng còn giọt nước nào!

Đại đội trưởng Tăng, người sĩ quan lạ lùng đó đã để lại trong tôi ấn tượng thật sâu sắc. Sau này những người đàn ông được tôi sùng bái, chính là những mẫu người như đại đội trưởng Tăng. Mãi nhiều năm về sau tôi viết "Sáu Giác Mộng", trong đó có chương "Lưu vong khúc" chính là viết về ông, người đại đội trưởng tuyệt vời này.

Xin trở lại cuộc hành trình đầy gian khổ.

Càng lên cao, núi càng dốc đứng, lại bị những tảng đá lớn chắn ngang phải vừa bò, vừa trèo, ngựa leo càng vất vả. Binh sĩ không ai kêu khó nhưng đã thấm mệt. Đại đội trưởng Tăng đã xuống ngựa, dắt bộ, trên lưng ngựa chỉ còn lại mình tôi và một ít hành lý. Lúc đó, có một công binh vai mang bình khí, bước đi chênh choạng như sắp ngã, đại đội trưởng Tăng lặng lẽ đến bên người lính nọ, đỡ lấy bình khí, ngoái cổ nhìn lại con

ngựa của mình, rồi không hiểu sao ông mang luôn số binh khí đó trên vai.

Xế chiều, chúng tôi đi đến đỉnh núi.

Đứng ở chỗ cao nhất của ngọn núi nhìn xuống, ai nấy đều lặng người giây lát và liền theo đó rộ lên tiếng reo hò vui sướng.

Thì ra, dưới chân núi đã là Quảng Tây. Chỉ có ai từng nhìn thấy "sơn thủy" Quảng Tây, mới hiểu hết ý nghĩa của câu "Quế lâm sơn thủy nhất thiên hạ". Ngọn núi "Đại Phong Áo" với đất liền thực sự là hai thế giới riêng biệt.

Dưới núi, bao la trải dài những tảng đá hình thù quái dị, dựng thẳng đứng, tảng thì sắc nhọn, tảng thì tròn như quả trứng, lô nhô, ẩn hiện trong thảm cỏ xanh rờn, vừa kỳ dị vừa đẹp mắt. Những binh sĩ reo hò không phải vì phong cảnh "nhất thiên hạ", mà là nước! Đã bao ngày không gặp nước! Mọi người đang khát cháy họng. Thì ra, giữa những tảng đá lớn kia là giòng suối ngoằn ngoèo lượn quanh chân núi, tiếng nước róc rách, rì rào như mời gọi mọi người.

Lúc này, cả quân ngũ như lên cơn điên!

Quên hết kỷ luật quân đội, quên hết nhọc nhằn, vất vả, cả đoàn quân vừa hò reo, vừa lao xuống chân núi. Lần đầu tiên đại đội trưởng Tăng không ràng buộc binh lính thuộc quyền của mình, ông để mặc cho họ lăn ào xuống núi, lao vào dòng nước.

Chẳng hiểu sao, tôi cũng lao xuống dòng nước. Ba, mẹ, Kỳ Lân, em bé trai, cả nhà đều ở dưới nước. Chúng tôi tạt nước, té nước, la ré ầm ĩ. Từ khi xa nhà, đây là lần đầu cả nhà cười thỏa thích. Nước sông vừa trong vừa mát, thật dễ chịu, ai nấy đều trầm mình ướt như chuột lột.

Đêm ấy, chúng tôi dựng trại bên dòng suối. Đêm ấy, trời đầy trăng sao, non nước hữu tình. Đêm ấy, tất cả đều rất đẹp, nhưng rồi sau đêm ấy thì sao?

hết: [Chương 11](#)

QUỖNH ĐÀO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 12

Em Trai Mất Tích

Ngày hôm sau, lại bắt đầu hành quân.

Lính của đại đội trưởng Tăng không phải là lính chiến đấu, mà là lính hậu cần, trang bị nặng nề, sức người không lại, người ngựa mệt nhọc qua những con đường gập ghềnh, khúc khuỷu. Mục tiêu hôm ấy là thành Đông An, thuộc biên giới Quảng Tây, nhưng mới đến Bạch Nha một thị trấn nhỏ cách Đông An còn xa thì ai nấy đều mệt rũ rời, phải lê bước một, trời lại tối sầm, mọi người phải mò mẫm mà đi. Thế là, đại đội trưởng Tăng hạ lệnh đóng quân bên ngoài thị trấn.

Để khỏi phiền dân và cũng tránh cho binh sĩ không bị kỷ luật bởi sự cá mỗ vật chất, đại đội trưởng Tăng không cho lính vào nội thành Bạch Nha. Nhớ lại, có một đêm chúng tôi đóng quân trong một thị trấn nhỏ, nửa đêm bị hai phát súng đánh thức, ai nấy tưởng là quân Nhật đuổi theo sát hại. Về sau mới biết đó là hai phát súng do đại đội trưởng Tăng bắn một binh sĩ dưới quyền vì người đó đã bẻ của dân một cây mía, ông phát hiện và bắn ngay tại chỗ. Vì sự việc đó, ba tôi bất mãn sâu sắc, ông kháng nghị với đại đội trưởng Tăng, sao lại coi mạng người rẻ rúng hơn cây mía! Xử phạt như vậy có quá nặng không? Đại đội trưởng Tăng vẫn điềm nhiên nói, nếu không giữ nghiêm kỷ luật, thì binh lính đi đến đâu phá phách đến đó như những đàn châu chấu, sẽ mang lại đại họa cho nhân dân. Thử hỏi bọn Nhật dày xéo nhân dân còn chưa đủ sao, mà lại dung dưỡng cho bộ đội của chúng ta phá phách của dân nữa? Chặt cây mía là việc nhỏ, nhưng đây là kỷ luật, một qui định không được phép vi phạm!

Đại đội trưởng Tăng quả là một con người lạ lùng, hết sức lạ lùng.

Trở lại đêm đóng quân ở Bạch Nha. Chỉ mới loáng các anh nuôi đã nấu xong một nồi cháo vừa nóng vừa thơm, lại mời chúng tôi ăn. Mẹ tôi múc cháo rồi đi gọi các em tôi, nhưng không thấy chúng ở đâu. Mẹ liền gọi to tên từng đứa, nhưng không có đứa nào đáp lại:

- Kỳ Lân ơi, bé ơi! Kỳ Lân ơi, bé ơi! Mẹ càng gào, càng hoảng hốt, cuống cuống. Kỳ Lân ơi, bé ơi! Các con ở đâu? Hai người gánh đồ, người gánh đồ, hai người gánh đồ đâu cả rồi? Các con tôi nữa? Các con ở đâu?...

Ba tôi hoảng loạn, vừa réo gọi, vừa hốt hải chạy tìm khắp nơi nhưng hai em vẫn biệt tăm, đồ lè và người gánh đồ cũng mất dạng.

Cả đoàn quân đều nháo nhác, nghe động, đại đội trưởng Tăng cũng lao tới. Vì đội ngũ hành quân dài quá, hai người gánh đồ thường đi lẫn vào hàng, khi đi trước, lúc tụt sau, đâu phải lúc nào cũng ở trong tầm quan sát của ba mẹ tôi, hơn nữa ba mẹ tôi đã rất tín nhiệm họ, lại có quân đội bảo vệ, không sợ họ làm điều càn quấy. Nhưng bây giờ tất cả, tất cả, từ người gánh, hành lý, đôi thùng là chỗ ngồi của hai em trai tôi đều không thấy nữa!

Ba mẹ tôi như phát điên, đến từng người lính hỏi:

- Có thấy người gánh đồ không? Có thấy các con tôi không?

Đại đội trưởng Tăng lập tức cử hai binh sĩ và toàn đội trinh sát đi lùng sục khắp các ngã đường, nhưng đều về báo là sau khi nhổ trại thì không thấy họ đâu nữa.

Mấy em tôi lạc mất rồi! Ba mẹ tôi như điên như dại.

Đừng có hoảng thế! Hãy bình tĩnh! Đại đội trưởng Tăng trấn tĩnh. Mục tiêu của chúng ta là Đông An nhưng nửa chừng bị dừng lại ở đây, nhất định mấy người ấy đi nhanh đến Đông

An trước, biết đâu họ đang tìm chúng ta ở Đông An! Đừng hốt hoảng, ngày mai chúng ta đi Đông An sớm một chút, bảo đảm sẽ tìm được!

Đại đội trưởng Tăng quả là có sức mạnh lạ thường để trấn an lòng người. Càng nghe, ba mẹ tôi càng thấy có lý, tuy vậy, đứng ngồi không yên, không làm sao chớp mắt được, chỉ mong sao trời mau sáng.

Đêm ấy dài vô tận, ba mẹ và tôi suốt đêm không ngủ, mẹ tôi khóc mãi, cứ trách mình tại sao không trong chừng hai con, còn ba thì không ngớt an ủi mẹ, hai mí mắt cũng đỏ hoe. Tôi nghiêng răng, nín lặng, chỉ mong trời mau sáng! Các em tôi nhất định đang ở

trong thành Đông An, nhất định ở Đông An!

Trông mãi rồi trời cũng sáng, bộ đội nhỏ trại lên đường. Lại đến Đông An.

Vừa vào Đông An, ba mẹ và đại đội trưởng Tăng đều đứng lặng.

Thì ra, Đông An là một thành phố rất lớn, rất đông dân. Nhưng theo chủ trương của trên, thì Đông An được chuẩn bị rút bỏ, cho nên nhân dân trong thành phố được chính phủ sắp đặt cho rút trước toàn bộ. Bây giờ chúng tôi vào thành Đông An không có dân cư, nhà nhà đều đóng cửa. Trong thành toàn là quân đội của chính phủ, các sư đoàn, tiểu đoàn, đại đội đều có. Thành phố trở thành một trại lính lớn. Đã như vậy, biết tìm đâu ra người gánh đồ? Và hai đứa con nít giữa thành phố rộng lớn này.

Đại đội trưởng Tăng cho mấy binh sĩ đi khắp thành Đông An để tìm, nhưng không ai, không một ai tìm thấy người gánh đồ và hai cháu bé.

Ba mẹ tôi đau đớn đến tuyệt vọng. Bình tĩnh vững vàng như đại đội trưởng Tăng cũng đã bắt đầu lo lắng, dao động. Hay là bọn nhỏ còn ở Bạch Nha chăng. Từ núi Đại Phong Áo đến Bạch Nha đều đi đường nhỏ, nếu như người gánh đồ đi đường lớn, hoặc là nghỉ chân giữa đường, thì có thể họ đến Bạch Nha đến Đông An còn có một con đường nào khác, và do vậy có khả năng họ còn nằm ở dọc đường. Đại đội trưởng Tăng vừa giải thích và an ủi chúng tôi xong lập tức cử hai tốp ngựa phân làm hai cánh hướng về Bạch Nha để tìm.

Tốp kỵ binh thứ nhất quay về báo không tìm ra tông tích.

Chúng tôi dồn tất cả hy vọng vào tốp thứ hai. Thời gian chờ đợi hết sức nặng nề. Tốp kỵ binh thứ hai do trung đội trưởng Vương chỉ huy đã quay về báo cáo:

- Chúng tôi không tìm thấy các cháu nhà họ Trần, nhưng lại gặp một toán lính Nhật. Chúng nó bắn chúng tôi, chúng tôi cũng bắn trả rồi quay nhanh về đây báo cáo. Nghe nói, để bảo tồn thực lực kháng chiến, chính phủ không đánh lẻ tẻ, quân đội phải tuân lệnh rút về các nơi. Đông An không phải là chiến trường, nên các cánh quân đang đồn trú tại đây đều gấp rút lên đường hướng về mục tiêu của mình. Cánh quân hậu cần do đại đội trưởng Tăng phụ trách phải bám theo họ.

Khi nhìn các cánh quân đã rút đi gần hết, đại đội trưởng Tăng không thể do dự được nữa. Ông ra lệnh cho bộ đội của mình lên đường, cúi xuống ôm vội tôi lên ngựa, rồi gọi lớn ba mẹ tôi:

- Ông Trần ơi, tuổi còn trẻ, sợ gì không có con? Mạng người là quý, đi nhanh thôi!

Ông vừa nói vừa thúc ngựa đi. Có lẽ ông nghĩ rằng, chỉ cần mang tôi đi, thì ba mẹ tôi đành phải đi theo!

Những ngày ấy, tôi cũng ngồi trên ngựa với đại đội trưởng Tăng, và cũng chính vì cùng đi ngựa theo ông nên tôi không bị mất tích như hai em trai. Chỗ ngồi trên lưng ngựa ông Tăng thì tôi quen quá rồi, không hiểu sao lần này tôi thấy rùng rờ cả người khi nhìn thấy bộ tịch đáng thương của ba mẹ tôi, hai người đứng ngay bên đường đi như hai khúc gỗ, không động đậy. Lòng tôi đau như xé, tôi không sao ngồi vững trên lưng ngựa được. Tôi thét lên:

- Mẹ ơi!

Tôi giẫy giụa nhảy xuống ngựa, trong lúc đại đội trưởng Tăng chưa kịp kéo tôi lại, thì tôi đã tuột khỏi lưng ngựa, quay đầu lại chỉ còn nghe tiếng hí dài của con tuấn mã đang mang đại đội trưởng Tăng vọt nhanh lên trước như một mũi tên bay. Tôi may mắn không bị ngựa đâm chết, thật là lạ!

Tôi lồm cồm bò dậy, lê mình đến bên mẹ.

Mẹ tôi đưa hai tay ôm chặt tôi vào lòng, ba tôi đứng như trời trồng một bên. Ba người cứ đứng vậy như kẻ mất hồn nhìn từng tốp, từng tốp quân chạy vọt qua trước mặt.

Mọi việc xảy ra nhanh quá, đại đội trưởng Tăng đã mất hút, bộ đội đã đi hết, chỉ có đất bụi mịt mù cuốn bay theo gió.

Thành Đông An bẽ thế là vậy, trong bỗng chốc trở nên trống rỗng. Trong thành chỉ còn lại ba chúng tôi. Bốn bề im lìm như chết. Cửa các nhà mở tung, rương hòm quần áo đồ đạc vút bừa bãi trên đường phố. Mỗi lần có gió, gió tung lên trời là cây, giấy vụn và cát bụi mịt mù. Nhưng chúng tôi chẳng còn bụng dạ nào để tâm đến cảnh đó, chúng tôi chỉ nghĩ về hai đứa em trai giờ này không biết lưu lạc phương nào!

hết: [Chương 12](#)

QUYỀNH DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 13

Đâm Đầu Xuống Sông

Tôi không nhớ chúng tôi đã đứng như vậy ở Đông An mất bao lâu, để sau đó lại bắt đầu bước chân lưu lạc. Ba mẹ tôi dắt tay tôi mỗi người mỗi bên như cái xác không hồn ra khỏi thành phố.

Lúc tuột khỏi lưng ngựa, tôi đánh rơi đôi giày, nhưng còn bụng dạ đâu mà nhớ tới giày với dép. Ra khỏi thành, bước trên đường đầy xỉ than và đá cuội, đôi bàn chân trần của tôi bị xót đau đến buốt lưng, nhưng tôi đành cắn răng chịu đựng, không hề kêu than. Nhìn ba mẹ tôi thấy xót xa quá, tuy còn nhỏ dại, nhưng tôi đã hiểu thế nào là nỗi quạnh hiu, đau xót và tuyệt vọng của con người. Ngoài thành có một con sông gọi là sông Đông An, chiếc cầu bắc qua đó cũng gọi là cầu Đông An.

Lên đến giữa cầu, mẹ tôi đột ngột dừng lại, tựa mình bên lan can nhìn chăm chăm xuống dòng nước đang chảy xiết. Chưa kịp hiểu mẹ muốn gì, tôi đã thấy ba tôi nhanh như cắt lao tới, ôm chặt lấy mẹ tôi, nghẹn ngào:

- Dừng! Dừng em!

- Còn đường nào đâu mà dừng mình ơi? Mẹ tôi khóc tức tưởi. Hai đứa con đã mất rồi! Toàn bộ hành lý, áo quần mất cả rồi! Phụng Hoàng đến đôi giày cũng không có. Đại đội trưởng Tăng cũng đi rồi, quân Nhật sắp tràn tới nơi rồi. Con mất rồi, lòng tôi thực sự đã chết, giặc Nhật đuổi kịp đảng nào chúng ta cũng chết, nhưng lại là cái chết nhơ nhớp trong tay giặc Nhật, chi bằng chết đảng hoàng chính trong vòng tay của chúng ta!

Ba tôi nhìn trời thở dài.

- Được, thì chết! Ba người cùng chết chung vậy!

Mẹ tôi quỳ xuống, nói với tôi:

- Phụng Hoàng ơi, con có muốn chết chung với ba mẹ không con?

Lúc đó, tôi mới có sáu tuổi, chưa hiểu hết ý nghĩa thật sự của cái chết, tôi đi theo ba mẹ, ba mẹ muốn chết, lý nào tôi lại làm khác. Tôi chỉ cảm thấy xốn xang, nước mắt ràn rụa, tôi nhớ Kỳ Lân, nhớ em trai, tôi biết chúng nó đã mất, cả nhà không thể nào gặp lại.

Tôi trả lời mẹ:

- Con muốn!

Nói xong, tôi khóc.

Mẹ tôi cũng khóc.

Ba tôi cũng khóc.

Chúng tôi vừa khóc, vừa đi xuống cầu, đến chỗ lùm cỏ bên bờ, tôi thấy ba tôi chăm chú nhìn mẹ, tôi, rồi ôm nhau hôn thắm thiết, sau đó hai người chọn một chỗ dốc bên bờ cùng lao xuống sông.

Nước sông có lẽ không sâu lắm, vì tôi thấy ba cứ chìm đầu mẹ xuống nước, tôi không hiểu sao ba tôi lại làm như thế. Mẹ tôi không cự quây nữa, ba tôi cũng không cự quây nữa, nước sông không nhận chìm ba mẹ được, nhưng ba mẹ cũng đã nằm yên rồi.

Tôi bắt đầu sốt ruột, tôi không biết ba tôi đã chết chưa, tôi đã nói là muốn chết, mà chết là phải thôi, nhưng tôi không biết cách chết như thế nào. Ba mẹ nói muốn chết thế là ôm nhau lao xuống sông, thì ra, muốn chết là phải xuống sông.

Do đó, tôi lần từng bước đi xuống sông. Nước chảy rất xiết, người tôi cứ lắc lư, lao đảo nhưng tôi cũng không biết tại sao lại còn giữ được thăng bằng. Nước sông dần dần ngập giò, ngay lưng quần, và khi nước lụt qua bụng, tôi không sao đứng được nữa, liền ngồi xuống. Vừa mới ngồi, nước sông liền ngập đến cổ, tôi hốt hoảng, kinh sợ vô cùng, bản năng buộc tôi khóc, vừa khóc vừa kêu:

- Mẹ ơi! Ba ơi! Mẹ ơi! Ba ơi!...

Trong nước mắt mờ màng, tôi như mộng tưởng thấy mẹ tôi đang động đậy, rồi lại cảm thấy tay mẹ tôi mò lấy chân tôi dưới đáy nước.

Thì ra, mẹ tôi chưa chết, chỉ mới bị nước nhấn chìm, thoi thóp, rồi như bị tiếng khóc thét xé lòng của tôi làm cho tỉnh lại. Bản năng người mẹ bảo vệ con, tay mẹ sờ mó dưới đáy nước, may mắn với được chân tôi. Tức khắc, mẹ tôi tỉnh dậy, tỉnh dậy thực sự.

Tôi thấy mẹ tôi giãy giụa, và chồm dậy khỏi mặt nước, vội kéo ba tôi. Ba tôi cũng không chết, nên lồm cồm ngồi dậy rồi nhìn mẹ tôi trần trối. Mẹ khóc òa lên, nói nghẹn ngào:

- Không thể chết được! Chúng mình chết thì Phụng Hoàng làm sao?

Câu nói làm tôi càng khóc dữ. Rồi ba người ôm chầm lấy nhau, khóc nức nở, hết khóc, ba mẹ quyết định không chết nữa.

Ba người lóp ngóp bò lên bờ, đứng vào thời khắc ngày hôm ấy, nắng lên rất đẹp. Chúng tôi bị ướt sũng nước, nước chảy ròng ròng từ đầu đến áo quần. Bây giờ ngoài quần áo ướt ra, ba người chẳng có một thứ gì trên tay. Từ khi xa quê hương đến giờ, đây là lần đầu tiên chúng tôi chỉ có hai bàn tay trắng. Đúng là chúng tôi rửa trắng tay từ trong nước. Dưới nắng chói chang, chúng tôi bước vội về phía trước. Vì tôi không có giày, ba tôi thương lắm, thường cõng tôi lên lưng. Tình cảm nồng nàn như lúc đó thật hiếm có đối với tôi, nhất là khi hai đứa em trai thân yêu không còn nữa!

Ba mẹ tôi lặng lẽ bước đi, dáng vẻ trầm lặng nhưng lại thanh thản bởi ba mẹ tôi thật sự chẳng còn chút gánh nặng nào, chẳng còn biết ngại ngùng, sợ hãi là gì. Bất chấp tất cả (sự thực thì, rất nhiều năm sau này, ba mẹ tôi hay nhắc lại cái lần chết đi sống lại đó, coi đó là gợn sóng bất chợt trong biển đời bao la, hình như sự sống và cái chết, cái được và cái mất đều do trời định sẵn tất cả)

Chúng tôi sống lại như vậy đó.

hết: [Chương 13](#)

QUYỀN DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 14

Người Thôn Trưởng Già

Nhà năm người giờ chỉ còn ba. Cổ họng tôi như nghẹn lại, không dám khóc, chỉ sợ hễ khóc là ba mẹ tôi lại chết.

Cuộc hành trình đầy kinh hoàng, có lúc tưởng chừng như ngàn cân treo sợi tóc, dù sao cũng qua đi, nhưng trong cảnh đồng sanh đồng tử của cả gia đình trọn vẹn. Bây giờ, mất hai đứa em trai, cái gì cũng khác. Kỳ Lân thì ưa quậy, em nhỏ thì tinh nghịch, không có chúng nó đi cùng, suốt dọc đường đâm buồn tẻ, buồn tẻ đến phát khóc lên được.

Chúng tôi nuốt nước mắt, thờ thần bước đi, lạ một điều là chẳng gặp một ai trên đường, cả tốp lính Nhật mà trung đội trưởng Vương tao ngộ kia cũng chẳng thấy đuổi theo.

Ngoại thành Đông An phong cảnh tuyệt vời, có chim hót líu lo, có cỏ hoa đưa hương ngan ngát, đúng là cuộc sống yên bình của một vùng quê. Nào có ai ngờ đằng sau vẻ yên bình ấy ẩn chứa bao cơn mưa đập gió vùi, mẹ con ly biệt! Chúng tôi bước đi trong nỗi niềm càng thương nhớ khôn cùng các em tôi, lại càng cảm hờn sâu sắc lũ giặc Nhật.

Thường ngày trước đây tôi hay cãi vã và đánh lộn với các em để giành quyền nam nữ bình đẳng (người Hồ Nam rất trọng nam khinh nữ). Bây giờ, tôi toàn nghĩ tốt về các em. Tôi thề rằng nếu gặp lại được các em trên đời này, tôi sẽ mãi mãi nhường nhịn, thương yêu, chớ che

chúng nó... Nhưng trong thời buổi loạn ly này, một khi đã xa nhau thì biết đến bao giờ mới gặp lại? Không biết chúng nó còn sống hay đã chết, lưu lạc nơi nào?

Suốt ngày hôm ấy, chúng tôi đi, đi mãi. Mẹ tôi có lúc đột ngột dừng chân lại, khe khẽ gọi tên các con, thế là tôi và ba tôi cùng dừng lại, ba người chụm lại ôm nhau khóc.

Khóc xong, lại lê bước về phía trước. Trong đời tôi, chưa có ngày nào thê lương ảm đạm như hôm ấy. Ngoại thành mà hoang vắng quá, không một mái nhà còn sót lại, quốc quân đã rút hết, giặc Nhật chưa xuất hiện, cả thế giới này hầu như chỉ còn lại có ba người!

Chúng tôi đi qua một cây cầu gỗ nhỏ, một quả núi hoang sơ, thì hoàng hôn ập đến.

Hình như nghe thoáng trong gió, có tiếng gà kêu, chó sủa, có lẽ chúng tôi đang đi vào thế giới của loài người. Rảo bước đi tới, chúng tôi nhận ra một ngôi làng khá lớn.

Làng này nhà liền nhà như một thị trấn nhỏ, (rất tiếc là tôi quên tên cái làng ấy). Ở cổng chính đi vào làng, có mấy thanh niên vạm vỡ đang đứng gác. Đi suốt ngày đường xa, vừa mệt vừa đói, lại thêm dọc đường không gặp một bóng người, giờ đây, nhìn thấy đồng bào mình, lòng chúng tôi nao nao sung sướng, muốn ôm chầm lấy từng người một. Chúng tôi đánh bạo đi vào, ai ngờ, mới bước gần tới cổng, những thanh niên đứng gác kia bỗng rút súng lục giơ lên, hô lớn:

- Đứng yên, kiểm tra!

Chúng tôi kinh ngạc đứng sững lại. Ba tôi đau khổ nhìn trời than van thở dài, đáp một thôi một hồi:

- Dạ! Dạ! Dạ! Suốt đường đi chúng tôi đã nghe giặc Nhật nói hai tiếng ấy, bây giờ lại còn bị người Trung Quốc cũng nói hai tiếng ấy. Chỉ vì không cam tâm làm người dân trong vùng giặc chiếm nên mới ra đi để chịu cảnh cha mẹ chia lìa con cái. Kiểm tra ư! Chúng tôi có còn gì nữa đâu để mà kiểm tra!

Ba tôi nói lên mấy câu đầy xót xa, xúc động. Vừa nói xong, một cụ già tóc bạc phơ, dáng hiền lành, từ sau đám thanh niên bước ra, nói với ba tôi thật thân thiết:

- Xin lỗi, chúng tôi tập hợp thanh niên trai tráng trong làng lại, chuẩn bị liều một phen với giặc Nhật. Kiểm tra người qua đường là để đề phòng bọn Hán gian cải trang vào dò la tin tức. Lão nghe mấy câu của anh, biết anh không phải là người lánh nạn binh thường. Tôi là thôn trưởng ở đây, nếu anh không từ chối, mời vào trong dùng cơm, chúng tôi còn nhiều phòng trống có thể đón cả nhà anh nghỉ qua đêm!

Thái độ chân thành và lịch thiệp của thôn trưởng, khiến ba tôi tin cậy và có cảm tình ngay với ông. Đêm hôm ấy, chúng tôi đến nhà vị thôn trưởng già được ông mổ gà, giết vịt chiêu đãi chúng tôi một bữa thịnh soạn. Trong bữa ăn, ông hỏi lai lịch chúng tôi và tình cảnh chạy loạn, ba tôi nghẹn ngào kể lại đầu đuôi cảnh ngộ đã gặp trên đường.

Người thôn trưởng già nghe rơi cả nước mắt. Sau cùng, ông đột ngột nói với ba tôi:

- Ông Trần, ông muốn đi hậu phương cố nhiên là tốt thôi, nhưng ông có suy nghĩ gì đối với người dân sống trong vùng tạm chiếm không?

Ba không hiểu hết ý. Người thôn trưởng già xúc động nói tiếp:

- Ông Trần, ông xem đó. Chiến tranh Trung - Nhật đánh nhau đã bảy năm, còn đánh bao lâu nữa, ai mà biết được. Quân Nhật đã đánh vào Đông An thì việc chúng đánh đến làng chúng tôi là điều khó tránh, sớm muộn gì làng này cũng bị chiếm như những thành phố, thị trấn khác ở Hồ Nam. Tôi đã tính toán kỹ rồi....

Đến lúc này, ông đã thu hút được sự chú ý của ba tôi, ông nói thẳng thắn:

- Tôi đã bàn với các làng kế cận, cùng nhau tổ chức thanh thiếu niên thành đội du kích để đánh quân Nhật đến cùng. Người già yếu và phụ nữ sơ tán vào trong núi sau, chúng tôi đã bố trí đâu đó xong xuôi cả rồi. Hễ giặc Nhật đến, thì cả làng vào núi để khỏi bị giặc Nhật tàn sát. Núi sâu hiểm trở, lại có đội du kích bảo vệ, nhất định dân làng không thể rơi vào tay giặc Nhật được. Nhưng ông Trần này, điều làm tôi băn khoăn nhất là trẻ con trong làng cần phải được giáo dục, nếu như kháng chiến còn kéo dài, tám năm, mười năm, thì ai là người dạy cho con cháu chúng ta? Ai là người sẽ dạy văn hóa và lịch sử Trung Quốc cho chúng? Ai sẽ vun bồi ý thức dân tộc cho chúng? Ông Trần, ông là một nhà giáo dục lẽ nào ông không nghĩ tới vấn đề này?

Ba nhìn người thôn trưởng già, với lòng xúc động và cảm phục. Ông chồm tới vỗ vai ba tôi, giọng nói của ông tha thiết, nhiệt tình.

- Ông Trần, ông ở lại đây với chúng tôi. Chúng tôi cần ông! Ông nghĩ xem, đi Tứ Xuyên đường dài dằng dặc, lại hết sức nguy hiểm, chỉ bằng ông ở lại đây dạy bọn trẻ, là lớp người của ngày mai, đừng để chúng nó làm vong quốc nô!

Người thôn trưởng già nói rất có lý, nhưng ba cũng có lý của ba.

- Để thoát khỏi vùng tạm chiếm, tôi phải trả cái giá quá đắt, lẽ nào lại bỏ dở nửa đường thì còn ra gì! Không được đâu! Tôi phải đi thôi!

- Ở lại mà! Thôn trưởng già xúc động nói: Ở lại có ý nghĩa hơn là đi!

- Không được đâu. Tôi thấy đi có ý nghĩa hơn là ở lại!

Đêm ấy, tôi ngủ rất sớm, vì đã thấm mệt. Nhưng tôi vẫn mơ màng nghe thấy thôn trưởng già và ba tôi còn mãi tranh luận, đến tận đêm khuya...

Sáng ra, khi thôn trưởng già buồn bã tiễn chân chúng tôi ra khỏi làng, tôi mới biết ba tôi vẫn không thay đổi mục tiêu của mình. Ba và thôn trưởng già lưu luyến chia tay

nhau, ông tặng chúng tôi một ít quà, còn vợ ông thì cho tôi một đôi giày, nguyên là giày bó chân của bà. Vì đi không vừa nên sau đó, tôi đành vứt đôi giày đó. Tôi còn nhớ như in mái tóc bạc phơ và đức tính chân thành khảng khái của ông. Sau này lớn lên, tôi thường nghĩ, ở một làng nhỏ bé như vậy lại có một cụ già yêu nước và sáng suốt đến vậy, đó mới là sức mạnh vĩ đại và bất hủ của dân tộc Trung Hoa!

Tôi ghi lại đoạn văn này về người thôn trưởng già, bởi lẽ ông ta có ảnh hưởng cực kỳ to lớn đến số phận sau này của chúng tôi. Biết đâu, lúc nào đó, cũng chính ông đã góp phần quyết định tương lai của chúng tôi đấy!

Sau khi chia tay người thôn trưởng già, chúng tôi tiếp tục hành trình, qua đèo lội suối, đứng trưa, chúng tôi đến một làng khác, người ở khá đông đúc. Vừa đến rìa làng, chúng tôi đã thấy một nam thanh niên trạc ngoài ba mươi tuổi, trông đáng vẻ như đang đứng chờ ai đó. Vừa chạm mặt, anh ta bước tới, chào ba tôi rất lễ phép:

- Xin hỏi, ông có phải là ông Trần không?

Ba tôi ngạc nhiên đến mức giật nảy người. Ở cái làng nhỏ xa lạ nơi đất Quảng Tây này, sao lại có người nhận ra mình mà còn chờ sẵn? Anh thanh niên nọ vui vẻ, cười nói rất tự nhiên:

- Ba tôi chính là ông thôn trưởng ở cái làng mà thầy đã nghỉ lại đêm qua, ba tôi cử người đi suốt đêm đem thư cho tôi, dẫn tôi ra ngoài đầu làng đón tiếp thầy. Làm sao cũng mời thầy ở lại bằng được vì con em của chúng ta!

Thì ra con trai của ông thôn trưởng mở cửa hàng tạp hóa ở cái làng này, tuy ông bỏ tha chúng tôi đi, nhưng lại viết thư nhờ người đem cho con trai để bằng mọi cách giữ chúng tôi ở lại. Ba mẹ tôi cảm động vô cùng, cảm động đến mức không nói được lời nào. Thế là chúng tôi theo chú thanh niên vào nhà.

Ở gia đình chú, chúng tôi được khoản đãi như khách quý, chú cũng có một đứa con gái ngang tuổi với tôi, nên rất mến tôi, sắm sửa cho tôi áo quần, dày dép mới. Người thanh niên nói luôn miệng với ba tôi:

- Ba tôi nói, không giữ được thầy là điều bất hạnh cho cả làng chúng tôi!

Ba mẹ nhìn nhau hồi lâu, không nói câu nào. Đột nhiên ba đập mạnh tay xuống bàn, nói như dao chém thớt:

- Được rồi! Các anh đã thuyết phục được tôi! Chúng tôi đồng ý ở lại! Không đi nữa!

Thế là chúng tôi lưu lại cái làng mà đến giờ tôi không còn nhớ tên nó là gì.

Sự việc này cũng buộc chúng tôi phải viết lại trang sử gia đình. Giả dụ chúng tôi ở lại luôn, không biết rồi sự việc sẽ đi đến đâu? Giả dụ như dứt khoát ra đi, thì sự việc sẽ như thế nào. Rốt cuộc, chúng tôi ở lại, nhưng chẳng được lâu, chỉ ở vên vện ba ngày! Tại sao chỉ ở vên vện có ba ngày? Tôi cũng không hiểu rõ. Chỉ biết rằng, sau ba ngày đó, ba tôi lại nóng lòng, lại nung nấu quyết tâm tiếp tục cuộc hành trình, không muốn ở lại nữa, không muốn bỏ cuộc giữa đường. Dẫu rằng con trai ông thôn trưởng già ra sức giữ lại, nhưng đến tinh mơ ngày thứ tư, chúng tôi rời làng nọ, tiếp tục lên đường. Ba ngày lưu lại chẳng là định mệnh đã an bài? Nào ai biết được?

hết: [Chương 14](#)

QUYỀN DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 15

Xe Lửa Chở Dân Lánh Nạn

Tôi không rõ bây giờ có ai còn nhớ tới cảnh xe lửa chở dân bị nạn trong thời kháng chiến. Và qua cảnh đó rút ra được những kinh nghiệm gì.

Sau khi chúng tôi rời khỏi làng nọ, leo qua một ngọn núi không tên, thì trong thấy xe lửa chở dân bị nạn chạy về hướng Quế Lâm. Thoạt nghe tiếng còi hú liên hồi, rồi lần đầu thấy cơ

man là người, trong toa xe, trên trần xe, dưới gầm xe, người chồng lên người, chen chúc nhau... chúng tôi sung sướng reo lên. Có xe lửa, chúng tôi không phải đi bộ nữa! Có xe lửa, chúng tôi an toàn rồi! Có xe lửa, chúng tôi sẽ đi xe một lèo về tận Tứ Xuyên! Thế là chúng tôi trèo lên trần xe, chen vào trong đoàn người.

Trong ký ức tôi, xe lửa của dân lánh nạn này được phân chia làm ba đẳng cấp: Thượng đẳng, trung đẳng và hạ đẳng. Thượng đẳng là ngồi trên trần xe, ngồi đó, dẫu có gió thổi, mưa sa, nắng gắt, bạn đều được hưởng trọn. Ban ngày, nắng chiếu như đổ lửa, ban đêm, sương giá và gió lùa tê cóng. Gặp phải ngày trời mưa thì không tả sao cho hết ý. Trung đẳng là ngồi trong toa, được bao vệ chắc chắn, không bị phiền toái bởi cảnh gió lùa, nắng thiêu, mưa xối, hẳn là thoải mái. Nào ngờ, người trong toa bị lèn như cá mắm, trai gái, già trẻ, lớn bé đều dồn một đồng, người nọ tựa người kia, đứng mà ngủ, có điều chẳng sợ ngã. Các cháu bé thì tiểu tiện tại chỗ, mùi mồ hôi, mùi phân và nước tiểu, mùi hôi hám của thức ăn thừa xông lên ngạt mũi, nghe đã muốn phát bệnh. Lại thêm trong xe còn có tiếng rên rỉ bất kỳ tận của thương binh và người ốm, nghe đến não ruột. Hạ đẳng là nơi không thể tưởng tượng nổi, đến bây giờ nhớ lại, tôi còn lạnh xương sống. Dưới

gầm xe, bên trên những bánh xe có hai thanh sắt dài, người dân lánh nạn gác ván lên rồi nằm lên đó mặt mũi như dính vào đáy toa xe. Bên người là những bánh xe quay tít chạm vào đường rầy kêu ken két. Sơ ý chút là lăn xuống đường rầy, bánh xe sẽ nghiền ra trăm mảnh.

Đây, xe lửa của người dân lánh nạn là thế.

Tôi và ba mẹ coi như gặp vận may. Chúng tôi tìm được một chỗ trên tầng thượng đẳng. Tôi tưởng trong ba đẳng cấp ấy, thì thượng đẳng là hên hơn cả. Nhưng, người chọn ngồi ở nóc xe ít hơn chọn ngồi trong toa xe nhiều. Bởi lẽ, ngồi trên nóc xe chẳng an toàn chút nào, chỉ cần một nhánh cây nhô ra, là đủ gạt anh rơi xuống đất, dây điện có thể chạm vào anh bất cứ lúc nào, nhờ ngủ gật cũng có thể ngã lăn khỏi xe. Mọi động tác đều nhất nhất phải cẩn thận, không di động đi đâu được.

Ngồi ở thượng đẳng tưởng đã chấm dứt đoạn đường đi bộ đầy khổ ải, nào ngờ, lên xe rồi mới thấy mình mừng quá sớm. Chưa nói chuyện ngồi ở trần xe chịu bao điều hạn chế và khủng khiếp, chỉ riêng chuyện thở hít khói than phun lên từng luồng cũng đủ làm cho người ta chết ngạt. Xe chạy chưa được bao lâu, mặt mày đã đen thui đen thui. Rồi từng chạng từng chạng lại nghe tiếng kêu khóc thảm thiết vì một tai nạn bất chợt ập đến. Trong thời chiến tranh ly loạn, mạng sống của con người sao mà mỏng manh, rẻ rúng làm vậy.

Chẳng mấy chốc chúng tôi lại phát hiện thêm một điều mới, chiếc xe chở dân chạy nạn không phải đậu theo ga, mà đậu rất tùy tiện, thích đi thì đi, thích dừng thì dừng, dừng bao lâu cũng được. Do xe thiếu nhiên liệu, nên lúc dừng có thể dừng mấy tiếng đồng hồ liền, có khi cất bỏ cả mấy toa không chừng, cả ban ngày, ban đêm, cả hừng sáng, hoàng hôn... ngày lại qua ngày.

Chúng tôi ngồi vậy nhớ đến các em, nghĩ về ngày mai, nghĩ tới thành phố Quế Lâm mà chúng tôi ao ước được chóng đến. Mẹ tôi thường thở ra, tôi đưa tay ôm chặt lấy mẹ, ba lại đưa tay ôm vòng chặt mẹ con tôi. Ba mẹ và tôi đều hiểu rằng chúng tôi không thể nào xa nhau được. Chỉ trong mấy ngày đáp xe lửa của dân lánh nạn, hễ xuống xe là ba người cùng xuống, lên xe là ba người cùng trèo lên, sợ nhất là xe chạy bất thành linh, chúng tôi lại chia lìa nhau.

Chiếc xe lửa của dân lánh nạn khốn khổ ấy càng chạy càng chậm, càng dừng càng lâu, lâu đến nỗi chúng tôi ngỡ đi bộ cũng đã đến Quế Lâm từ lúc nào rồi. Tốc độ xe chạy

chậm hơn đi

bộ thật, nhưng vết thương trên chân mẹ chưa lành, còn chân tôi thì đau nhừ, ngồi xe dù sao vẫn hơn đi bộ, nên chúng tôi vẫn bám riết chiếc xe ấy đến cùng

Cứ như vậy, chúng tôi lại gặp một chuyện hết sức bất ngờ!

Sáng tinh mơ hôm ấy, xe dừng. Như thường lệ, đã dừng là có thể không chạy nữa. Sau khi dừng hơn một tiếng đồng hồ, tôi xuống xe đi đi lại lại, vì hai chân tê dại. Ba mẹ dìu tôi xuống xe, sợ xe nói chạy là chạy, nên chúng tôi chỉ đi men theo toa xe, tôi tới lui lui cạnh đường rầy cho thư giãn gân cốt. Đúng lúc ấy, bỗng có tiếng ai gọi lớn:

- Ông Trần! Ông Trần! Ông Trần ơi!

Chúng tôi nhìn lên nóc toa nơi phát ra tiếng gọi, thấy một người lính đang vẫy tay, vẫy mãi về phía ba tôi, kêu lớn. Chúng tôi chạy đến, đó là một thương binh nhẹ, trông quen quen. Người lính nói như hét vào tai chúng tôi:

- Ông Trần! Tôi là lính của đại đội trưởng Tăng đây! Ông đi tìm đại đội trưởng của chúng tôi nhanh lên, hai đứa con trai cùng nhà ông, đại đội trưởng chúng tôi tìm được rồi!

Thật không tin vào lỗ tai, không tin vào thánh giác của mình nữa rồi! Ba mẹ tôi ngơ ngác, đứng ngây như phỗng. Rồi đột ngột chạy thục mạng, chạy như điên về phía người lính, mừng mừng, tủi tủi, hỏi líu cả lưỡi:

- Có thật không anh, anh có tận mắt thấy không? Chúng nó có mạnh khỏe không? Đại đội trưởng Tăng của anh bây giờ đang ở đâu?

- Đại đội trưởng ở Quế Lâm! Hôm nay ông ấy mới đi Quế Lâm! Ông bà nhanh đến Quế Lâm tìm ngay ông ấy. Các cháu khỏe lắm! Chính mắt tôi trong thấy rồi! Đi Quế Lâm nhanh lên! Nhanh lên!

Quế Lâm! Ôi! Quế Lâm! Ba mẹ thoáng nhìn nhau, rồi nhìn xe lửa chở người lính nạn đang đứng yên tại chỗ. Rồi chẳng hẹn, cả ba mẹ đều chấp hai tay, hướng về phía anh lính:

- Cảm ơn! Cảm ơn! Rất cảm ơn anh!

Tiếp đó, ba mẹ quyết định mọi người một bên, dắt tay tôi, rào bước nhanh theo đường sắt, đi một mạch về Quế Lâm.

hết: [Chương 15](#)

QUỖNH ĐẠO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 16

Tìm Được Em Rồi

Quế Lâm! Quế Lâm! Quế Lâm!

Tôi nghĩ, ba mẹ và tôi chưa bao giờ chạy thực mạng như lần ấy, chạy đến nỗi thở không ra hơi mới chịu dừng lại vài phút rồi lại tiếp tục chạy nữa. Cứ thế, chúng tôi chạy liên mấy tiếng đồng hồ.

Chạy từ sáng sớm đến mãi trưa, chúng tôi đến được thành phố Quế Lâm trong khi chiếc xe lửa chở người lánh nạn vẫn chưa đến.

Đến được Quế Lâm, có trời mới biết chúng tôi sốt ruột, sung sướng, lo âu đến dường nào! Vừa vào cổng thành, chúng tôi đứng thù người!

Cũng giống như thành Đông An ngày ấy, khắp Quế Lâm đều có quân đội đồn trú, lính đóng bên đường, lính trong nhà dân, không tìm ra một ai là dân, chỉ thấy khắp thành phố toàn là lính. Quế Lâm lớn hơn Đông An nhiều. Trong một thành phố lớn thế này, có tới hàng ngàn hàng vạn lính, làm sao tìm ra đại đội trưởng Tăng bây giờ? Ba tôi sốt ruột quá, gặp vị sĩ quan nào cũng hỏi:

- Xin hỏi thăm, ông có biết ông Tăng Bưu, đại đội trưởng đại đội hậu cần trung đoàn 27 đóng quân ở đâu không?

- Không rõ!

- Không biết! Không biết! Không biết! Không ai biết cả!

Ba càng hỏi càng quỳnh, nguồn tin này rõ ràng là có chỗ ngờ ngợ, có thật là đại đội trưởng Tăng có mặt ở thành phố Quế Lâm không? Ba tôi đi sục khắp phố, gặp ai cũng hỏi:

- Ông có biết đại đội trưởng Tăng không?

- Ông có biết đại đội trưởng đại đội hầu cận trung đoàn 27 không?

Một sĩ quan chặn ba tôi lại:

- Nhân dân tại sao hỏi dò quân đội? Ông ta hoài nghi gắng hỏi ba tôi: Ông là ai?

Ba tôi hốt hoảng định giải thích, may sao, đang lúc đó có tiếng gọi lớn, chất giọng quen thuộc:

- Ông Trần ơi! Ông Trần! Ông Trần ơi!

Chúng tôi ngẩng đầu nhìn, người đang bước vội về phía chúng tôi không ai khác, đúng là đại đội trưởng Tăng Bưu! Ba tôi mừng quýnh thốt lên:

- Đại đội trưởng Tăng!

Hai người lao tới ôm chầm lấy nhau, nước mắt ba tôi ràn rụa. Đại đội trưởng Tăng nói dồn:

- Hay lắm! Hay lắm! Thế này thì hay lắm! Tôi đang chuẩn bị chiều nay đem gửi hai đứa con anh chị về quê tôi, giao cho bà xã tôi trông nom. Nếu như anh chị đến chậm một ngày, thì anh chị không gặp hai cháu bé rồi!

- Chúng nó mạnh giỏi không? Mẹ tôi sụt sùi, hỏi.

- Làm sao mà anh tìm được chúng nó? Chúng nó không bị thương chứ? Ba hỏi rồi rít.

- Hai thằng nhóc vừa khỏe vừa chắc! Đại đội trưởng Tăng cười: Tìm bằng cách nào à? Chuyện thì dài lắm! Chúng tôi cứ tưởng hai người gánh đồ tụt lại sau, nào ngờ họ ra thành

Đông An sớm hơn, rồi đi về phía trước. Khi hai người gánh đồ nọ đã đoán chắc là lạc đơn vị, họ liền dờ trò quái ác, bần nhau bỏ hai cháu bé lại, bên một con đường nhỏ! Cũng may mắn là, khi ra khỏi thành Đông An, tôi lại chọn đi con đường nhỏ này, trung đội trưởng Vương nghe có tiếng trẻ con khóc, tỏa ra đi tìm, thì thấy hai cháu bé đang bò trên miệng một cái giếng hoang khóc lóc thảm thiết! Chúng trách ba mẹ không cần chúng nó nữa!

Mẹ tôi muốn cười nhưng lại khóc, con ba thì nước mắt đầm đìa. Đại đội trưởng Tăng đưa chúng tôi đến chỗ đóng quân vừa đi vừa kể:

- Tôi đã cử hai người về Đông An tìm anh chị, nhưng không gặp. Tôi nghĩ bụng, chiến tranh rồi sẽ có ngày kết thúc, đến ngày đó, chúng tôi sẽ đăng tin lên các báo ở Tứ Xuyên, Hồ Nam tìm anh chị, giao lại cho anh chị, nếu như không tìm được, thì hai đứa

nhỏ đó coi như con của tôi vậy!

Thật không lời nào tả hết sự cảm kích của chúng tôi đối với đại đội trưởng Tăng. Khi ấy, tuy còn nhỏ tuổi, nhưng tôi đã sớm nhận ra lòng biết ơn và sự xúc động mạnh liệt, sâu sắc của ba mẹ tôi đối với người đại đội trưởng tuyệt vời này.

Thế là, chúng tôi gặp lại hai đứa em trai đã thất lạc bao ngày, trong ngôi nhà mái bằng nho nhỏ ấy!

Em trai nhỏ vừa nhìn thấy mẹ, liền bò nhào tới ôm chặt lấy mẹ tôi, vùi đầu vào lòng mẹ, khóc tức tưởi. Kỳ lân cầm một súng lục bằng nhựa (chắc là của đại đội trưởng Tăng tặng cho nó) meo meo khóc, khi gặp chúng tôi. Nó vừa khóc, vừa giương súng, nhắm chúng tôi:

- Bằng bằng bằng! Bắn ba mẹ, ba mẹ hư lắm, tại sao ba mẹ không cần chúng con?

Ba tôi chạy lại, ôm chặt nó vào lòng, rồi như nó cũng khóc. Tôi chạy lại, ôm em cũng khóc theo.

Cả nhà chúng tôi ôm chầm lấy nhau, khóc cạn khô nước mắt, chính trong giây phút ấy, tôi mới hiểu hết ý nghĩa thế nào là cười ra nước mắt, là buồn vui lẫn lộn!

Chúng tôi khóc một hơi lâu, rồi ba mẹ kéo ba chị em tôi đến quỳ trước mặt đại đội trưởng Tăng. Đây cũng là lần đầu tôi thấy ba mẹ tôi thành tâm thành ý quỳ xuống trước mặt vị ân nhân của mình.

Chúng tôi và các em xa nhau vừa đúng bảy ngày. Trong chiến tranh ly loạn, chia lìa bảy ngày rồi gặp lại quả là chuyện lạ lùng, chẳng khác nào thần thoại, một câu chuyện khó tin! Sau đó, nói chuyện với đại đội trưởng Tăng, chúng tôi mới biết ngày hôm ấy ông mới tới Quế Lâm, nếu như chúng tôi đến Quế Lâm sớm hơn một ngày thì không gặp, còn như đến chậm một ngày thì các em đã bị đưa đến một nơi xa tít tắp rồi!

Ai đã sắp đặt cho tôi và ba mẹ gặp người thôn trưởng già nhân hậu và rồi, ai đã sắp xếp cho chúng tôi chỉ ở lại cái làng không biết tên là gì ấy chỉ có ba hôm? Tại sao lại ba hôm mà không là bốn hôm? Ai đã bảo tôi, phải khóc thảm thiết làm ba mẹ từng lòng sông của tử thần bỏ dẫy trở về với cuộc sống? Ai đã bày chúng tôi đắp chiếc xe lửa chở đầy những người đi lánh nạn? Và gặp rất đúng lúc người lính dưới quyền của đại đội trưởng Tăng? Chuyện đời, sai một ly đi một dặm! Từ đó, tuy là kẻ vô thần nhưng tôi lại tin vào hai chữ "số mệnh"! Câu chuyện của tôi và các em tôi xảy ra, tôi chỉ nói được một điều là số mệnh thật diệu kỳ.

Cũng vì vậy mà tôi thường nói, chuyện đời người do bao nhiêu cái ngẫu nhiên tạo thành, bạn có tin như vậy không?

hết: [Chương 16](#)

QUYỀN DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 17

Xin Tạm Biệt, Đại Đội Trưởng Tăng

Sau khi gặp lại các em tại thành phố Quế Lâm, chúng tôi lưu lại chẳng bao lâu. Ngọn lửa chiến tranh đã bao phủ miền đất nước, quân đội đóng đầy thành phố Quế Lâm, còn quân Nhật thì bao vây tứ phía, sớm muộn gì, Quế Lâm cũng thành bãi chiến trường đầm máu.

Mấy hôm ấy, ba mẹ và đại đội trưởng Tăng nói với nhau bao nhiêu là chuyện, còn tôi, hai em đều quỳ lạy trước mặt đại đội trưởng Tăng, chính thức nhận ông làm cha đỡ đầu. Lẽ ra, gặp đại đội trưởng Tăng, chúng tôi được cùng đi như trước và được đại đội trưởng chở che. Nào ngờ đại đội trưởng Tăng đã nhận mệnh lệnh "tử thủ Quế Lâm". Hai chữ tử thủ cũng có nghĩa là cùng sống chết với Quế Lâm. Đại đội trưởng Tăng vừa bố trí đội ngũ của mình, vừa sắp đặt đường đi nước bước cho cả nhà chúng tôi. Ông nói với chúng tôi đầy vẻ tự tin và hy vọng:

- Anh chị về hậu phương trước, chúng tôi đuổi xong giặc Nhật, thắng lợi rồi chúng ta sẽ đoàn tụ! Lúc đó chúng ta sẽ cùng nhau uống vài ly rượu và nhắc lại những kỷ niệm đã qua!

Tôi không biết ba mẹ tôi nghĩ gì lúc đó, còn tôi thì lúc nào cũng quần quít bên cạnh đại đội trưởng Tăng, nhớ lại những ngày cùng ông cưỡi ngựa vượt qua Đại Phong Áo, nhớ lại lúc uống nước trong bi đông của ông, nhớ lại kỳ công ông đã tìm ra hai đứa em trai tôi! Nhưng cuối cùng, rồi cũng đến lúc chúng tôi phải từ biệt đại đội trưởng Tăng!

Chúng tôi đáp xe lửa chở dân lánh nạn rời thành phố Quế Lâm. Nói thêm một điều lý thú. Khi đại đội trưởng Tăng tìm được hai em thì cũng đồng thời tìm lại được cả hành lý

hai người gánh đồ vụt lại. Hành lý lại trở về với chúng tôi. Đại đội trưởng Tăng đã cử binh sĩ của mình ra xe lửa chở người lánh nạn dành cho chúng tôi một chỗ không đến nỗi nhỏ lắm. Tờ mờ sáng, chúng tôi lên xe lửa, ló đầu ra cửa sổ, đột ngột lại thấy ông đứng trên sân ga. Chúng tôi vẫy tay chào từ biệt ông mà không cảm được nước mắt.

Xe lăn bánh, đại đội trưởng Tăng vẫn đứng yên tại chỗ, uy nghi trong bộ quân phục sĩ quan. Ông vẫy tay về phía chúng tôi, chúng tôi cũng vẫy tay liên hồi đáp lại, xe càng chạy càng nhanh, mỗi lúc một xa, bóng của đại đội trưởng Tăng cũng nhỏ dần, rồi mất hút.

Đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp đại đội trưởng Tăng. Trong cuộc đời lưu lạc sau này, chúng tôi luôn luôn hỏi thăm tin tức Quế Lâm, được biết Quế Lâm rút cuộc thất thủ. Nhưng chúng tôi luôn tin rằng, sẽ có một ngày kia, đại đội trưởng Tăng chờ chúng tôi cùng nâng cốc chúc mừng ngày mới. (Sau ngày thắng lợi, chúng tôi đi tìm tông tích đại đội trưởng Tăng khắp nơi, tiếc là không gặp, đó là điều luôn luôn làm cho cả nhà tôi nhức nhối).

Chia tay đại đội trưởng Tăng, chúng tôi đáp xe chở dân lánh nạn đi Quý Châu trước, rồi mới về Tứ Xuyên. Theo lời dặn của đại đội trưởng Tăng trước đó, phải đi một con đường nhỏ vào núi rồi từ Quế Lâm rẽ về phía Tây.

Trong ký ức tôi, đoạn đường này khá mơ hồ. Xe lửa chở dân lánh nạn chỉ đi một đoạn rồi không biết sao chúng tôi phải đi bộ. Không có người gánh đồ, lũ nhóc chúng tôi đều đi bộ,

riêng tôi, mới sáu tuổi đầu đã phải vác một bao đồ trên vai, bước thấp bước cao, mỗi ngày cuộc bộ ba mươi dặm.

Chỉ còn nhớ là trên con đường ấy, hang cùng ngõ hẻm nào cũng có dân lánh nạn, người dắt con dắt cái, người đỡ già nương trẻ, rõ là một cuộc lưu vong "vĩ đại". Cho đến giờ, mỗi lần nhắm mắt lại, tôi thấy hiện lên mồn một cảnh đám dân lánh nạn buồn bã xa quê, nặng nề lê bước trên đường núi gập ghềnh... Chúng tôi đi vất vả vô cùng, em trai khóc rồi lại khóc, nhưng đâu sao cũng là cả nhà đoàn tụ! Tiếng khóc của đứa em cũng trở nên đáng yêu, tôi nghĩ, trong đoàn người ly hương đó, có lẽ duy nhất nhà tôi là có được cái niềm vui hồi sinh thật sự. Nhưng, những phút giây êm đềm này phỏng được bao lâu? Trong thời chiến loạn ly, biết lấy gì đảm bảo, để có được cảnh "sáng đi, chiều gặp", ly biệt rồi lại trùng phùng!

hết: [Chương 17](#)

QUYỀNH DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 18

Đánh Bò Cạp

Mọi thức ăn vật dụng dọc đường của chúng tôi đều nằm gọn trong cái túi lúc nào cũng kè kè bên người. Lúc chia tay, đại đội trưởng Tăng đã đưa chúng tôi một ít tiền. Dựa vào chút tiền đó chúng tôi sống qua ngày. Nhưng khi lưu lạc đến làng Dung của Quý Châu, thì một xu cũng chẳng còn dính túi.

Làng Dung (không biết tại sao lại viết như vậy, tôi không nhớ rõ) khá bẽ thế, đã đầy dân lánh nạn. Chúng tôi thuê được một ngôi nhà nhỏ để trú tạm. Ba tôi phát hiện ra một cửa hàng gần đó, thế là mẹ tôi lục đồng áo quần, lấy đồ nữ trang còn lại, được giấu trong áo lót, đem ra bán dần. Nhưng rồi cũng chỉ đủ ăn quấy qua ngày. Thiếu thốn, kham khổ làm cho mẹ tôi đổ bệnh.

Hồi đó, vùng Quý Châu - Quảng Tây đang có dịch sốt rét, bệnh đang lây lan khắp nơi. Thông thường bệnh sốt rét hay lên cơn cách nhật, nhưng ở Quý Châu, thì ngày nào cũng lên cơn, càng lúc càng dữ. Hồi đó, người đi lánh nạn bị chết vì sốt rét không phải ít. Người địa phương gọi bệnh này là "đánh bò cạp", ai nghe mấy tiếng này đều thất kinh, vì bệnh này có thể ủ vài năm hoặc vài chục năm, mà thuốc ký ninh, lại thuốc đặc trị bệnh này ở đây lại vô cùng quý hiếm. Đúng là lúc nhà dột lại đổ thêm mưa rào, mẹ tôi nhiễm sốt rét ác tính, ngã quỵ không gượng dậy được.

Nhà không tiền, không thuốc, không thức ăn trong lúc trước mắt tối tăm, tương lai mờ mịt. Những ngày tạm trú trong ngôi nhà nhỏ này thật thê lương ảm đạm quá đỗi. Mẹ tôi nằm trên chiếc ván, cả ngày chỉ rên với rên, thật xót gan, xót ruột, Ba tôi ngày ngày phải đem mớ đồ, mà chủ cửa hàng không chịu mua đi bán dạo khắp nơi, những hy vọng đổi

được vài viên thuốc. Ngồi bên giường trông chừng mẹ, nghe từng tiếng rên của mẹ tôi càng lo lắng, càng hoảng sợ. Từ khi xa quê, tôi đã sớm hiểu thế nào là tử biệt, nên mỗi lần ba đi vắng, giao tôi canh chừng mẹ, tôi sợ vô cùng, tôi sợ bóng tối và tử thần vây chặt cả ngôi nhà.

Một hôm, tôi canh chừng mẹ như thường lệ, thấy không khí trong nhà trở nên ngột ngạt, đầu tôi bắt đầu choáng váng, tim đập dồn dập, mồ hôi toát ra thấm ướt cả lưng áo. Mẹ trằn trối nhìn tôi, thều thào nói qua nước mắt:

- Con ơi! Nếu mẹ chết, các con làm sao?

Tôi đứng không vững nữa, òa khóc thảm thiết, tiếng khóc đã làm mẹ tôi đang yếu phải bật dậy, đỡ tôi, vỗ đầu an ủi tôi:

- Đừng sợ! Đừng sợ con! Mẹ nói chơi đó mà!

Nhưng tôi cứ khóc mãi. Tôi run rẩy, rồi té xỉu. Khi tỉnh dậy, bác sĩ đã ở trong nhà, tôi thì nằm bên cạnh mẹ, trán chườm khăn ướt, người nóng như lửa... Tôi đã bị lây bệnh sốt rét.

Thế là hai mẹ con cùng đổ quỵ trong căn nhà nhỏ ấy. Mùi vị "đánh bò cạp" hồi đó còn in sâu trong óc tôi cho đến bây giờ. Khi sốt rét thì sốt toát mồ hôi, còn rét thì rét tận xương tận tủy, cả người run cầm cập, đầu đau như búa bổ. Sáu tuổi đầu, tôi không sao chịu nổi, chỉ biết khóc, khóc như thể không bao giờ dứt. (Sau này, thứ bệnh đó còn dày vò tôi mấy năm nữa, khi dứt khi phát, mãi sau giải phóng trở về Thượng Hải, mới hoàn toàn dứt hẳn).

Nhà năm miệng ăn, bệnh đổ hai người. Tiền trả công bác sĩ đã cạn, tiền thuê nhà trọ cũng thiếu chồng chất, lại thêm sợ mẹ con tôi chết trong nhà, chủ nhà không ngớt giục chúng tôi dời đi. Đến nông nỗi này, đúng là sơn cùng thủy tận rồi, nhà năm người, người nọ nhìn người kia, bụng mặt khóc. Hồi đó, cả nhà tôi, ngoài bộ quần áo mặc trên người, chẳng còn gì để bán.

Xem chừng cả nhà phải kết liễu cuộc đời tại cái làng nhỏ bé, miệt núi non hiểm trở này. Mẹ tôi thường nói với ba về cái chết. Tôi bồi hồi nhớ lại cảnh đầm đầu xuống sông Đông An, sao hồi đó không chết đi cho rảnh nhĩ? Thế rồi, một chuyện lạ lùng nữa lại đến.

Hôm ấy, như thường lệ, ba tôi lo bưng chải bên ngoài tìm kế sinh nhai. Tôi và mẹ thì nằm chờ chết trong gian phòng tôi tắm ngọt ngào. Bỗng cửa mở toang, ba tôi cùng

một thanh niên lạ mặt bước vào, phần khởi nói với mẹ tôi:

- Minh xem! Có biết tôi gặp ai đây không?

Cùng lúc, người thanh niên phục xuống trước giường, xúc động nói:

- Bà giáo Trần, sao lại đến nông nỗi này?

Nguyên người này là học trò của ba tôi, họ Túc (tên là gì tôi không nhớ rõ). Ông Túc là trợ giáo Đại học Quảng Tây, đang sơ tán về vùng này. Ba tôi ra phố, mau sao gặp được ông Túc.

Thấy mẹ con tôi sắp chết, còn hai em thì đói lả, không chút do dự, ông Túc vụt chạy đi mời bác sĩ đến rồi mua thuốc, mua thực phẩm và thanh toán cả tiền nhà trọ... Ông chạy đôn chạy đáo mọi nơi mọi chỗ lo cho cả nhà tôi, phải nói rằng tấm lòng đầy nhiệt tình, chân thật đó, thật là cảm động, cả nhà tôi, nhờ gặp được ông Túc mà thoát khỏi cơn hoạn nạn. Tình người lúc này thật cao quý làm sao!

Ông Túc đã cứu chúng tôi thoát khỏi hiểm nghèo. Bệnh sốt rét của hai mẹ con tôi bị đẩy lùi. Nhưng chúng tôi cũng chẳng còn một xu dính túi, mà đường thì còn xa tít mù, làm sao đi đến nơi đến chốn? Để giải quyết việc làm sau này cho chúng tôi, ông Túc lại giới thiệu ba tôi với trường đại học Quảng Tây. Lúc đó, các giáo sư, giáo viên trường đại học Quảng Tây người thì bỏ việc, người thì sơ tán, lãnh đạo nhà trường đang lo lắng vì thiếu thầy. Dù trong chiến tranh, nhà trường vẫn kiên quyết duy trì việc học hành. Ban lãnh đạo trường cho rằng ba tôi là một nhân tài hiếm có nên nhận ba tôi. Đúng là chuyện nằm mơ cũng không có được ở lại cái địa phương nhỏ bé, chỉ vì mẹ con tôi bị ốm liệt giường mà ba tôi lại vào dạy ở đại học Quảng Tây. Nhờ có việc làm, có đồng lương, bao nỗi nhọc nhằn của chúng tôi đã được vơi đi rất nhiều.

Thế là chúng tôi theo trường đại học Quảng Tây, tiếp tục rút về Quý Châu. Bước thứ nhất, đi thuyền gỗ theo dòng sông chảy xiết cặp triền núi hướng về Dung Giang của Quý Châu. Trên chiếc thuyền con ấy, chúng tôi phải đi mất hai mươi ngày, thường xuyên vật lộn với dòng nước hung hãn.

hết: [Chương 18](#)

QUỲNH DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 19

Hai Mươi Ngày trên Sông Dung

Chiếc thuyền chúng tôi ngồi chẳng khác nào chiếc thuyền câu của ngư ông bên sông trong tranh họa, chiếc thuyền thon thả, giữa có vòm che hình bán nguyệt đan bằng tre nứa. Hai đầu vòm che là đầu thuyền và đuôi thuyền. Dưới vòm là khoang thuyền, trong tranh, loại thuyền này rất nên thơ, nhưng nếu như chúng tôi phải ngồi trên chiếc thuyền nhỏ này, đi ngược dòng nước xiết ròng rã hai mươi ngày, thì sẽ thấy chẳng nên thơ một chút nào!

Đại học Quảng Tay phải thuê tất cả hơn hai mươi chiếc thuyền như vậy, tổ chức thành một đội thuyền. Cứ hai hộ gia đình ngồi chung một chiếc. Đương nhiên là chúng tôi được phân đi cùng với một gia đình khác. Giữa khoang thuyền treo một tấm rèm làm vách chắn. Nửa khoang thuyền được bao lớn? Tôi nhớ không sai, thì bằng chiếc bàn vuông không hơn không kém. Năm người nhà tôi ngồi quanh đó, lấy chân bông đắp lên chân, nói nói cười cười, rồi cũng chịu được tất. Ban đêm, dù xoay trở cách nào, năm người cũng không nằm được, đành phải có hai người thay phiên nhau nằm ở mũi thuyền, còn bên trong chút ít phải có đầu hoặc chân người thò ra ngoài vòm thuyền. Trời tạnh thì yên ổn cả, còn khi mưa ập đến, thì thật thảm hại vô cùng. Khi có sóng to, nước sông cũng ập vào ướt cả áo quần, lạnh buốt xương.

Tôi thường được luân phiên ra nằm ở mũi thuyền (có thể ba tôi cho rằng tôi lớn hơn các em, có sức chịu đựng tốt hơn). Dù mưa xối xả, nước sông tạt vào, sương như phủ trên người lạnh buốt, tôi vẫn nằm ngủ ngon lành.

Chịu đựng lâu như vậy mà không đau ốm gì cũng có thể coi là một thành tích hiếm có. Diện tích khoang thuyền quá chật chội, chúng tôi phải nấu ăn trên mũi thuyền, bếp

núc càng đơn giản càng tốt. Bữa sáng ăn cháo với ít đường là xong, cơm trưa, cơm tối thì có món mỡ lợn xào với muối dùng qua bữa. Cứ cách hai ngày mới có một bữa ăn thơm tắp, ấy là thêm mấy trái ớt và đậu. Bình ớt nhỏ nhỏ kia thật quý giá, phải phân phối hẳn hoi, mỗi người chỉ được chia vài quả. Tôi nhớ chỉ với mấy trái ớt ấy, tôi ăn còn ngon miệng hơn sơn hào hải vị, và khi vào miệng phải để thật lâu cho thấm mới nuốt.

Có một hôm, đội thuyền dừng lại, gặp lúc dân nấu bắp tươi đem bán, chúng tôi thèm không chịu được.

Thực tình, chúng tôi nghèo đến mức không hưởng nổi những thứ ấy, nhưng rồi ba mẹ cũng đành bấm bụng mua một trái, cả nhà chia nhau ăn như chia từng hạt ngọc. Nếu những trái ớt kia là sơn hào hải vị thì có thể ví trái bắp này là nem rỗng chả phượng!

Chiếc thuyền chúng tôi do hai người lái, người bố độ ba mươi tuổi, người con khoảng trên dưới mười tuổi, vẫn là một đứa con nít, cho nên chỉ coi như một người rười. Thuyền đầy ắp người, lộ trình xa tít mà chỉ có một người rười lái, rồi đây sẽ ra sao khó mà biết được.

Thuyền tiếp tục đi, tình cảnh còn tồi tệ hơn chúng tôi nghĩ nhiều.

Sông Dung nước chảy xiết, hai bên bờ vách núi dựng đứng, lòng sông đầy đá ngầm, chốc chốc lại có dòng xoáy, thật vô cùng nguy hiểm. Thuyền gia đình chúng tôi đang ngồi không dùng động lực, cũng không có buồm, toàn dùng sức lực của hai bố con chèo chống bằng sào và bằng mái chèo, vật lộn với nước sông chảy xiết nên đi rất chậm, và chỉ có thể đi ban ngày. Để khỏi bị nước cuốn đi, hơn hai chục chiếc thuyền đều buộc liên nhau. Nếu chỗ đậu không lên bờ được, mọi người đành chịu qua đêm trên thuyền, nếu dừng tại trạm lớn, có bến thì có thể lên bờ, đó là niềm vui sướng lớn, vì người ta có thể bổ sung chút đỉnh vật dụng hoặc qua lại cử động chân tay cho đỡ mỏi. Đương nhiên, trẻ con chỉ được phép chơi bên bờ, không được đi xa. Còn tôi, thích nhất là lượm các loại đá cuội đủ màu sắc bên bờ sông. Có một hôm, tôi lượm được mấy cục đá trắng muốt rất dễ thương, người ta bảo tôi đó là đá lấy lửa, làm tôi mừng lắm. Tôi thường ngồi ở mũi thuyền lấy đá ghè vào nhau chơi, tia lửa xẹt như hoa cà trông rất đẹp, thích ơì là thích. Nhờ trò chơi ấy mà tôi đã vui hết nỗi buồn những ngày tù túng.

Một hôm, đang ngồi ghè đá lửa ở mũi, thuyền bỗng chòng chành làm tôi té nhào xuống sông, nước chảy xiết, tôi suýt chết đuối, cũng may là bác lái thuyền lanh tay lẹ mắt lại có tài bơi lội nên cứu được tôi. Tôi được cứu sống nhưng mấy cục đá lửa quý giá

thì mất tiêu làm tôi buồn lắm. Không hiểu sao, lúc đó tôi cảm thấy những cục đá lửa đỏ lại quý hơn mạng sống của mình! Tuổi thơ của tôi chẳng có đồ chơi, nhưng đến tận bây giờ tôi hãy còn nhớ rõ môn cò đuôi nheo và những hòn đá lửa của tôi!

Sau này, tôi lại rớt xuống nước mấy lần, vì mỗi khi giải quyết "đại sự, tiểu sự", chúng tôi đều phải ngồi ở mạn thuyền, cơ hội té xuống sông rất nhiều. Có điều, bác lái thuyền rất cảnh giác, lần nào cũng được bác cứu lên, riết rồi mọi người đâm ra ngại lại.

Điều không may lại đến, người bảo vệ sinh mệnh chúng tôi là bác lái đò lịch lãm, trẻ khỏe kia bị ốm do bệnh sốt rét tái phát. Anh hùng chỉ có sợ bệnh quật ngã, một khi đã "đánh bò cạp" rồi, thì dù có xương đồng da sắt đi chăng nữa, cũng không chịu nổi. Bác ta nghiêng răng chịu đựng, nhưng việc chèo thuyền, bác lái bắt đầu do con bác ta đảm nhận, như vậy có nghĩa tính mệnh của hai gia đình chúng tôi đều nằm trong tay của một chú bé.

Tốc độ thuyền càng lúc càng chậm, xa dần toàn đội, rồi rớt lại, bồng bềnh trên dòng nước chảy xiết.

Được mỗi người một tay giúp sức, thuyền miễn cưỡng cặp vào bờ để bác lái đò lên bờ đi mua thuốc. Lúc đó, người chủ của chiếc thuyền này là một cậu bé chưa đầy mười tuổi.

Tất cả chúng tôi phó thác sinh mạng của mình cho cậu ta

Nước chảy quá mạnh làm đứt dây neo, thuyền bị cuốn đi. Cậu bé dùng hết sức mình tìm cách giữ thuyền lại, nhưng sức cậu có hạn, đến lúc không còn cách nào khác, cậu đành đưa hai tay nắm chặt lấy bụi cây bên bờ, mọi người trên thuyền cũng vớ gì bám lấy, để thoát khỏi tai nạn.

Đang khi sức cùng lực tận thì người bố đi mua thuốc trở về, sự xuất hiện của ông chẳng khác nào một vị cứu tinh. Dựa vào kinh nghiệm và kỹ xảo của mình, ông đã giữ thuyền lại một cách chắc chắn.

Ngày thứ hai, chúng tôi đuổi kịp đội thuyền, không ai tin được là chúng tôi có thể trở về cùng với mọi người. Đã có hai chiếc thuyền trong đội mất hút tăm hơi.

Qua lần đại nạn ấy, chúng tôi càng thấm thía hơn nỗi nhọc nhằn trong cuộc sống. Chiếc thuyền nhỏ ấy đã làm tăng thêm niềm tin trong lòng chúng tôi, không như hồi nào ai cũng chỉ hâm mộ những chiếc thuyền lớn.

Đúng rồi, dân lánh nạn nghèo mạt rệp như chúng tôi thì đi thuyền nhỏ, chỉ có quý phú ông mới bao nổi thuyền bầu khoang rộng để đi cho thoải mái hoặc thuyền này phải có

mấy chục người kéo trên bờ, lại thêm hai hàng phu thuyền chèo chống, đẩy thuyền đi tới. Tôi còn nhớ rõ dáng lom khom của những người kéo thuyền cố sức rần tới từng bước, dây thừng hằn sâu vào từng thớ thịt. Những tiếng hô nặng nhọc, đơn điệu, trùng lặp, cứ lặp đi lặp lại. Nó đâu phải lời ca tiếng hát mượt mà mà là tiếng thét gào bi tráng để giành sự sống.

Bây giờ tôi vẫn còn nhớ bài ca "Người kéo thuyền" tôi thuộc lòng thời học trung học:

Tiến lên, nào tiến lên

Mọi người nắm chắc dây.

Mắt không rời người lái

Chí kiên cường không lay.

Mặc sóng đôi mưa sa

Ta cứ ung dung bước.

Đông Tây rồi Nam Bắc

Chân trời nào cũng qua.

Mỗi khi nghe bài hát này vút lên, với tiếng nhạc trỗi dậy trầm hùng, với điệp khúc lặp đi lặp lại "mặc sóng đôi mưa sa, ta cứ ung dung bước".... Thật khác một trời một vực cái cảnh chính mắt tôi thấy hồi nhỏ, những người kéo thuyền tiến lên nặng nề, chậm chạp, chẳng ung dung chút nào. Tôi cảm thấy, dù cho mình chịu khổ một chút ngồi trên chiếc thuyền con, còn hơn là ngồi trong thuyền bầu thoải mái mà người khác phải thống khổ vì mình.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng đến đích - Dung Giang.

Dung Giang cũng chưa phải là đích cuối cùng của chúng tôi, mà đích cuối cùng ấy phải là Trùng Khánh. Từ Dung Giang đến Trùng Khánh còn là đoạn đường xa vùi vợi.

Đến Dung Giang rồi, trường Đại học Quảng Tây lại gặp khó khăn về tài chính, không có tiền phát lương, và cũng không cách gì đưa toàn đội tiếp tục sơ tán sâu vào nội địa. Thế là mỗi người chia nhau mỗi ngã, vô hình chung như giải tán trường, ba tôi lại thất nghiệp, nhưng cuộc sống thường nhật của chúng tôi cứ phải tiếp tục, cuộc hành trình xa vùi vợi cũng không thể dừng lại được. Lại đi.

hết: [Chương 19](#)

QUYỀN DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 20

Bánh Rán Và Khoai Lang

Người Quý Châu hay ăn bánh rán làm bằng bột nếp, rán dầu.

Còn một loại rẻ hơn bánh rán nhưng cũng no bụng được là khoai lang. Năm ấy trời giá lạnh, vừa đi vừa ăn củ khoai nóng hổi cũng là niềm hạnh phúc lớn trong thời loạn lạc!

Ba mẹ bàn nhau sinh kế tốt nhất là cả nhà đi bán dạo hai loại thực phẩm này. Ba tôi đi bán khoai lang, mẹ tôi đi bán bánh rán. Cả nhà chia làm hai cánh, tôi nhập vào cánh của ba. Do vậy, mẹ tôi bán bánh rán thế nào chính mắt tôi không trông thấy, còn chuyện ba bán khoai lang ra sao tôi nhớ rõ mồn một.

Dung Giang hồi đó đầy nghẹt dân đi lánh nạn, ai cũng tìm kiếm việc làm để sống nên ba đi bán khoai lang thì người khác cũng bán khoai lang, rồi mọi người đều đổ xô đi bán khoai lang. Đường đường một "đấng tài hoa" như ba tôi, bình thường thì thao thao bất tuyệt trên giảng đường, vậy mà khi đi bán khoai lang giữa chợ cứ đứng ngây người như tượng gỗ, không biết cách chào hàng, chiêu dụ khách hàng. Làm việc kinh doanh buôn bán mà coi bộ ba tôi nhàn nhã quá, hào phóng quá, chẳng khác nào kiểu người đi câu cá chỉ chực chờ cá đến cắn câu. Dù khách hàng không đến, chẳng một ai hỏi mua, ba cũng chẳng chào mời ai nửa lời.

Rốt lại, trời cũng không phụ người nghèo, chờ cho ai nấy bán hết khoai lang, thế nào cũng có người đoái hoài nghĩ đến ba tôi. Chúng tôi sung sướng chào mời vị khách quý ấy, ông ta hỏi mua nửa ký khoai lang.

Trước cảnh ấy, cha "công tử" của tôi mừng quýnh lên, ông vội vã vớt khoai trong nồi

ra, vì nồi khoai liên tục có lửa nên nóng hầm hập, ba tôi lúng túng không biết làm cách nào để vớt khoai ra được. Vắt và lấm mới vừa vớt, vừa ghim ra được mấy củ rồi bọc lại, đặt lên cân. Hồng quá, ông lại không biết xem mặt cân, không biết nửa ký là ở chỗ nào. Loay hoay mãi vẫn chưa xong, ba toát mồ hôi nói với tôi:

- Phụng Hoàng, đủ nửa ký lô chưa con?

Trời đất, lúc đó, tôi mới sáu tuổi làm sao biết xem cân, thế rồi bác bán hàng đứng bên cạnh thấy buồn cười quá, lại cân giúp ba tôi nửa ký lô. Khi ba lấy khoai lang ra khỏi cân, làm lọng cọng thế nào mà chỗ khoai ấy rớt hết xuống đất. Vị khách chờ lâu sốt ruột, ba tôi bực mình quá, quăng phứt cái cân xuống đất, mở tung nắp nồi ra, nói với ông khách! Bác tự lấy đi, bác muốn lấy bao nhiêu thì lấy.

Đó là lần "kinh doanh" duy nhất của ba mà tôi được chứng kiến. Còn mẹ bánh bánh rán như thế nào tôi không biết được hết, chỉ nhớ là sau đó mấy hôm, ba bữa ăn trong ngày của nhà tôi không phải khoai lang mà là bánh rán.

hết: [Chương 20](#)

QUYỀN DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 21

Bác Cù

Sau này chúng tôi quen bác Cù.

Trong cuộc lưu lạc chân trời góc biển này, chúng tôi quen biết rất nhiều con người kỳ lạ như đại đội trưởng Tăng, như ông thôn trưởng già..... Bây giờ đến lượt quen bác Cù.

Bác Cù nguyên là một viên chức của đại học Quảng Tây, khoảng bốn mươi tuổi, có vợ và ba con gái, một nhà năm miệng ăn. Cả nhà bác rút theo đại học Quảng Tây đến Dung Giang. Đại học Quảng Tây giải tán, có giáo viên lưu lại Dung Giang, cũng có người đi tìm người thân nương tựa. Còn ba tôi thì sao? Vẫn nhất quyết đi Tứ Xuyên! Tuy giờ này chúng tôi đã đến Quý Châu, cách Tứ Xuyên còn một khoảng đường dài nữa. Dắt díu con thơ, trèo đèo vượt núi quả là chuyện chẳng đơn giản tí nào. Ba tôi nói đi là đi, không ai ngăn được. Bác Cù cũng quyết chí đi.

Bác Cù bảo hai gia đình hợp lại đi nương nhau cùng đi thì không cô đơn nữa. Bác Cù còn nói, làm như vậy lũ trẻ nhỏ hai gia đình có dịp kết bạn với nhau, để thêm sức tới Tứ Xuyên. Bác khỏe, bác có nhiều nghề để kiếm sống, không sợ đói đâu! Bác còn thổ lộ: bác có một ngón nghề bí mật đầy bản lĩnh, có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành may, còn trị được bá bệnh... nguyên do là bác sùng tín Phật Như Lai, biết niệm "Đại bi chú" và biết tụng "Kinh Kim Cương".

Thế là gia đình tôi và gia đình bác Cù nhập lại, tiếp tục cuộc hành trình dang dở.

Tuyến đường này đi thế nào thì tôi không còn nhớ, chỉ biết là dọc đường hết gặp chuyện này đến chuyện kia. Có bác Cù, lúc nào cũng thấy vui.

Dọc đường đi, người dân lánh nạn đông vô kể. Người ta buộc hành lý lại, cùng nói

niêu xoong chảo gánh lên vai. Có lẽ làm như vậy để dừng chân lúc nào là có thể nấu ăn lúc đó.

Ba tôi có hề biết gánh gồng bao giờ. Nhưng cả nhà bác Cù đều gánh, ba tôi cũng đành gánh theo. Cũng may là bác Cù bên cạnh luôn luôn khích lệ:

- Gánh có gì là khó đâu? Hễ đàn ông là gánh được tất! Chỉ cần ráng một chút là được thôi mà. Anh chịu khó gánh, tôi giúp anh đọc Kinh Kim Cương, có tôi đọc kinh thì anh gánh đi băng băng!

Thế là ba tôi nhấc gánh lên đường. Cái chuyện gánh, nói thì coi bộ dễ, sự thực chẳng đơn giản chút nào. Buộc gói phải có kỹ thuật thì mới giữ được thăng bằng. Cả nhà thật sự lo lắng cho ba vì dáng thư sinh của ông liệu có chịu khổ nổi không! Nhưng ba đã gánh được và gánh đi một quãng đường rõ dài, chỉ có điều là người ta đi năm bước thì ba đi mười bước, người ta đi thẳng thì ba đi dích dzắc, cả nhà trông thấy mà hồi hộp, lo âu, còn bác Cù thì miệng cứ lầm rầm đọc kinh không ngớt.

Vừa sập tối, chúng tôi dừng chân nghỉ lại trong một khu vườn hoang vắng. Nhiên người dân lánh nạn cũng vào đây qua đêm. Tường vây quanh vườn có một mảng trống, có thể chui qua chỗ đó đi tắt thẳng vào trong khối phải đi một đoạn đường vòng. Ở chỗ trống chất đầy gạch ngói vụn, gồ ghề lởm chởm. Đi trước chúng tôi đã có người bị ngã nhào khi qua chỗ trống đó, cả bình, cả vại đem theo đều bị đập vỡ. Vì vậy mẹ tôi căn dặn:

- Mình đừng chui qua chỗ lỗ trống, chúng ta đi vào cổng chính thôi! Mình thấy không, người ta đều té ngã cả đó!

- Người ta ngã, tôi không ngã đâu! Ba tôi tỏ vẻ dũng cảm đầy mình. Mình không thấy sao, tôi gánh dọc đường cũng khá đấy chứ?

- Đúng thế! Bác Cù đứng bên tiếp lời: - Anh cứ qua chỗ trống, có tôi đây, tôi đọc kinh giúp anh!

Thế rồi ba tôi sải bước băng qua chỗ trống, bác Cù lại đọc kinh to hơn, chỉ nháy mắt, hai đầu gánh lắc lư, đưa đẩy như quả lắc đồng hồ, rồi xoảng một tiếng, ba tôi đã lăn đùng trên đồng gạch ngói vụn. Chúng tôi hốt hoảng, chạy ào tới vực ba tôi dậy. Ba không bị thương đâu cả, nhưng cái nồi nấu cơm duy nhất của chúng tôi bị bể làm đôi, chén bát, muống bể văng đầy mặt đất. Bác Cù đứng bên cạnh trấn an:

- Thấy chưa! May mà tôi đọc Kinh Kim Cương giúp anh, cho nên anh đâu có bị thương, không thì cái giò của anh đứt đôi rồi!

Đêm ấy, tôi nhớ là mẹ tôi đã dùng nửa cái nồi bẻ để nấu thức ăn cho cả nhà, chúng tôi đựng cơm trong những cái chén bẻ, vẫn bung ăn ngon lành.

hết: [Chương 21](#)

QUYỀNH DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 22

Lượm Củi

Đối với ba tôi, việc chén bát, nồi niêu bị bể hết, coi như đã trút được gánh nặng, ông chẳng phải gồng gánh gì nữa.

Chúng tôi chia lẻ hành lý ra, mỗi người một gói, vác toòng teng trên lưng, tất cả những thứ còn lại, dồn vào một bọc lớn tròng lên cổ ba tôi (trên lưng ba tôi phải thường xuyên cõng em bé, cho nên đồ dành tròng trước cổ).

Đi như vậy vừa chậm vừa cực, và ấn tượng đọng lại sâu sắc trong tôi là chuyện giao cho bọn trẻ chúng tôi đi lượm củi. Thật là một chuyện cực nhọc và đau khổ vô cùng, nhất là với đứa con gái mới lên sáu như tôi. Không phải là không lượm được củi, có điều hễ vừa tìm thấy bị mấy đứa lớn tuổi dành mất, lại nữa có khi lượm được rồi bị đám con trai giật mất. Tôi thường không làm tròn nhiệm vụ của mình là vậy.

Nhưng tôi biết rõ, tôi không thể không tìm ra củi, vì không tìm ra được củi thì không nấu cơm được! Không có cơm thì mọi người nhịn đói, do vậy mà tôi đánh liều đi làm nhiệm vụ!

Tôi có nhớ một hôm, đi qua một trại cưa, ba mẹ bảo tôi đi lượm gỗ vụn và dăm bào, nhưng cũng có rất nhiều bọn trẻ khác đến giành giật. Không làm được gì, tôi đang sốt ruột thì phát hiện một đồng củi gỗ sắp ngay ngắn, tôi liền lấy trộm, bất chấp tất cả. Nhưng chẳng mấy chốc, thì bị người ta bắt. Người chủ đồng củi giận lắm, hạch tội tôi dữ dằn khiến tôi sợ phát run lên. Có lẽ động lòng thương hại, ông ta bảo:

- Chỉ cần cháu hát một bài, nhảy một điệu múa cho chú xem, thì chú cho cháu tất cả củi đó!

Toàn thân tôi chẳng có lấy một tế bào âm nhạc, cũng chẳng có một tế bào nhảy múa, nhưng tôi vẫn vừa múa vừa ca:

Đưa em tôi thềm ngủ

Đôi mắt khẽ khép rồi

Đôi mắt nhỏ khép rồi

Nào, ngủ ngon em tôi...

Đó là bài hát duy nhất tôi hát trong thời thơ ấu, mỗi lần hát lên, tôi không cảm được nước mắt.

Trong câu chuyện tôi đã kể ở đoạn trước có nhắc đến lá cờ đuôi nheo, vì thích lá cờ dễ thương đó mà tôi đã hát cho các bạn của tôi nghe, cũng bài hát này. Song, lúc đó tôi hát thật hứng thú, hát xong mọi người vỗ tay nồng nhiệt, tôi sướng vô cùng. Hát xong, tôi nhận được lá cờ đuôi nheo, tôi lại càng sướng hơn.

Vẫn là bài hát đó, nhưng lần này tôi hát nghe sao mà xót xa. Khi hát, tôi lại nhớ tới lá cờ đuôi nheo bị mất, những niềm vui đã đi qua, hát rồi bật lên khóc, khóc đến mức người chủ đồng củi không giữ tôi lại nữa, giục tôi ra về!

Câu chuyện thời ấu thơ này đã để lại cho tôi những ấn tượng không bao giờ quên, tôi viết lại một truyện ngắn về câu chuyện ấy, lấy tên là "Múa", chính là viết về nỗi lòng tôi khi đó.

hết: [Chương 22](#)

QUỲNH DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 23

Một Đầu Heo Cả Nhà Gặm

Lượm củ là việc của trẻ con, tìm cái ăn là chuyện của người lớn. Đang lúc loạn lạc, làm được việc này là quá khó, chẳng khác nào bắc thang leo lên trời. Ba tôi và bác Cù chia nhau đi kiếm ăn, kiếm được thứ gì cả nhà ăn thứ ấy.

Nhớ lại có một đêm. Người ở đây hầu như bỏ nhà ra đi, chỉ còn lại đầu vài ba hộ, cửa nẻo đều đóng kín, chúng tôi có cảm giác như lạc vào hang quỷ.

Ba và bác Cù sắp xếp vợ con vào ở trong một ngôi miếu cổ rách nát, rồi chia nhau đi kiếm cái ăn. Lúc đó, trời tối om om, cả hai người chẳng ai có đèn pin, chỉ dò đường bằng ngọn đuốc nhỏ. Nhìn theo ngọn đuốc càng lúc càng xa cả nhà thật sự lo lắng.

Chẳng rõ đã đợi bao lâu, chỉ biết là lâu lắm, bác Cù quay trở lại với ngọn đuốc đã tắt lại. Cả nhà nghe rõ tiếng thở dài, biết là bác tay trắng về không.

Lại lo lắng cho ba tôi, và gởi gắm mọi hy vọng vào ba tôi, bác Cù lại bắt đầu đọc kinh, Từ Đại Bi Chú đến Kinh Kim Cương, bác đọc mãi, đọc mãi. Giá như những tiếng cầu kinh ấy đánh đổi được cái gì ăn đỡ đói cho cả đám lúc này thì hay biết mấy!

Trong thời khắc căng thẳng đó, ba tôi đột ngột xuất hiện với dáng điệu hết sức hồ hởi, phấn khởi, khiến mọi người chắc mẫm ba đã vớ bở.

Ba mang về một cái đầu heo to ời là to! Nhớ lại hồi còn bé tôi đã biết hát bài ca như sau:

Anh bán son, tôi bán phần
Đến Lô Châu, xài hết vốn
Mua đầu heo, cả nhà ngón
Ngón không trôi, sức lại tồn

Đánh vắt xuống, cho sông ngồn!

Đúng là cái đầu heo ấy khó gặm thật (vì không kịp chờ luộc cho mềm!) nhưng ai nỡ quăng nó xuống sông nên mọi người phải cố sức gặm, tôi có ấn tượng là nồi nước luộc đầu heo ngon và thơm lắm, có lẽ trong đời tôi hiếm khi thưởng thức được cái món canh ngon như vậy!

Mọi người chưa rõ đầu đuôi làm sao ba tôi lại vớ được cái đầu heo ấy, ít ra thì công lao của ba thật xứng đáng!

Thế nhưng bác Cù thì cứ cho rằng ấy là nhờ bác đọc kinh mà có.

Bác Cù đúng là một người tốt bụng ưa hài hước, lúc nào cũng tin Phật có thể giải quyết được tất cả mọi chuyện trên đời.

Có lần bé gái mười tuổi của bác bị đau răng, nướu răng đỏ mọng, đau lắm, bác Cù phát hiện, gọi con gái đến, nói quả quyết:

- Đau răng à? Không sao, để ba đọc kinh thì hết!

Bác làm dấu phép lên mà con gái rồi lầm rầm đọc kinh, đọc mãi, đọc mãi, sau đó, bác hỏi con gái:

- Hết đau rồi chứ!

Tôi thấy con gái của bác vẫn còn đau lắm, một bên má sưng vều lên, vậy mà bé cũng nuốt nước mắt, lầu bầu đáp:

Đỡ rồi ba, đỡ nhiều rồi ba!

Bác Cù được thể khoái lắm, cười nói:

- Ba đã nói mà, chỉ cần chú tâm đọc kinh, cái gì cũng giải quyết được!

hết: [Chương 23](#)

QUYỀNH DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 24

Bọn Cướp Và Thôn Trưởng

Những ngày sống lang bạt ở Quý Châu, có bác Cù kết bạn đi cùng, thật nhộn. Quãng hành trình ấy hầu hết là đi bộ, họa hoằn đi được chuyến xe hơi chạy bằng than củi. Lần ấy, tôi bị té xe làm bị thương ở mũi, ngay trên đất Quý Châu này (Bây giờ nhớ lại, tôi không té chết có lẽ là nhờ bác Cù đọc kinh chẳng?).

Một tối nọ, chúng tôi đến một trấn nhỏ, ở trong nhà dân, cơm nước xong mọi người quây quần tán gẫu. Chủ nhà hỏi ngày hôm sau đi đâu, ba tôi cho biết sẽ qua một ngọn núi rồi đến một thôn nhỏ gọi là Kiếm Hà.

Chủ nhà bảo:

- Trên núi có thổ phỉ, qua đó nguy hiểm lắm!

Ba phân trần:

- Chúng tôi đều là dân lánh nạn, không một xu dính túi thì còn gì mà thổ phỉ cướp.

Chủ nhà lại nói:

- Kỳ thực có người đi lánh nạn nhét đầy vàng và đồ trang sức quý giá vào trong áo bông rách rưới, đâu phải ai cũng nghèo rớt mồng tơi đâu!

Bác Cù ngoài đọc kinh ra, còn hay nói tiếu, bác nói:

- Phải, phải! Đừng coi bọn khổ rách áo ôm chúng tôi không có gì nhá, trong người giấu nhiều châu báu lắm đó!

- Dù sao cứ phải cẩn thận, ngày mai đừng đi qua ngọn núi đó!

- Bọn cướp thì có gì đáng sợ! Bác Cù nói chen vào. Tôi đọc kinh là chúng nó chạy rảo!

Ngày hôm sau, chúng tôi quyết định vẫn vượt qua ngọn núi đó, vì trong người chẳng có

gì cả, việc gì phải sợ!

Đã có bác Cù đọc kinh!

Ngọn núi ấy quả là hoang vắng, quả là đáng sợ. Vừa lên tới núi đã thấy có cái gì không ổn. Cỏ dại gai góc ngập đầy lối đi làm tôi liên tưởng tới hồi vượt qua Đại Phong Áo.

Đọc đường, bác Cù không quên đọc kinh, lại Kinh Đại Bi... rồi Kinh Kim Cương, càng đọc, tiếng bác càng lớn.

Bỗng nhiên, nghe tiếng xoàng xoạc, rồi từ trong lùm cỏ, nhảy bổ ra năm sáu người giả beo, khỏi phải nói, bác Cù dù có đọc kinh đi nữa cũng chẳng xua được bọn chúng, bọn cướp đang đợi chúng tôi! (Sau vụ đó chúng tôi đoán là căn nhà chúng tôi thuê ở qua đêm là sào huyệt của bọn cướp).

Bọn cướp lấy hết mấy bọc hành lý trên người chúng tôi, sau đó bắt mọi người cởi hết áo bông rách ra đưa cho chúng.

Chờ cho chúng rút hết chúng tôi mới hoàn hồn, mỗi người chỉ còn độc bộ quần áo mỏng manh trên người, gió núi thổi rét run lập cập.

Đã vậy mà bác Cù còn bảo, giả như không đọc kinh thì chiếc áo mỏng bọn cướp cũng lột, và còn giết chết hết cả lũ, không chừa một ai.

Rồi bác lại đọc kinh, song trong tiếng kinh lần này đượm vẻ phẫn nộ, bất bình. Bác không nguyên rủa những tên cùng đường lòng dạ thú kia mà lại chửi ông thôn trưởng Kiếm Hà, sao lại để bọn cướp xuất hiện trong thôn ấp của ông ta! Bác bảo:

- Đợi đến khi chúng ông vào xóm, ông sẽ đến chính quyền thôn kiện cho thôn trưởng mất chức! Bác giận dữ nói tiếp, coi bộ rất kiên quyết:

- Đến tỉnh ông phải đến tận chính quyền tỉnh kiện, đến Tứ Xuyên, ông phải kiện đến tận Chính phủ Trung Ương!

Bác Cù nói toàn chuyện xa vời, còn chúng tôi đang nóng ruột chuyện trước mắt. Trời sắp tối rồi, mọi người đang bị lạnh, không thể nào vượt qua núi được. Cả nhà phải trụ lại, lo lượm củi nhóm lửa, rồi ngồi quanh đống lửa chờ qua một đêm khủng khiếp và lạnh lẽo.

Ngày hôm sau, mặt trời lên, mọi người xuống núi, đến được Kiếm Hà.

Đúng là bác Cù nổi trận lôi đình, bác đi tìm chính quyền thôn để kiện thôn trưởng.

Gặp thôn trưởng, bác đòi ông ta từ chức, nếu không bác sẽ lên tận chính quyền tỉnh để tố cáo.

Vị thôn trưởng rất mực trung hậu hết xin lỗi, lại ra sức phân trần với bác Cù, sau đó lại mời chúng tôi ăn cơm, dọn dẹp một gian phòng cho chúng tôi nghỉ lại.

Bác Cù đã nguôi bớt cơn giận.

Đến lúc này, chúng tôi thật sự nghèo kiết xác, cũng không thể dựa mãi vào sự nuôi nấng của thôn trưởng, mặc dù ông ta rất tốt bụng.

Nhưng trời có mắt, chúng tôi vẫn còn có cách để sống.

Trong thời kỳ kháng chiến, kịch nói rất được ưa chuộng, và cũng đã xuất hiện không ít những kịch tác gia và diễn viên ưu tú.

Bác Cù nói, người ta thích xem kịch thì chúng ta diễn kịch cho họ xem. Thế là bác vạch chương trình diễn kịch nói, và bác nghiêm nhiên vận dụng ba tác lười của mình thuyết phục được người cha bảo thủ của tôi. Mọi người nhiệt tình chuẩn bị diễn kịch!

hết: [Chương 24](#)

QUYỀNH DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 25

Khoai Lang Chín Rồi

Vở kịch hay sắp ra mắt!

Sân khấu ở một góc phố, tôi cũng chẳng hiểu nó được dựng lên bằng cách nào, hay là đã có sẵn từ trước, hậu phương thời kháng chiến, kịch nói làm một loại hình văn nghệ ai ai cũng thích, chỗ nào cũng có sân khấu.

Vai nam chính là ba tôi, vai nữ chính là mẹ tôi.

Bác Cù mới thật sự là vị anh hùng ở hậu trường. Bác là đạo diễn, giám đốc sân khấu, giám đốc hậu trường, dàn cảnh, đạo cụ, phối âm, phục trang, ánh sáng... Tóm lại, một mình bác quản tất tặn tặn.

Đương nhiên, quan trọng nhất là chuyện bác vừa là kịch tác gia vừa kiêm luôn đạo diễn!

Hồi tưởng lại, bác Cù quả là có tài thật sự về kịch nghệ. Người lớn bận diễn kịch, trẻ con vui hết biết. Trước khi diễn, không ai trông coi chúng tôi, chúng tôi mặc sức vui đùa, khi diễn kịch, lại càng nhộn, xem ba mẹ diễn trên sân khấu sao mà rục rịch, sao mà hấp dẫn đến thế!

Tôi là người xem say sưa nhất, suốt từ đầu đến cuối, ba mẹ diễn mấy suất, xem đến mức thuộc hết cả lời trong vở kịch.

Tôi nhớ tên vở kịch đó là "Khoai lang chín rồi".

Câu chuyện kể về một gia đình nhỏ, chồng là người chiến sĩ sắp sửa xông pha trận mạc, nói lời từ biệt với vợ, vợ lưu luyến nói với chồng, em đang luộc khoai lang, mình hãy đợi khoai lang chín, ăn rồi hãy đi.

Lúc đó, ngoài cửa, chợt tiếng tù và vang lên lanh lảnh, do bác Cù thổi, người chồng

luống cuống, nhưng vẫn nấn ná dặn dò vợ bao điều. Rồi tiếng khóc của con thơ vọng lại (đương nhiên cũng do bác Cù bày trò), người vợ quay vào dỗ con. Dỗ con ngủ xong, người vợ lại trở ra tâm tình.

Tiếng tù và lại vang lên, người vợ chạy vào xem khoai lang chín chưa, rồi chạy ra, nói:

- Khoai lang chưa chín, nhưng cũng sắp chín rồi!

Tù và lại giục giã! Con thơ lại khóc! Người vợ luống cuống chạy ra chạy vào, nhưng khoai lang vẫn chưa chịu chín.

Tiếng tù và càng lúc càng gấp! Đã đến giờ xuất chinh, người chồng không thể nấn ná được nữa, anh cũng không chịu nổi cảnh chia tay đầm đìa nước mắt với vợ nên đợi lúc vợ vào bếp, anh vượt qua cửa sổ thoát ra ngoài.

Người vợ bung đĩa khoai lang nóng hổi bước ra, miệng nói:

- Khoai lang chín rồi! Khoai lang chín rồi!

Nhưng phòng không lặng ngắt như tờ, chị buông đĩa bung mặt khóc, chiếc đĩa vỡ, khoai văng xuống đất.

Trong tiếng trẻ khóc, tiếng tù và, tiếng vó ngựa, tiếng nức nở của người vợ giao hòa nhau, màn từ từ hạ.

Vở kịch không chỉ viết về mối tình chồng vợ đậm đà, mà còn mô tả không khí của cuộc kháng chiến đương thời, khiến lòng người ngùi ngùi xúc động, từ câu chuyện nhỏ nhỏ ấy nhìn xuyên qua thời đại, thực sự là một thành công lớn!

Người xem sôi nổi hẳn lên, ai cũng nhiệt liệt khen ngợi, nhưng xem kịch xong, ai nấy mãi nguyện ra về, chẳng mấy ai để lại chút ít tiền cho đoàn kịch.

Cũng vì vậy mà diễn mấy ngày liền vẫn không có tiền trang trải nợ nần, lại ngày nào cũng đánh rơi vỡ đĩa và đổ khoai lang nấu chín xuống đất, không có khoản nào để bù vào. Thế là đoàn kịch cũng hạ màn luôn.

Thật tội nghiệp cho ba mẹ, cuộc đời chỉ biết dạy học, vì cuộc sống mà phải làm tất cả. Bán khoai lang, bánh rán rồi phấn son lên sàn diễn...

Người thôn trưởng tốt bụng thấy chúng tôi không thể sống bằng diễn kịch được, cả nhà đến nông nổi này quả thực là có phần trách nhiệm của ông, do ông quản lý địa hạt mình không tốt để bọn cướp lộng hành... Thế là ông hối hả sắp xếp cho ba và bác Cù mỗi người một việc, ông sốt sắng nói với chúng tôi:

- Thôi đừng đi nữa, ở lại đây với chúng tôi!

Thực tình thì chúng tôi đã mệt quá rồi, được thôn trưởng giữ lại, mọi người không từ chối.

Chúng tôi ở lại Kiếm Hà thẩm thoát hơn nửa năm.

hết: [Chương 25](#)

QUYỀNH DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 26

Kháng Chiến Thắng Lợi

Những tháng ngày ở Kiếm Hà, có lẽ là quãng thời gian chúng tôi sống được an bình nhất trong cuộc đời lưu lạc. Thời gian này, mẹ tôi học được cách đan giày nên ba chị em tôi đều có giày mới để mang. Còn ba, vẫn bận rộn như thường lệ, có hôm, ba ôm về cả cái sừng trâu từ nhà láng giềng, chẳng là ba mới học được nghề khắc dấu.

Ba tôi khắc hàng lô hàng lóc con dấu bằng sừng trâu. Một hôm, nguồn cảm hứng đến ba lấy một ống trúc, dùng trúc làm quản bút, trên quản bút khắc tỉ mỉ hai chữ lớn:

"Kính tiết"

Hai chữ lớn ấy có ý nghĩa là "đốt tre cứng cáp" đã làm xúc động ba tôi. Những ngày ấy, ba tôi buồn buồn ít nói, đầu bác Cù có trêu chọc chẳng nữa, ba cũng chẳng cười. Mẹ tôi hiểu ra, mẹ nói:

- Mình lại muốn đi Tứ Xuyên rồi!

- Vâng! Ba thở dài: - Một trăm dặm đã đi được chín mươi dặm, bây giờ dùng chân thật chẳng ngại!

- Nhưng mà chúng ta lấy đâu ra tiền?

- Cái hồi từ dưới lòng sông Đông An trôi lên, chúng ta có tiền đâu? Ba hỏi so với hồi đó, bây giờ ta đỡ hơn nhiều chứ!

Thực ra, ở Kiếm Hà, ba tôi kiếm được chút đỉnh tiền.

Thế là mấy ngày, bàn lui bàn tới, cuối cùng ba quyết định: Chúng ta tiếp tục đi, đi cho đến Tứ Xuyên, đi cho tới Trùng Khánh. Lần này, bác Cù không chịu đi cùng chúng tôi, bác nhất quyết bắt cho được bọn cướp rồi mới đi. Nhưng bác cầu phúc lành cho chúng

tôi. Ngày cả nhà tôi lên đường, bác lưu luyện tiễn chân đến tận cổng làng, và đọc kinh chúc chúng tôi thượng lộ bình an.

Chúng tôi, lại ra đi!

Đường xa thăm tấp, hết qua đồi núi này lại leo tiếp đồi núi khác.

Cuối cùng, chúng tôi đặt chân lên đất Tứ Xuyên. Tôi còn nhớ, sau khi vào Tứ Xuyên, chúng tôi vẫn tiếp tục trèo đèo vượt núi.

Đi đường núi thật gian nan, núi đã vắng lại hay gặp thổ phi. Lại còn một nỗi sợ nữa là rắn độc và dã thú. Trên người tuy chẳng có tài sản gì, nhưng nếu cũng y như lần trước, chẳng may bị thổ phi cướp cả áo quần lẫn nữa thì thật là thảm hại!

Chúng tôi lầm lũi đi trong núi. Có hôm bỗng dưng có hai tráng đinh xuất hiện trước mặt. Họ khiêng cáng, tẩm ra trắng phủ kín người nằm trên đó. Họ lặng lẽ đi qua rồi mất hút vào núi sâu. Ba mẹ hơi nghi hoặc, không dám hỏi. Đi được một lát, lại xuất hiện hai người khiêng cáng nữa cũng phủ kín bằng ra trắng, cũng đi vào núi sâu. Một loáng sau, lại chiếc cáng thứ ba xuất hiện...

Gió núi thổi mạnh, trời trở lạnh. Nhưng chúng tôi thấy ớn lạnh hơn khi nhìn người khiêng cáng thâm lặng đi qua, những tẩm ra trắng, những chiếc cáng...

Lại một chiếc cáng nữa xuất hiện, ba tôi đánh bạo hỏi:

- Làm sao vậy, có người bệnh à?

- Bệnh à? Người khiêng cáng trở mắt nhìn ba tôi. Chết rồi! Chết cả rồi! Khiêng vào núi chôn đó!

Thì ra đó là những xác chết. Hỏi thêm mới rõ đầu đuôi. Cả khu núi này đang bị bệnh dịch, ngày nào cũng có người chết, nhiều người đổ bệnh. Dân nghèo xác xơ, thời kháng chiến thuốc men thiếu thốn, đành nhìn tử thần cướp đi từng mạng sống!

Hôm qua khiêng người ta đi, hôm nay cũng có thể đến lượt người khác khiêng mình!

Ba mẹ nghe lạnh tóc gáy, cẩn thận dẫn chúng tôi né xa những xác chết. Suốt ngày, chúng tôi gặp toàn người khiêng xác người, tôi và các em, vì tuổi nhỏ, nhìn riết rồi cũng không sợ nữa.

Hoàng hôn xuống, ba tôi cõng em bé, còn tôi và Kỳ Lân dắt tay nhau chạy băng băng xuống núi. Ba tôi tụt lại sau. Đến nửa rừng, hai chúng tôi đang đói cồn cào, chợt thấy một quán nhỏ ven đường, trong quán hai người khiêng cáng đang ngồi ăn mì, mùi mì bốc lên thơm phức, tôi và Kỳ Lân không nhịn được, liền đi tới, rồi ngồi bệt xuống

nền đất đòi ăn mỗi bữa một tô mì. Tôi còn nhanh miệng nói với chủ quán, mẹ tôi đi ở đằng sau, sẽ đến trả tiền ngay.

Thế rồi tôi và Kỳ Lân ăn ngấu ăn nghiêng, bất chấp đây là vùng dịch bệnh, cũng bắt chấp cả cái xác chết đặt trên cang ở bên cạnh quán. Đến khi mẹ tới kịp, mẹ hốt hải la oai oái:

- Ôi dào, hồng hết! Hồng hết! Các con quá lắm! Lỡ bị bệnh truyền nhiễm làm sao cứu kịp!

Mẹ tôi đi tới, kéo tôi ra cho một cái tát, rồi cho Kỳ Lân một cái tát. Kỳ Lân hể bị đánh là khóc, há mồm ra khóc càng lúc càng dữ. Ngay lúc đó, tiếng nổ đoàng, đoàng, vang liên hồi như pháo làm rung động cả một vùng núi.

- Thỏ phi đến! Mẹ tôi la lên, rồi theo bản năng, ôm chặt lấy Kỳ Lân.

- Súng bắn! Ba nói: Lẽ nào giặc Nhật tấn công đến Tứ Xuyên? Không lẽ!

Nói chưa hết lời, lại một loạt đoàng, đoàng, nữa vang lên. Chủ quán sợ quá ngồi xuống, dùng tiếng Tứ Xuyên hò hét mấy người khiêng cang, họ đứng lên chạy thẳng xuống xóm dưới núi... Chúng tôi đứng ngây người, không dám nhúc nhích.

Một hồi lâu, có tốp người từ trong xóm chạy ủa ra, họ cười cười, nói nói, tay phất cao lá quốc kỳ, tay đốt pháo nổ ran. Thì ra những tiếng nổ vừa rồi là tiếng pháo dây! Đám đông đi tới vừa đốt pháo, vừa hô lớn:

- Kháng chiến thắng lợi rồi! Chúng ta thắng lợi rồi Người Nhật đầu hàng vô điều kiện! Đầu hàng vô điều kiện!

Ba mẹ quá đổi kinh ngạc, không dám tin là sự thật.

Lát sau, ba cầm chặt tay một bạn trẻ, hỏi khẽ. Bạn đơn đã trả lời:

- Thật mà. Đài phát thanh đã loan tin rồi, kháng chiến thắng lợi rồi, thật mà!

Ba tôi la lớn, ôm chầm mẹ tôi nhảy cẫng cẫng, mẹ thì vừa khóc vừa cười, trẻ con chúng tôi quần quít quanh chân ba mẹ, cũng cười la động trời... Giây phút phấn khởi đó nhấn chìm tất cả, đến cái bệnh dịch đáng sợ kia cũng như không, cả nhà ôm nhau, sướng như điên, rồi khóc, rồi cười, rồi la lớn:

- Thắng lợi rồi! Thắng lợi rồi! Thắng lợi rồi!

Đúng thế, chúng tôi đã đến Tứ Xuyên, chúng tôi đã đi đến thắng lợi!

Tôi không sao lột tả hết niềm hân hoan lúc ấy.

Đỗ Phủ có bài thơ thất luật, nhan đề: "Nghe tin quân ta giành lại Hà Nam Hà Bắc".

Quân ta giành được đất Tô Bắc
Thoạt nghe áo thấm đầy nước mắt!
Nét sầu mặt vợ đâu còn thấy
Trang sách dạt dào bao ý thơ.
Bạch nhật tiếng ca pha rượu chúc
Thanh xuân kết bạn về cố hương.
Từ thưở vượt đèo xuyên núi hiểm
Nay lại Nang Dương về Lạc Dương.

Biết còn câu chữ nào hợp hơn những dòng trên để hình dung nỗi lòng ba mẹ tôi lúc ấy? Đúng là "Quân ta giành lại đất Tô Bắc, thoạt nghe áo thấm đầy nước mắt! " Và cũng thật đúng là "bạch nhật tiếng ca pha rượu chúc, thanh xuân kết bạn về cố hương! ".

Trở về cố hương ư? Không! Tuy kháng chiến đã thắng lợi, tuy những ngày lánh nạn của chúng tôi đã qua rồi, tuy cả nhà chúng tôi hân hoan vui vẻ đấy, nhưng khoảng cách từ đây đến ngày chúng tôi về lại cố hương hãy còn xa lắm lắm!

hết: [Chương 26](#)

QUYỀN DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 27

Trung Học Lô Nam

Cả nhà đến Tứ Xuyên rồi đi Trùng Khánh. Khắp nơi hân hoan đón mừng thắng lợi. Qua hơn một năm đi bộ trên đường dài, cả nhà năm người, ngoài gói đồ sồn rách trên vai, thì chẳng còn gì, trông thật thảm hại. May sao, ở Trùng Khánh có người anh em họ của mẹ, như tôi đã viết ở trên, nhà họ Viễn là một dòng họ lớn. Lúc đó, cậu ba và mợ ba đón chúng tôi về ở chung. Các cậu, các dì khác ở Tứ Xuyên cũng đến tiếp tế cho chúng tôi đều đặn. Mẹ tôi là con gái trưởng dòng họ Viễn, lẽ ra là một tiểu thư quyền quý đáng tôn đáng kính, nhưng giờ đây, trời đất xoay chuyển ra nông nổi này. Gặp nhau, mọi người vây quanh ba mẹ, hỏi tỹ mỹ quá trình chạy nạn. Ai nấy nghe đều há hốc mồm, không thể nào tin được sao lại nhiều chuyện động trời đến thế, cứ dồn dập xảy ra với chúng tôi!

Người kể đến chuyện buồn, rơi nước mắt, người nghe cũng sụt sùi khóc theo. Ngồi giữa đám đông nghe ba mẹ kể hết lần này đến lần khác, tôi cũng ôn lại những năm tháng phiêu dạt đầy đau thương, khi buồn khi vui, khi tan khi hợp. Nên chi hồi ấy, tuy tôi mới sáu tuổi, nhưng những sự việc xảy ra đều in sâu tận đáy lòng không sót điều gì.

Chuyện đi lánh nạn đã thành quá khứ. Tương lai rồi sẽ ra sao là chuyện ba mẹ đang phải lo toan. Khi đó, do không biết, ba không xin dạy học tại trường ở đó, mà lại đi dạy ở một nơi tên là Lý Trang. Vì là sau chiến tranh, nên cảnh vật tiêu điều xơ xác, trường không có nhà ở cho gia đình, chỉ có thể sắp đặt chỗ ở độc thân cho ba tôi. Ba tôi thật tình không muốn xa vợ con khi chiến tranh vừa mới kết thúc. Khi cần đoàn tụ thì lại đi dạy học ở Lý Trang! Song xa nhau là chuyện nhỏ, còn thất nghiệp mới là việc lớn đáng lo

hơn. Vì thế, ba quyết định đi Lý Trang dạy học. Còn mẹ và ba chị em tôi làm sao đây? Lúc đó, dì Huân đến bảo:

- Chẳng có chuyện gì đáng lo, chị Ba và ba cháu kéo hết đến trong trường trung học Lô Nam của em! Em đang thiếu giáo viên dạy văn, chị Ba chẳng phải đã dạy học ở Hồ Nam rồi là gì? Bây giờ chị lại đi làm giáo viên giúp em!

Dì Huân là em họ của mẹ. Mẹ tôi hàng thứ ba trưởng họ, nên dì Huân gọi mẹ là chị Ba. Khi đó, dì Huân và chồng của dì huyện Lô của Tứ Xuyên, mở trường Trung học dân lập, mọi thứ đều còn mới, thậm chí thiếu cả tiền lương cho giáo viên.

Thế là chúng tôi tạm thời chia tay ba, theo mẹ đến trường trung học Lô Nam.

Trường Trung học Lô Nam (trong cuốn sách tôi viết tựa đề "Tình quê hương không bao giờ dứt", có lược kể về trường này và dì Huân của tôi) là nơi để lại trong tôi những kỷ niệm đầy hứng thú. Nó vốn là một ngôi chùa lớn được sửa thành trường học. Phòng học đặt tại điện chính của ngôi chùa, nên mỗi phòng học đều có Bồ Tát. Nhà mẹ con tôi ở là nơi tu hành của các Hòa thượng trước kia, rất đơn sơ, giản dị.

Trải qua thời gian đi lánh nạn đầy thảm khốc, bây giờ vào ở nơi đây, thật chẳng khác nào đến chốn thiên đường.

Cuộc sống của tôi chẳng mấy chốc thay đổi hết. Tôi nhớ rõ, năm ấy vui lắm. Học sinh của mẹ đều thuộc lớp đàn anh của tôi. (Ở đây tưởng cần thuyết minh một chút, Tứ Xuyên hồi ấy rất bảo thủ, rất trọng nam khinh nữ. Con gái đều ở nhà giúp việc gia đình, không mấy cha mẹ chịu cho con gái đi học. Cho dù con trai đi nữa, cũng là do dì Huân và chồng dì vận động, thuyết phục từng nhà một, tranh thủ cho các cháu đi học. Cho nên học sinh đều là con trai nhưng tuổi rất lớn, những mười tám, mười chín tuổi mà còn học năm đầu cấp trung học. Đã vậy, số học sinh này cũng không được học cơ bản ở cấp một, cho nên mẹ tôi dạy các anh ấy thật vất vả, nhưng được cái các anh ấy đều thành thật, nhiệt tình, chịu khó, đều trở thành anh cả của tôi). Những người anh này thường dẫn tôi đi chơi, bày tôi nuôi dế, cõng tôi trên vai đi hái lá dâu, đưa tôi ra bờ sông nhặt đá cuội... Tuổi thơ ấu của tôi đã sớm bị mất nụ cười và niềm vui, thì tại đây, tôi dần dần lấy lại niềm vui ấy.

Cũng trong thời gian này, mẹ tôi bỗng dưng phát hiện được sức cảm thụ văn học của tôi, lúc vui vẻ, nhàn nhã, bắt đầu dạy tôi đọc thơ Đường. Và cũng lần đầu tiên, tôi nhận ra ma lực của văn học, và bắt đầu tìm được niềm say mê trong văn học.

Phát hiện của mẹ tôi khá ngẫu nhiên.

Nguyên là thế này:

Những học sinh của mẹ tôi tuy tuổi đã lớn nhưng không hiểu sao học không vào, mẹ tôi cứ phải giảng đi giảng lại nhiều lần mà các ông anh ấy vẫn cứ không hiểu nổi. Còn tôi, theo mẹ từ thuở nhỏ, khi mẹ giảng bài, tôi thường ngồi bên bậu cửa "dự thính". Có một hôm, mẹ đang dạy bài "Chim lành hót đêm", trong đó có hai câu thế này:

Đêm, đêm, đêm chim hót

Người nghe nao nao lòng.

Vì là có ba chữ đêm, các ông anh lẫn lộn mãi. Mẹ giảng khô rát cả cổ họng, các anh vẫn lắc đầu không hiểu. Mẹ có phần hoài nghi năng lực giảng dạy của mình. Đang khi bối rối, thấy tôi ngồi trên bậu cửa, mẹ kéo tôi vào lớp hỏi:

- Phượng Hoàng, con có hiểu ý nghĩa hai câu này không?
- Hiểu chứ ạ! Tôi trả lời dứt khoát, mẹ tôi đỡ người.
- Thế thì con trả lời xem nào! Mẹ tôi định hỏi thử vậy thôi.

Tôi giải thích thật rành rọt, chi li, căn kẽ. Từ hôm đó, mẹ tôi đặc ý lắm, mẹ bắt đầu dạy tôi Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị. Tôi cũng học rất chăm chỉ, tôi học thuộc thơ Đường, bảy tuổi mà tôi đã thuộc lòng "Lương thương song nhận", và "Từ điều dạ thí đề". Tôi nghĩ, sau này tôi mê viết văn ắt có liên quan rất lớn đến những ngày học thơ Đường hồi đó.

Thời gian ở Trung học Lô Nam, nhà chúng tôi lại có chuyện đại sự. Ấy là chuyện em bé gái tôi chào đời. Nguyên là sau khi thắng lợi, mẹ tôi lại có mang, với cái bào thai này, mẹ tôi gởi gắm rất nhiều hy vọng. Chiến tranh đã đi qua, gian khổ cũng phải lùi dần về dĩ vãng. Tuy cuộc sống trước mắt còn gian truân, vợ chồng chưa được đoàn tụ. Nhưng, viễn cảnh vô cùng tươi đẹp. Mẹ tôi cũng thừa nhận rằng, thời kỳ thai nghén em gái tôi, là thời gian mẹ tôi thấy tràn ngập yêu thương ngọt ngào.

Tháng hai năm 1946 em gái tôi chào đời, đứng vào hàng ngũ gia đình. Em càng lớn càng giống mẹ, da dẻ mịn màng, mặt mũi tươi đẹp, không chê vào đâu được. Vừa lọt lòng mẹ, em đã thành cục cưng của cả nhà. Mẹ yêu em, chị em chúng tôi cũng rất yêu em. Năm ấy tôi tròn tám tuổi, con gái tám tuổi rất ham chơi búp bê, tôi không chơi búp bê (và cũng làm gì có búp bê mà chơi), mà là ẵm em gái của tôi. Tôi rất vui mừng vì mẹ tôi sinh em gái chứ không sinh em trai, hồi đó tôi khác những đứa con trai cùng ở chỗ

ước muốn có một đứa em gái để kết bạn, nguyện vọng của tôi đã được toại nguyện.

Ông nội tôi ở tít tận Hồ Nam đã theo dõi biết hết đoạn đường đầy gian khổ của chúng tôi. Giờ đây biển yên sóng lặng, nhà lại muốn có thêm cháu nội gái. Chẳng phải em gái sanh đúng mùa xuân đầy trời hoa nở như gấm thêu, nên ông chọn tên Cẩm Xuân, ba thấy tên em chưa hợp ý mình, nhưng ông nội đã chọn, ba cũng chịu vậy. Nhưng, cả nhà đều gọi em là út chứ không gọi tên, cũng giống như gọi em trai út là bé Tam chứ không gọi là Xảo Tam vậy.

Bốn anh chị em nhà tôi đều đủ mặt.

Năm thứ hai, ba được thư mời đi dạy học của đại học Đông Tế, Thượng Hải, cả nhà chúng tôi sum họp. Rồi trường trung học Lô Nam, cả nhà dời về Thượng Hải, bắt đầu một cuộc sống khác trước.

hết: [Chương 27](#)

QUYỀN DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 28

Ở Thượng Hải

Từ vùng thôn dã Tứ Xuyên đến Thượng Hải phố phường hoa lệ, quả là hai nơi cách biệt nhau nhiều quá. Vừa chân ướt chân ráo đến Thượng Hải, nhìn cảnh nhà cao chọc trời, ngựa xe như nước, áo quần như nêm, mắt tôi cứ hoa lên. Bé bỏng như tôi đã đi từ Thành Đô đến Hồ Nam, qua Quảng Tây, vượt Quý Châu, về Tứ Xuyên rồi đến Thượng Hải, đúng là tôi đã đi qua một quãng đường dài đằng dặc! Quãng đường ấy không chỉ dài mà còn đầy chông gai sóng gió.

Đến thượng Hải, những nài lưu lạc của chúng tôi phải chăng nên kết thúc tại đây! Ba đem bốn chúng tôi về ở trong một ngôi nhà mới.

Ngôi nhà này rất nhỏ, chỉ có một gian phòng trong nhà lầu lớn ở Bạch Độ Kiều ngoại ô Thượng Hải. Nhà lầu lớn này có cái tên nghe rất Tây là Ri-sác. Lầu Ri-sác có năm tầng, có lẽ trước đây là khách sạn. Trong mỗi tầng lầu đều có hành lang chạy dài, một mặt của hành lang trông ra sân vườn, còn mặt kia là từng gian phòng một, mỗi gian mỗi kiểu khác nhau. Mỗi

phòng có một buồng tắm nhỏ, có điều kỳ quặc là, trong buồng tắm thì có bồn tắm mà không có bàn cầu, đại tiện tiểu tiện đều phải ra tít tận nhà xí công cộng ở đầu kia của hành lang.

Lầu Ri-sác trở thành nhà ở của giáo viên đại học Đồng Tế. Gian phòng chúng tôi nằm ở lầu bốn. Nhà sáu người, lớn bé đều sống chen chúc trong đó. Phòng có một chiếc giường, một bàn viết, ba ngày ba ngời sửa bài tại bàn này, ban đêm trải chăn bông lên thành giường, tôi và mấy em trai ngủ trên đó. Còn cái phòng tắm kia, mẹ bắc mấy tấm ván lên

bồn tắm, mua lò và nồi nấu cơm, cứ cách vài ngày, dõn bếp cho các con tắm tập thể.

Hầu như từ lọt lòng đến giờ, sự nghèo khổ luôn gắn chặt với gia đình tôi. Lần này về Thượng Hải, tình cảnh cũng chẳng khá hơn chút nào. Đời sống Thượng Hải yêu cầu cao, út oa oa đòi bú, sữa bột đắt kinh người. Ba chị em tôi đang lớn như thổi. Ăn mặc, ở, đi lại cái gì cũng cần đến tiền. Đồng lương ít ỏi của ba rõ ràng là không làm sao nuôi nổi sáu miệng ăn. Nhưng ở Thượng Hải, tôi có người cậu bà con và dì Tư v. v...

Hồi đó, ông bà ngoại tôi đều đã qua đời. Anh cả của mẹ tôi làm luật sư sống rất sung túc, ở trong một ngôi nhà đầy đủ tiện nghi trên đường An-be. Hai anh em đã nhiều năm không gặp nhau, vừa mới thấy, đã khóc nức nở. Người cậu cả thấy tình cảnh túng bấn của gia đình tôi, con cái đứa nào cũng ốm yếu, vàng vọt, nằng nặc đòi ba tôi chuyển ngành, vì còn dạy học thì lũ trẻ sẽ chết đói mất. Nói một thời một hồi, người cha cố chấp của tôi chạnh tự ái, nổi nóng đưa tay xốc lại cổ áo đứng dậy, nói kiên quyết:

- Mỗi người có ý nguyện riêng của mình, tôi học cả đời rồi, cũng chỉ biết có dạy học thôi. Nghèo là số phận của tôi! Đã là vợ con của tôi thì đành phải sống kham khổ với tôi, làm gì có chuyện chuyển ngành được!

Ba tôi giận dữ bỏ về, từ đó xa lánh dần cậu tôi. Việc cậu khuyên ba chuyển nghề làm tổn thương lòng tự trọng của ba rất dữ. Còn tính khí của người cậu cả cũng chẳng phải vừa, thấy ba tôi vẫn cố chấp, không chịu đổi thay, sợ làm khổ lây đến em gái, nên rất bức bối. Do vậy, nhà tôi với nhà người cậu cả rất ít qua lại nhau. Chỉ có mợ cả thường xuyên đem hết bọc nhỏ, bọc lớn quần áo đến nhà, trong đó gói rất nhiều áo lụa, váy lụa trẻ con, lại cả những thứ bà ngoại sắm khi tôi chào đời mà tôi chưa nhận được, bây giờ thì đứa em gái nhỏ hơn tôi tám tuổi mặt thật vừa vặn. Thấy những áo quần ấy, khỏi phải nói, cũng biết là mẹ tôi khóc mấy ngày ròng.

Chúng tôi rớt cuộc rồi cũng sắp đặt đâu vào đấy, khổ tuy có khổ nhưng được cái cả nhà quây quần đoàn tụ. Ba bắt đầu nghĩ tới chuyện học hành của ba đứa lớn. Một hôm, ba dẫn cả ba chị em đến trường tiểu học quốc dân khu mười sáu. Đây là lần đầu tôi bước vào ngưỡng cửa nhà trường ở bậc tiểu học. Năm ấy tôi lên chín, tính theo tuổi thì tôi phải học lớp ba mới phải. Nhà trường sát hạch sơ bộ khi vào lớp, liền sắp tôi vào học lớp ba, Kỳ Lâm không theo nổi, xếp xuống lớp hai, em trai út xếp lớp một.

Đến chín tuổi đầu tôi mới được vào trường học, tôi nhớ rõ làm học cực nhọc lắm. Kỳ thực, không chỉ là vất vả thôi mà còn làm một sự đau khổ cực kỳ.

Nguyên do là, từ Tứ Xuyên đến Thượng Hải, tôi nói đặc sệt giọng Tứ Xuyên, mà cả trường, từ thầy giáo đến học trò đều nói toàn giọng Thượng Hải. Ngôn ngữ bất đồng, thầy giáo nói gì tôi cũng không hiểu, bạn học nói gì tôi cũng không hiểu. Chưa hết, tôi lại từ nông thôn ra nên quê một cục, trẻ con Thượng Hải đều nhanh nhẹn khôn ngoan, so đi sánh lại, cái gì tôi cũng thua. Lại còn từ nhỏ, tôi chỉ được mẹ dạy thơ Đường, tôi đọc rất khỏe, nhưng toán

thì đến phép cộng cũng không biết làm, điểm số thua xa các bạn. Do nhiều nguyên nhân, như thế, ở trường tôi rất khổ tâm.

Trẻ con ở Thượng Hải hay làm phách. Ngày đầu đi học, khi sắp hàng trên sân tập thể dục, những đứa đứng trước đẩy tôi ra sau, mấy đứa đứng sau đẩy tôi lên trước, khiến tôi xấu hổ quá đành đứng ra ngoài hàng, chân tay bối rối, không biết làm thế nào. Thầy giáo đến, thấy tôi không sắp hàng, mắng tôi một trận, cả lớp khúc khích cười, còn tôi thì khóc chạy về nhà không thèm học nữa!

Không đi học không được. Ba mẹ muốn tập cho chúng tôi có tính độc lập và khả năng thích nghi với mọi hoàn cảnh. Tôi khóc suốt đêm, lại đành ngoan ngoãn trở lại trường. Dần dần, ngày qua ngày, các bạn học không khi dễ tôi nữa. Tôi cũng bắt đầu kết bạn, nhưng do giọng nói, nên kết bạn rất khó.

Tôi đi học cũng chẳng thuận lợi chút nào, hai đứa em trai tôi cũng thế. Kỳ Lân tính khí bướng bỉnh, từ bé thường xuyên đánh lộn với bạn bè. Em trai út càng quấy phá dữ, nó chẳng bao giờ chịu ngồi ngay ngắn trong lớp được vài tiếng đồng hồ, làm thế nào bắt nó ngồi nghe thầy giảng cho được. Không rõ sao, anh chàng nghĩ mẹo vặt, giờ tay lên xin thầy:

- Con xin đi tiêu!

Thầy giáo liền cho nó đi. Kết quả làm mỗi tiết học nó giờ tay lên mười mấy lần xin đi nhà xí. Có một lần, thầy bực quá, giận dữ quát:

- Không được đi!

Em trai út thấy mưu kế không thành, đành ngồi yên chột lất, rồi nó dọa thầy:

- Thầy không cho con đi, con đái trong quần!

- Đái thì đái đi. Thầy nói: Không cho đi là không cho đi!

Nào ngờ, thầy vừa dứt câu thì cậu ấm "giải quyết tại chỗ" ngay lập tức, làm cho thầy trò cả lớp ai nấy kinh ngạc thất sắc. Lúc đó, trong trường có qui định, học sinh hễ nói tục

hoặc là điều sai trái thì dùng bút đỏ vẽ một vòng trên miệng rồi thì rửa mấy ngày cũng chẳng sạch. Thầy giận quá, liền vẽ lên miệng em trai út mấy vòng tròn đỏ liền. Hôm ấy, Kỳ Lân vì đánh lộn và chửi bậy nên cũng bị thầy giáo lấy bút đỏ khoanh tròn lên miệng. Kết quả là, tôi đang học nửa chừng bị thầy chủ nhiệm giám thị chạy lại báo cho biết:

- Hôm nay con không phải học, dẫn hai đứa em về nhà đi, chúng nó đứa thì đáí trong quần, đứa thì đánh lộn!

Trường cách nhà tôi một đoạn đường xa lắm. Thường thường tôi phải đưa chúng đến trường và dắt chúng về nhà. Hôm đó tôi dẫn hai đứa về nhà, nhìn những khoanh tròn trên miệng chúng rồi nhìn cái quần ướt của em trai út, tôi thấy xấu hổ quá. Hai đứa lại còn chu mỏ giận dỗi, làm ai qua đường cũng ngoái đầu nhìn chúng nó cười, tôi lại càng muối mặt hơn, nói với hai em:

- Biết thế này, để chúng mày mất tiêu ở Đông An cho rồi, tìm về làm gì cho phiền toái thế này!

Vừa dứt lời, nhớ lại cảnh buồn thảm đau thương sau khi mất hai em ở Đông An, tôi hối hận vô cùng, lòng quặn thắt, nước mắt chảy ròng ròng. Bé út thấy tôi khóc, cũng khóc theo, kéo chéo áo tôi nói:

- Chị đừng khóc, em không dám nữa đâu!

Kỳ Lân thấy hai chị em đều khóc, mắt nó cũng đỏ ngầu. Tôi chợt hiểu ra, mình là "chị cả" trong gia đình, hai em trai dầu sau cũng là em, dầu gì đi nữa, tôi cũng không thể rời chúng nó. Thế rồi tôi nắm chặt tay em trai út, ba đứa vừa đi vừa khóc về nhà. Vừa đến nhà, tôi vội vã giấu hai em vào phòng tắm, ra sức kỳ cọ cho mất tiêu cái khoanh tròn trên miệng hai đứa, kéo ba mẹ trông thấy, cũng sẽ xót xa như tôi.

Sống ở Thượng Hải là như vậy đó. Tôi nhớ rõ, cái vui đến thì ít. Cái nghèo cái khó cứ ập đến hoài hoài. Thượng Hải mùa đông lạnh không tả xiết, tôi và các em đều thiếu đồ ấm, hai hàm răng cứ đánh vào nhau kêu lập cập. Ngày ngày ba chị em dặt tay nhau đến trường, phải đi qua quán bán hạt giẻ, thềm mua một gói hạt giẻ cầm cho ấm tay, ăn cho ngọt miệng, nhưng đào đâu ra tiền, chỉ lấy mắt nhìn. Các bạn xếp hàng lần lượt nhảy dây thun, bạn nào cũng có một xâu lớn trên tay, chỉ mình tôi là không có. Hồi đó trong bụng ước ao làm sao có một xâu dây thun lớn, vậy mà cho đến khi rời Thượng Hải, nguyện vọng đó vẫn chưa thành.

Nói thật, tôi từng chịu thương chịu khó từ tấm bé. Nhưng chỉ có thời gian ở Thượng

Hải mới đặc biệt nhạy cảm về nỗi khổ của mình.

Những ngày sống ở Thượng Hải, lương ba tôi không đủ chu cấp cho cả nhà, (cậu muốn thường xuyên giúp tiền cho chúng tôi, nhưng ba tôi cương quyết cự tuyệt. Chỉ có mợ tôi khéo chuyển thành cái ăn cái mặc thường xuyên đăm dúi cho gia đình tôi). Mẹ tôi cho rằng đó không phải là cách có thể cứu cả nhà, nên đã trở lại dạy ở trường trung học. Thế là tôi càng bận rộn, ngày nào cũng như ngày nào, hễ tan học là đi như bay về nhà trông nhỏ út. Cái bàn lớn trong nhà chúng tôi không đủ chỗ ngủ, chúng tôi xuống nằm dưới đất. Từ đó trở đi, tôi thành cô bảo mẫu bé bỏng của đứa em gái út.

Niềm vui trong cuộc sống chẳng được bao nhiêu. Nhưng cũng từ năm ấy, tôi lại khám phá ra hứng thú viết văn. Tôi viết một truyện ngắn về cuộc sống thường nhật của tôi với tựa đề "tuổi trẻ đáng thương". Đưa ba đọc, ba rất xúc động, sau đó giúp tôi gửi cho trang nhĩ đồng của tờ Đại công báo. Sau khi được đăng, suốt ngày tôi mê mê tờ báo ấy, sướng hết chỗ nói, đến bữa cơm cũng không nhớ. Tôi đọc truyện ấy ít lắm cũng phải một trăm lần. "Tuổi trẻ đáng thương" viết những gì nhỉ? Đến giờ tôi không nhớ hết. Nhưng, rõ ràng "tuổi trẻ đáng thương" là câu chuyện về đời mình!

Sau khi tác phẩm được đăng báo, tôi bắt đầu mê viết văn. Cứ mỗi bữa đi học về, là cặm cụi viết. Lúc đó, dì Tư của tôi tham gia nhóm kịch nói, diễn vở Người Bắc Kinh của Tào Ngưu. Mặc dù không là vai chính, nhưng lại là vai thứ rất quan trọng. Nhờ vậy mà tôi cũng được giấy mời đến nhà hát xem dì Tư diễn kịch nói, tôi sướng lắm. Xem xong về nhà, tôi viết kịch bản. Không biết phân cảnh tôi toàn viết "Kịch một màn". Hễ nhân vật kịch hơi nhiều là tôi quên không nổi nên tôi toàn viết "Kịch hai người". Một thời gian dài, tôi viết không biết mệt mỏi, ba mẹ xem kịch bản của tôi, chỉ tủm tỉm cười. Bởi vì, đề tài của tôi, toàn là những câu chuyện trao đổi giữa ba mẹ, thật chi tiết, thật đầy đủ suốt dọc đường đi lánh nạn.

Số phận những "Kịch bản" của tôi thật hẩm hiu, không được đăng, không được xuất bản, và đương nhiên là chẳng có ai diễn. Rót cuộc là vào sọt rác hết.

Tôi học ở Thượng Hải được một năm, dần dà kết thân nhiều bạn, học được cách nói Thượng Hải, cũng thuộc không ít đường ngang ngõ tắt của thành phố to lớn này. Tôi đi một mình đến hiệu sách, tôi mê đọc sách đến nỗi quên cả về nhà ăn cơm tối. Tôi cũng biết ấm em gái út đi xem đua thuyền trên Bạch Độ Kiều, xem cho đến mặt trời lặn. Cứ đến chủ nhật, tôi cùng các em trai chạy nhảy tung tăng ở công viên ngoài bãi sông để bỏ

những ngày sống tù túng trong gian phòng chật hẹp.

Nhưng nét mặt ba mẹ tôi thấy sao không bình thường, không khí ở Thượng Hải cũng không được bình thường. Giá cả tăng vọt, đồng tiền mất giá, các cửa hàng ở Thượng Hải luôn xảy ra những vụ cướp giết... Nhưng điều đó với tuổi nhỏ như tôi, không thể nào hiểu nổi. Cái duy nhất tôi quen thuộc, tôi hiểu được là bầu không khí căng thẳng đang bao trùm. Tôi biết, chiến tranh lại sắp đến gần!

Quả nhiên chiến tranh đến gần. Lần trước là chiến tranh kháng Nhật, lần này là nội chiến. Với tôi, chiến tranh cũng có nghĩa là lưu lạc và khổ đau. Nụ cười không hiện trên khuôn mặt ba mẹ tôi nữa. Ngày nào ba mẹ cũng bàn đi tính lại đủ điều. Cuối cùng, ba quyết định, đưa mẹ và bốn đứa con về quê ở Hồ Nam trước. Ba tiếp tục lưu lại Thượng Hải để dạy cho hết học kỳ. Thế là chúng tôi xa Thượng Hải mới vừa quen thuộc, trở về lại Hồ Nam.

Đây là lần thứ hai chúng tôi trở lại quê nhà, lần thứ hai đoàn tụ với ông nội. Hai lần đều ám ảnh bởi chiến tranh, hai lần Hồ Nam đều là trạm rung chuyển của chúng tôi, chứ không phải là nơi chúng tôi ăn đời ở kiếp.

hết: [Chương 28](#)

QUYỀNH DAO

Chuyện Đời Tôi

PHẦN MỘT

Chương 29

Trở Lại Quê Nhà

Chúng tôi sum họp với ông nội ở Hành Dương. Bốn chị em tôi sắp hàng quỳ xuống, bái lạy ông. Em gái út còn nhỏ quá không biết gì, mẹ phải đỡ nó quỳ xuống, cúi đầu chào. Lần trước tạm biệt ông, chưa có út gái, bây giờ út gái đã bi bô học nói. Ông nội kéo chúng tôi xem kỹ mặt từng đứa một, sau cùng, giang tay ôm út gái. Tóc và râu của ông đã bạc như cước. Đôi mắt trước đây sắc sảo, uy nghiêm giờ cũng hiền từ hơn nhiều. Ông ôm út, nhìn chúng tôi cười hể hả:

- Thế gian loạn lạc ông cháu mình còn đoàn tụ được thế này là tốt lắm, tốt lắm!

Lúc đó ông nội tôi không thể nghĩ rằng cuộc đoàn tụ lần này chỉ là sự mở đầu cho một cuộc biệt ly khác.

Đặt chân đến Hành Dương, mẹ tôi liền nghĩ ngay đến việc học của ba đứa lớn nên đưa chúng tôi vào trường tiểu học Cường Đức của thành phố Hành Dương để học tiếp. Còn mẹ tôi nhận được thư mời dạy ở một trường trung học, trường này cách Hành Dương rất xa, nếu chuyển về đó thì không cách gì sống nổi. Mẹ đành để ba đứa lớn lại, đưa bé út theo, rồi Hành Dương đi dạy học.

Đây là lần đầu tiên trong đoạn đời niên thiếu, tôi xa cả cha lẫn mẹ. Song, năm ấy tôi không còn là đứa bé gái bé bỏng lần đầu về quê, tôi đã lớn, lớn đến độ đã có thể săn sóc hai đứa em trai, khi chúng nghịch ngợm thì can ngăn, khi chúng buồn thì an ủi.

Nhưng mẹ tôi

không thể yên tâm để ba chị em tự lo liệu cho nhau, mà gửi chúng tôi cho người chị và người anh bà con là Vương Đại Huân và Vương Đại Kiệt.

Đại Huân và Đại Kiệt là con của cô tôi. Cô này là con gái của người đàn bà có quan hệ đầu tiên với ông nội tôi. Chị Đại Huân khi đó mới lấy chồng, anh Đại Kiệt còn trẻ. Chúng tôi thuê mấy căn phòng ở Hành Dương để ở, những phòng này nằm trong khu nhà có tên là "Đài Viên".

Chị Đại Huân là một người hiền dịu, thanh bạch, chân thành, dáng không cao, ăn nói nhỏ nhẹ, làm việc gì cũng thận trọng. Thời gian đó, mẹ tôi nhờ cậy trông nom ba cháu bé, làm cái việc "chị cả như mẹ hiền", kể cũng gian nan vất vả thật. Vì em trai út nghịch ngợm đã nổi tiếng, còn tính khí Kỳ Lân thì nóng như lửa, không đánh lộn với các bạn học thì cũng đập nhau với trẻ láng giềng. Chỉ có tôi là điềm tĩnh hơn, nhưng cũng có cái phiền là lúc bấy giờ tôi mê sách lắm, từ sáng đến tối đòi mua sách, tiền ăn mẹ để lại đâu có nhiều nhận gì, lấy đâu ra tiền để mà mua sách? Không mua được sách xem, ngày nào tôi cũng khóc đỏ cả mắt.

Ở Đài Viên còn có một chuyện làm tôi nhớ mãi. Đó là chuyện ăn của chúng tôi. Thì ra mẹ tôi dặn chị Huân, nghèo gì thì nghèo cũng ráng nghĩ cách cho chúng tôi ăn đủ ba bữa. Thế là chị Huân ngâm một chảo bột toàn là trứng muối. Sáng dậy chúng tôi ăn cháo với trứng mặn, trưa ăn cơm với trứng mặn, tối đến lại cũng ăn cơm với trứng mặn. Ăn mấy tuần liền như vậy, em trai út hể bụng bát cơm lên là mặt mày méo xệch, Kỳ Lân thì hét ầm lên không ăn trứng mặn, còn tôi thì xoa xoa bụng nói không đói, bỏ mâm cơm đi đọc sách. Chị Huân thấy lo quá, vội đi kho một nồi thịt với dưa cải. Nồi mới bùng ra bàn, ba chúng tôi hoan hô dậy trời, cầm đũa lên mới phát hiện chẳng có mấy miếng thịt, toàn dưa với dưa.

Cuộc sống cực như vậy, nhưng khi ông nội thượng thọ tám mươi tuổi thì cỗ bàn lại rất linh đình.

Hồi đó ông nội dạy học trong Hành Dương, để làm lễ mừng thọ, ông về quê cũ Lan Chi Đường. Ba chị em tôi và mẹ đều về Lan Chi Đường. Về đây tôi mới biết ông nội thật là đức cả vọng trọng, thiên hạ kính vì. Bao nhiêu là bạn hữu thân thuộc, có đến trên một trăm, đều từ Hồ Nam và các nơi về Lan Chi Đường chúc thọ ông nội. Lan Chi Đường treo đèn kết hoa, pháo dây nổ liên hồi, chiếu hoa trải dài ra tận cổng, cỗ bàn tuy không thịnh soạn lắm, nhưng cả nhà rất hài lòng. Trước mặt Lan Chi Đường có một hồ cá, cá nuôi khá lâu năm, không ai nở ăn, đến lúc đó cũng vớt lên đãi khách hết.

Ngoài ra, Lan Chi Đường còn làm rạp hát, mời gánh hát đến diễn. Ở nhà quê không có

gì để giải trí, nên lân cận cả chục dặm cũng kéo đến xem kịch. Tôi cũng chen chân trong đám đông, xem say sưa. Khi ông nội và mẹ mệt quá rồi, định về Tân thất nghỉ, tôi vẫn không chịu đi theo, em trai út và Kỳ Lân đương nhiên cũng không chịu đi, xem cho đến khi mãn kịch. Kịch xong đúng mười hai giờ đêm, người hầu của ông nội là Hoàng Tài Dur dẫn chúng tôi về Tân thất, bác ôm bé út, vừa dắt Kỳ Lân, vừa xách cây đèn bão đi trên bờ ruộng, nên bị té xuống đám ruộng nước, ướt như chuột lột, dính bết bùn. Về Tân thất, mẹ tôi nhìn thấy sốt ruột, than vắn thở dài, vì tôi chỉ có bộ đồ một trăm lạng một này trên người là có thể mặc được để hôm sau còn tiếp tân giúp ông nội! Trong đêm, mẹ tôi phải giặt đồ, nhưng không kịp khô. Hôm sau, tôi đánh mặc quần của em trai đi lạy bạn bè của ông nội.

Lạy. Nói đến chuyện lạy, nếp cũ của ông nội vẫn chưa thay đổi. Hễ thấy bề trên là ba chị em tôi phải lạy. Người khác bái ông nội thì chúng tôi cũng phải lạy đáp lễ, lạy, lạy mãi. Đang lúc đó, người em họ của tôi là Đường Chiêu Học xuất hiện. Đường Chiêu Học hồi đó học cấp

ba, khoảng mười bảy mười tám tuổi, là một thanh niên đôn hậu sống có nề nếp, quy củ, nghe đầu học cũng đứng đầu gì đó. Không may cho cậu ta, vì thấp vai hơn chúng tôi một đời họ, dù là tuổi gấp đôi, thành ra là đối tượng để tôi và các em trêu chọc. Thấy bề trên là phải lạy! Em trai út kéo ông nội, nhảy câng câng phần khởi reo lên:

- Đường Chiêu Học có lạy chúng cháu không? Bảo nó lạy chúng cháu nhanh lên!

Chúng cháu lạy nhiều lắm rồi, mới tới lượt có người lạy trả chúng cháu!

Đường Chiêu Học không chịu lạy, cũng không chịu gọi tôi bằng cô, khom người giắt đầu một cái rồi ù té chạy. Chúc thọ ông nội xong, chúng tôi về lại Hành Dương đi học, Đường Chiêu Học hễ nghỉ hè là đến Đài Viên chơi, trở thành người bạn tốt nhất của tôi.

Năm ấy, tôi ăn sinh nhật tròn mười tuổi, đã hiểu đời. Sau mười tuổi, là năm cuối cùng tôi lưu lại Hành Dương, (sự thật cũng là năm cuối cùng tôi lưu lại ở Đại Lục). Từng việc, từng việc đã qua cứ sống dậy mạnh mẽ trong đầu tôi, trong đó có cả chuyện ống sáo của Đường Chiêu Học.

Đường Chiêu Học có một ống sáo, đi đâu cũng mang theo bên người, hễ rảnh rỗi là lấy sáo ra thổi. Chú ấy thổi hay lắm. Từ nhỏ tôi vốn rất yêu âm nhạc, kịch, văn học, nghệ thuật. Khi đó, âm nhạc mà tôi được tiếp xúc đầu tiên là ống sáo của Đường Chiêu Học. Chú ấy thổi sao nghe du dương quá, tôi thường đòi chú ấy thổi, mà hễ đòi là chú ấy chịu

thối liên.

Được đảng chân lân đảng đầu, sau đó tôi đòi chú ấy đưa sáo cho tôi, chú ấy nhất quyết không chịu. Nguyên do cây sáo này là của một người bạn thân của chú ấy tự tay khắc tặng rất công phu. Bây giờ, người bạn ấy đã chia tay, để kỷ niệm tình bằng hữu, nên không lúc nào chú ấy chịu rời ống sáo.

Có một dạo, chính nhờ Đường Chiêu Học và tiếng sáo của chú ấy đã giúp đỡ tôi vượt qua những khoảnh khắc cô đơn. Ba ở mãi tận Thượng Hải, mẹ đi dạy học xa, cái năm ấy tôi cảm thấy cô đơn quá. May mà có anh họ, chị họ và Đường Chiêu Học. Tôi còn nhớ, hồi nhỏ tôi có nóng nảy đâu, chiến tranh ly loạn và đói nghèo tôi đã quen từ tấm bé. Nhưng không hiểu sao, có một hôm tôi lại cãi lộn dữ dội với Đường Chiêu Học. Cái sai là do tôi gây ra, nhưng chú ấy không chịu nhượng bộ tôi. Cãi, cãi một hồi, tôi nổi quạu, giựt ống sáo của chú ấy đập mạnh lên bàn. Chú ấy nhảy tới định chặn lại, nhưng không kịp nữa rồi, cái ống sáo đã đập thành nhiều mảnh. Tôi đứng ngây người, chú ấy cũng đứng ngây người.

Thật tình tôi nào biết ống sáo vừa mới gõ một cái là đập tan ra. Khi ống sáo bị đập, tôi sợ đến cả đờ cả miệng chỉ đành trố mắt nhìn, hồi hận quá không biết làm cách gì. Đường Chiêu Học thì xanh mặt, vừa nhặt từng mảnh sáo vụn lên, vừa hét ầm ĩ. Bà chị họ bênh tôi, nhảy xổ ra mắng Đường Chiêu Học một trận:

- Cái ống sáo ấy chứ thứ gì mà làm dữ vậy? Con trai to đầu thế kia mà đi cãi lộn với con gái! Đồ không biết xấu! Hơn nữa, Phụng Hoàng là cô của mày kia mà! Đường Chiêu Học giận lắm, cầm ống sáo bẻ lao ra khỏi nhà. Suốt một thời gian dài, chú ấy không thèm đến thăm tôi.

Cuối cùng thì Đường Chiêu Học đến thăm tôi, cũng là lúc ba tôi vội vàng từ ở Thượng Hải trở về, mẹ tôi cũng bỏ dạy ở Hành Dương chạy về. Cả thành phố Hành Dương, đang loạn xạ bát nháo cả lên, trường tiểu học đóng cửa, học trò lục tục kéo về quê. Ba và ông nội lại bắt đầu thảo luận. Tôi đã quen cái không khí ấy lắm rồi, tưởng như mỗi lần nét mặt người lớn dăm chiêu, sắc lạnh luận bàn với nhau thảo luận suốt sáng, mỗi lần trường học đóng cửa, mỗi lần trường học đóng cửa, mỗi lần người trong thành phố nháo nhác... tức là báo hiệu đến hồi ly biệt.

Mùa xuân năm 1949, chúng tôi lại xa ông nội một lần nữa. Giờ ly biệt đã đến. Bốn đứa

bé và ông nội lần lượt ôm nhau, ông nội dặn đi dặn lại: Bao giờ thời cuộc ổn định, sớm ngày quay về nhé! Chúng tôi đáp xe lửa đến Quảng Châu, rồi lên tàu thủy đi Đài Loan. Ai cũng cho rằng ly biệt lần này không lâu hơn lần trước. Ông nội tuy đã tám mươi, nhưng vẫn còn mạnh khỏe, ngày đoàn tụ chắc chắn là không xa lắm. Nào ngờ, lần biệt ly ấy, chúng tôi mãi mãi xa ông!

Ông nội, anh họ, chị họ, Đường Chiêu Học, đều ra ga xe lửa tiễn chúng tôi. Người anh họ còn leo lên xe, tiễn chúng tôi đến mấy ga liền mới xuống. Tôi tựa cửa sổ nhìn thành phố Hành Dương khuất dần, khuất dần, rồi mất hút, tôi muốn nói một câu xin lỗi với Đường Chiêu Học, tôi muốn ôm chặt lấy cổ ông nội, hôn chòm râu bạc phơ của ông, tôi muốn bảo bà chị họ là tôi thích ăn trứng vịt mặn... nhưng rồi tôi chẳng nói gì được, chỉ đưa hai tay bịt chặt cửa xe, nhìn chằm chằm ông nội người thân và thành phố Hành Dương, mỗi lúc một xa dần, xa dần...

Hồi đó, thật tôi không thể ngờ rằng cuộc chia tay ấy lại dài đến ba mươi chín năm! Cho mãi đến tháng tư năm 1988, tôi mới có cơ hội về thăm Đại Lục, gặp lại anh họ, chị họ và Đường Chiêu Học! Câu "xin lỗi" cách ba mươi chín năm tôi mới nói được với Đường Chiêu Học tại đại khách sạn Trường Giang ở Vũ Hán. Còn trứng mặn của chị họ! Khi tôi gặp lại chị họ, thì tóc chị bạc trắng. Bắt chặt tay tôi, chị khóc nức nở. Sau đó, chị nói đùa:

- Chắc nhờ ăn trứng mặn của chị, em mới có cái đầu thông minh để viết tiểu thuyết! Chắc vậy quá! Tôi ôm chặt lấy bà chị họ của tôi. Năm 1988, nhỏ Phụng Hoàng đã già rồi, Đường Chiêu Học đã hai màu tóc trên đầu, con của người anh họ đều đã tốt nghiệp đại học... Còn ông nội thì đã qua đời từ lâu. Đòi người ngấn ngủi quá. Sự đời thật khó lường!

hết: [Chương 29](#)

QUYỀN DAO

Chuyện Đời Tôi

Chương 30

Lần Đầu Đến Đài Loan

Mùa hè năm 1949, cả nhà sáu người chúng tôi đến được Đài Loan sau bao ngày trắc trở. (Khi chúng tôi ở Quảng Châu, phải lưu lại đây hơn hai tháng vì bị bọn móc túi trên xe buýt lấy sạch tiền bạc và giấy tờ chuẩn bị đi Đài Loan. Ba tôi bèn dán thông báo khắp các phố phường kêu gọi "quí nhân" trả lại giấy tờ cho chúng tôi. Thế là "quí nhân" kia trông thấy thông báo, đem giấy tờ đi Đài Loan đến trả tận chỗ ở. Đồng thời, bác Vương ở Đài Loan gấp rút gửi tiền đi đường cho ba, chúng tôi mới lên đường được. Lần đầu đến Đài Loan, cái gì cũng rất mới lạ.

Ba nhận được thư mời của trường Đại Học sư phạm, làm phó giáo sư Khoa trung văn. Đại Học sư phạm phân cho ba tôi một gian nhà kiến trúc kiểu Nhật Bản. Đài Loan lúc ấy mới thoát khỏi tay của Nhật chưa bao lâu, kiến trúc phố phường đều theo kiểu Nhật, khu nhà ở cũng hoàn toàn theo kiểu Nhật. Chỗ ở chúng tôi tuy có nhỏ thật nhưng rất ngăn nắp. Phía trước có sân nho nhỏ, sân trước có một cây đa lớn, tường thấp bao quanh. Chỗ vào cửa có một cái vòm, phải tháo giày mới bước lên sân nhà. Nhà chúng tôi có ba phòng, mặt trước là phòng khách tám mét, mặt sau có nhà xí sáu mét. Lại còn sân sau, trong sân sau có hai cây dừa cao nghiêng.

Tôi còn nhớ rõ, ngày đầu vào nhà này, mẹ tôi rất phấn khởi. Người mẹ đáng thương từ khi đi lấy chồng chưa được một ngày yên ổn, cứ lặn lội long đong. Bây giờ được ở trong ngôi nhà có cổng riêng, sân riêng, mẹ tôi sung sướng nói:

- Từ hồi mẹ lấy chồng đến giờ, đây là lần đầu có nhà riêng.

Mẹ tôi chăm chút lau nhà, lau ván sàn, lau bậc cửa sổ. Khắp nhà chỗ nào cũng lau sạch bóng. Mấy đứa chúng tôi lần đầu được ở nhà Nhật, vào cửa là tháo giày, chẳng quen chút nào. Riêng việc tập mang guốc, cũng bị ngã hoài. Thích nhất là sàn nhà có trải thảm, đẹp giản dị. Ngôi nhà Nhật nho nhỏ này, chúng tôi ở liền mười mấy năm. Tuổi thơ ấu của chúng tôi kết thúc tại ngôi nhà này. Hai đứa em trai rất khỏe, thường đánh lộn trong nhà, nhà Nhật thì cửa giấy, hễ chúng nó xô đẩy té ngã là cửa giấy rách toác cả. Vì vậy, ba mua loại giấy dán tường, để dán cửa. Một năm, chúng tôi phải dán giấy cửa những mấy lần.

Cuộc sống vẫn rất gian khổ, phần lương của ba không đủ trang trải cho cả nhà. Ngày nào mẹ cũng tính toán, tìm cách giảm bớt chi tiêu. Áo quần chúng tôi vá chùm vá đụp, sửa đi sửa lại không biết bao nhiêu bận, đứa lớn chật thì sửa lại cho đứa nhỏ, chị mặc chật thì sửa lại cho em gái, anh mặc chật thì sửa lại cho em trai. Mẹ ở nhà làm nội trợ. Nhà không mua nổi than củi, nên đốt bằng than quả bàng, than quả bàng và bếp lò đều bự, ở giữa có nhiều lỗ tròn, quả nọ tiếp quả kia đun lên, suốt năm không bao giờ tắt lửa. Nhưng có điều hơi than rất khó thở, tôi thường xuyên phải ngủ trong nhà ăn chỉ có bốn mét, đêm đêm hít thở than này, nên đến giờ cổ họng tôi vẫn không ớn.

Trong tiểu thuyết "Mấy Độ Tịch Dương" nói về cuộc đời nhân vật Lý Mộng Trúc, ấy chính là hình ảnh của mẹ tôi. Tôi còn dẫn ra một bài thơ, bài thơ ấy chính do mẹ tôi làm:

Gánh vác việc nhà nào sợ khổ?
Đêm khuya còn vá áo trượng phu
Ai thương tay liễu luôn kim lạnh
Côn trùng non nỉ dưới trăng thu!

Qua bài thơ này, có thể hiểu được cuộc sống chúng tôi năm ấy.

Mùa thu năm 1949 tôi học lớp sáu trường sư phạm Đài Bắc, tiếp tục năm học gián đoạn của tôi, Kỳ Lân học lớp năm, còn em trai út thì học lớp ba. Em gái út chưa đến tuổi đi học, thích leo lên tường thấp bao quanh nhà, từ tường leo chuyên lên cây đa to, rồi ngồi trên đó ngắm phong cảnh.

Mỗi buổi sáng, như thường lệ, tôi lại dẫn hai đứa em trai đi học. Đài Loan là vùng Á nhiệt đới, mùa hè nóng kinh người. Hễ tan học là các bạn ào vô quán kem Phước Lợi mua kem ăn. Tôi và các em không có tiền, không làm sao mua được, nhìn các bạn ăn

kem, thấy thèm hết biết. Nhà trường qui định mặc đồng phục, mỗi tuần giặt áo quần đồng phục hai lần, hai lần đó được mặc thường phục. Ngày mặc thường phục, các bạn ăn mặc mỗi người một kiểu, trông rất đẹp, chỉ có mỗi mình tôi là mặc hoái cái váy sửa từ cái áo Thượng Hải của mẹ, trông dị hợm. Vậy mà tôi mặc nó suốt năm học, không có chiếc thứ hai. Điều đáng sợ nhất trong tuần là "ngày giặt đồ đồng phục".

Kỳ lân và em trai út càng nghịch ngợm hết chỗ nói. Những đứa trẻ khác có đồ chơi, chúng tôi không có gì cả. Đến Đài Loan, lần đầu tôi mới trông thấy ốc sên bò trên lá, trông lạ lùng lắm. Tôi gọi mấy đứa em lại xem, nói:

- Ốc ruộng Đài Loan kỳ cục thật, biết công cả vỏ của mình bò trên lá cây!

Các em không có đồ chơi, nhận thấy ốc sên cũng là thứ đồ chơi thú vị. Chúng nó bứt từng chiếc lá có ốc sên, cho vào trong bọc, thi nhau ai tìm được ốc sên nhiều hơn. Chúng còn bày trò cho ốc sên "đấu nhau" tiếc là ốc sên không phải là châu chấu, chẳng biết đấu đá gì cả. Túi nào của chúng tôi cũng đầy ắp ốc sên. Mẹ sợ quá la hoảng lên, suýt té xỉu tại chỗ. Từ đó trở đi, chúng không dám nghịch ốc sên nữa, nhưng không nghịch ốc sên thì biết nghịch thứ gì bây giờ? Thế là chúng lại chơi trò ốc sên.

Năm đó, tôi phát hiện ra các buổi chiếu bóng. Tại vườn thực vật, tối thứ bảy nào cũng có một buổi chiếu bóng ngoài trời, giá rất rẻ, chỉ có một đồng. Nhưng ngay cả một đồng tôi cũng không có! Hằng ngày tôi giúp mẹ rửa chén, xin mẹ một ít tiền lẻ, có khi mẹ cho một hào. Để dồn lại thật lâu mới đủ một đồng. Không có tiền đi xe buýt, tôi phải đi bộ đến vườn thực vật, mất đúng một tiếng đồng hồ, xem xong, lại đi bộ quay về đúng một tiếng nữa. Có một lần, phim chiếu nửa chừng thì trời mưa lớn đành phải ngừng lại. Tôi đội mưa về nhà, trời tối, mưa to, giữa đường bị té ngã, đầu gối bị chảy máu. Về đến nhà, tôi bị ướt sũng hết như người cá, nước chảy ròng ròng, chân đau quá, đi không vững. Mẹ tôi trông thấy thất kinh, vội vàng thay áo quần, bôi thuốc cho tôi, và cấm tôi từ rày về sau không được đi vườn thực vật xem chiếu bóng nữa. Nhưng không xem chiếu bóng làm sao được? Đó là ham thích của tôi mà!

Tuổi niên thiếu long đong, lận đận là vậy.

Mùa hè năm sau, tôi mười hai tuổi, tốt nghiệp trường tiểu học sư phạm Đài Bắc, thi đậu và trường nữ trung học số một Đài Bắc.

Vào trường trung học, tuổi thơ ấu lùi về quá khứ. Ngẫm lại, cái ngây thơ hồn nhiên

của tuổi ấy, chẳng có mấy, chỉ toàn cát bụi phong trần, cái cảm giác êm đềm, hạnh phúc chẳng được bao nhiêu, còn kinh nghiệm biệt ly, xa cách thì không kể hết. Niềm hân hoan thì ít, nỗi khổ đau thì nhiều. Những ngày nhàn nhả thật hiếm hoi, chuỗi ngày lưu lạc dài vô tận.

Đây, tôi đã đi qua thời kỳ ly loạn của chiến tranh, đi qua khói lửa, đi qua khổ ải, đi qua thời niên thiếu của tôi như vậy đó.

Còn về sau lại là một chương hoàn toàn khác.

HẾT